PH.ĂNG-GHEN

VỀ VẤN ĐỀ NHÀ Ở[223]

Do Ph.Ăng-ghen viết từ tháng Năm 1872 - tháng Giêng 1873
Đã đăng trên báo "Der Volksstaat" các số 51, 52, 53, 103 và 104, ngày 26 và 29 tháng Sáu, 3 tháng Bảy, 25 và 28 tháng Chạp 1872, các số 2, 3, 12, 13, 15 và 16, ngày 4 và 8 tháng Giêng, 8, 12,19 và 22 tháng Hai 1873 và đã in ba lần thành sách riêng tại Lai-pxích những năm 1872 - 1873
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản in của lần xuất bản năm 1887, có đối chiếu với bản in trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

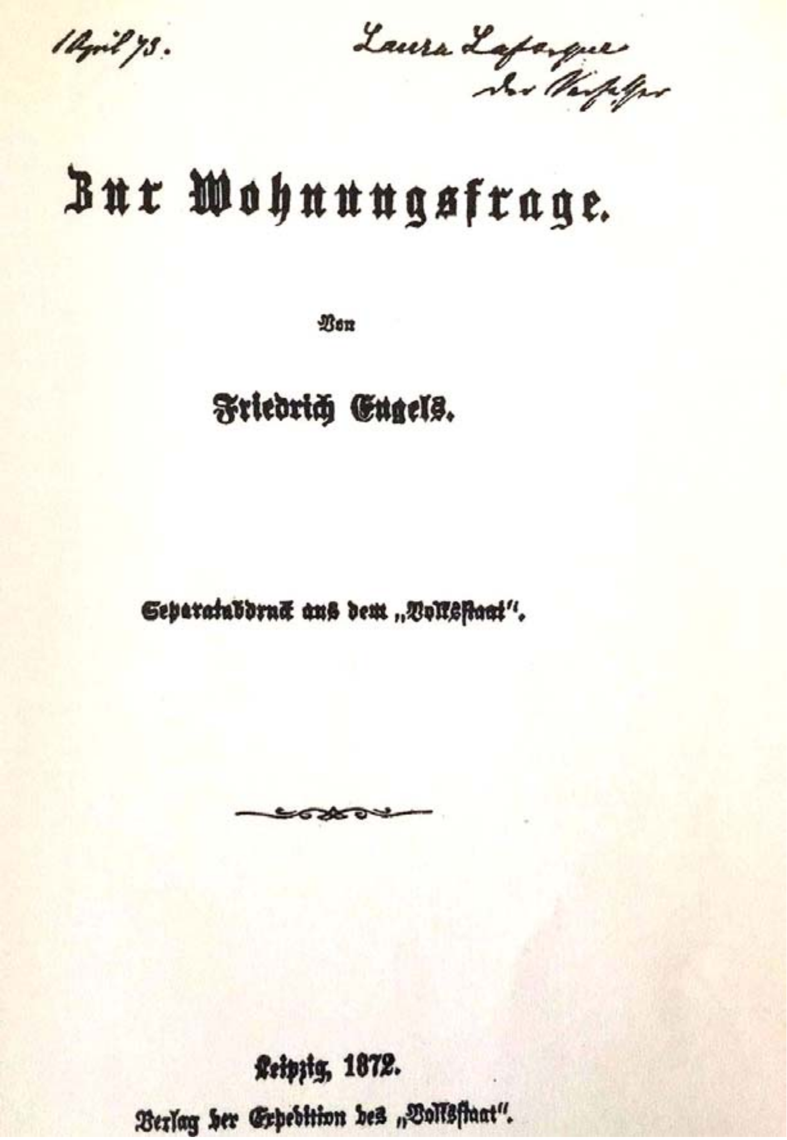

1 April 73.

Laura Lafargue
der Verfasser

Zur Wohnungsfrage.

Von

Friedrich Engels.

Separatabdruck aus dem „Volksſtaat".

Leipzig, 1872.
Verlag der Expedition des „Volksſtaat".

Bìa trong cuốn sách của Ph.Ăng-ghen "Về vấn đề nhà ở"
có chữ của tác giả đề tặng Lau-rơ La-phác-gơ

PHẦN I

PRU ĐÔNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NHÀ Ở NHƯ THẾ NÀO

Trên tờ "Volksstaat" số 10 và những số tiếp theo, có một loạt sáu bài nói về vấn đề nhà ở, đang được chú ý: trừ một vài đoạn dông dài viết theo lối văn chương của những năm 1840 mà đã từ lâu không ai nhớ đến nữa, những bài đó là mưu toan đầu tiên định chuyển học phái Pru-đông vào nước Đức. Đó là một bước lùi khổng lồ so với toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa xã hội Đức là chủ nghĩa, cách đây 25 năm, đã giáng một đòn quyết định vào tư tưởng Pru-đông1); vì thế, cần phải lập tức phản đối mưu toan đó.

Hiện tượng khan hiếm nhà ở, mà báo chí ngày nay chú ý đến nhiều như thế, không phải là tình trạng phổ biến này: giai cấp công nhân ở tồi tàn, trú ngụ trong những căn nhà chật ních người và thiếu vệ sinh. Hiện tượng khan hiếm nhà ở *đó* không phải là một hiện tượng đặc thù của thời kỳ hiện nay: nó cũng không phải là một trong những tai nạn riêng của giai cấp vô sản hiện đại và làm cho giai cấp vô sản này khác với tất cả những giai cấp bị áp bức tồn tại trước giai cấp vô sản: trái hẳn lại, tất cả những giai cấp bị áp bức trong mọi thời kỳ đều đã phải chịu tai nạn đó gần như nhau. Muốn chấm dứt nạn khan hiếm nhà ở *đó* thì chỉ có *một* cách là thủ tiêu hoàn toàn ách bóc lột và

---

1) Trong cuốn sách của Mác "Sự khốn cùng của triết học". Bruy-xen và Pa-ri, 1847[224].

áp bức của giai cấp thống trị đối với giai cấp cần lao. Điều mà ngày nay người ta cho là khủng hoảng nhà ở, chính là tình trạng những điều kiện cư trú của những người lao động ngày càng đặc biệt xấu đi, do việc dân cư đột nhiên đổ xô về các thành phố lớn sinh ra; chính là việc tăng tiền thuê nhà lên quá nhiều; là tình trạng những người thuê nhà ngày càng chen chúc nhiều thêm trong mỗi căn nhà và một đôi người còn không kiếm được chỗ ở nữa. Và sở dĩ cuộc khủng hoảng nhà ở đó được bàn đến nhiều như thế, chính là vì nó không phải chỉ giới hạn trong giai cấp công nhân mà còn tác hại trong cả giai cấp tiểu tư sản nữa.

Cuộc khủng hoảng nhà ở đối với những người lao động và một bộ phận của giai cấp tiểu tư sản trong các thành phố lớn hiện đại của chúng ta là một trong vô số tai họa *nhỏ nhặt* và thứ yếu, do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay sản sinh ra. Nó tuyệt nhiên không phải là hậu quả trực tiếp của việc chủ nghĩa tư bản bóc lột người lao động, vì *họ là* người lao động. Ách bóc lột ấy là tai họa cơ bản mà cách mạng xã hội muốn xóa bỏ bằng cách thủ tiêu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cơ sở của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đó là sự thật sau đây: tổ chức hiện nay của xã hội chúng ta đã cho phép bọn tư bản có thể mua sức lao động của công nhân đúng với giá trị của sức lao động đó, nhưng lại bòn rút từ sức lao động đó ra nhiều hơn giá trị của nó rất nhiều, bằng cách bắt công nhân làm việc lâu hơn thời gian cần thiết để bù lại số tiền mua sức lao động đó. Giá trị thặng dư tạo ra bằng cách đó, được phân chia cho mọi thành viên trong giai cấp bọn tư bản và địa chủ và cho bọn đầy tớ ăn lương của chúng, từ giáo chủ và hoàng đế cho đến người gác đêm và những người dưới nữa. Ở đây chúng ta không bàn đến phương thức phân chia đó; điều chắc chắn là tất cả những kẻ không lao động thì chỉ có thể sống bằng những phần giá trị thặng dư đó mà chúng nhận được bằng cách này hay bằng cách khác (xem *"Tư bản"* của *Mác,* trong đó điều này được giải thích lần đầu tiên[225]).

Trong những giai cấp ăn không ngồi rồi, việc phân phối giá trị thặng dư do giai cấp công nhân làm ra và bị tước đoạt không trả tiền, được tiến hành giữa những cuộc cãi vã rất đáng chú ý và những sự lừa bịp lẫn nhau; chừng nào mà sự phân phối đó được tiến hành bằng con đường mua bán thì một trong những thủ đoạn chính của nó là sự lường gạt của người bán đối với người mua, thủ đoạn lường gạt này hiện nay đã trở thành một tất yếu sống còn tuyệt đối của người bán trong việc buôn bán lẻ, đặc biệt là ở trong các thành phố lớn. Nhưng nếu người lao động bị người bán tạp hóa hay người làm bánh mì lừa dối về giá cả hay về phẩm chất hàng hóa, thì đó không phải là vì tư cách đặc biệt của anh ta là một người lao động mà anh ta bị lừa. Trái lại, khi một số lượng trung bình những thủ đoạn lường gạt trở thành thông lệ xã hội ở một nơi nào đấy thì dần dần nó ắt phải được bù lại bằng sự tăng tương ứng về tiền công. Đứng trước người bán tạp hóa, người lao động là người mua hàng, tức là một người có tiền hay có tín dụng, do đó hoàn toàn không phải là một người lao động, tức là một người bán sức lao động của mình. Thủ đoạn lường gạt quả có thể làm cho anh ta, cũng như cho toàn thể giai cấp nghèo khổ, thiệt hại nặng nề hơn những giai cấp xã hội khá giả; nhưng thủ đoạn đó tuyệt nhiên không phải là một tai họa riêng của giai cấp anh ta.

Đối với cuộc khủng hoảng nhà ở thì cũng đúng y như thế. Việc mở rộng những thành phố hiện đại lớn làm cho đất đai tại một vài khu phố, nhất là tại những khu trung tâm, có một giá trị giả tạo; đôi khi tăng lên một cách phi thường; những nhà đã được xây dựng trên những đất đó không làm tăng giá trị đó lên, mà lại hạ nó xuống, vì những nhà ở ấy không còn đáp ứng những điều kiện mới nữa; cho nên người ta phá hủy những nhà ở đó đi và xây những nhà ở khác thay vào đó. Điều này hay xảy ra nhất là đối với những căn nhà công nhân nằm ở trung tâm, mà tiền thuê, ngay cả trong những căn nhà chậtních người ở, cũng không bao giờ có thể vượt quá một giá tối đa nào đó, hay có vượt được chăng nữa thì cũng chỉ vượt được một cách hết sức chậm chạp thôi. Người ta phá những nhà đó đi, và thay vào đấy, xây dựng các tiệm buôn, các cửa hiệu lớn và các công sở. Ở Pa-ri[1*], chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, mà đại biểu là Ô-xman, đã lợi dụng triệt để xu hướng đó để làm lợi rất nhiều cho sự đầu cơ và làm giàu riêng; nhưng tinh thần Ô-xman cũng đã tồn tại ở Luân Đôn, Man-se-xtơ, Li-vớc-pun và hình như cũng cảm thấy dễ chịu cả ở Béc-lin và Viên như ở tại nhà nó vậy. Kết quả là công nhân bị đuổi từ trung tâm các thành phố ra vùng ngoại ô, là nhà ở công nhân, và những ngôi nhà nhỏ bé nói chung, trở nên khan hiếm và đắt đỏ và thậm chí thường là không thể kiếm ra được; vì, trong những điều kiện đó, công nghiệp xây dựng nhà ở, - đối với công nghiệp này, thì những ngôi nhà cho thuê với giá cao là một trường rộng hơn nhiều cho hoạt động đầu cơ - chỉ xây dựng ở công nhân, trong những trường hợp ngoại lệ thôi.

Vì vậy, chắc chắn là cuộc khủng hoảng nhà ở đó đánh vào người lao động một cách nặng nề hơn là vào mọi giai cấp khác khá giả hơn; nhưng không hơn gì thủ đoạn lừa đảo của người bán hàng tạp hóa, cuộc khủng hoảng đó không phải là một tai họa chỉ đè nặng lên giai cấp công nhân không thôi, và trong chừng mực mà cuộc khủng hoảng đó gây tác hại đến giai cấp công nhân thì nhất định nó cũng sẽ được bù đắp về mặt kinh tế bằng một cái gì đó, khi nó đã đạt đến một trình độ nào đó và đã kéo dài trong một thời gian nào đó.

Chính những tai họa đó, những tai họa chung cho giai cấp công nhân và nhiều giai cấp khác, cho giai cấp tiểu tư sản chẳng hạn, là những tai họa mà chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, - Pru-đông cũng theo chủ nghĩa này - thích quan tâm đến. Và do đó, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên mà anh học trò người Đức của Pru-đông nắm lấy trước hết vấn đề nhà ở, là vấn đề, như chúng ta đã thấy, không phải chỉ liên quan đến độc một mình giai cấp công nhân mà không liên quan đến tất cả các giai cấp khác; cũng không phải ngẫu nhiên mà ông ta tuyên bố trái lại rằng đó là một vấn đề liên quan thật sự và chỉ liên quan đến giai cấp công nhân thôi.

[1*] Những từ "Ở Pa-ri" do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

"Quan hệ giữa *người làm thuê* với *nhà tư bản* là hoàn toàn giống quan hệ giữa *người thuê nhà* với người *sở hữu nhà ở* ".

Điều này là hoàn toàn sai.

Trong vấn đề nhà ở, chúng ta có hai bên đối lập nhau: người thuê nhà và người cho thuê nhà hay sở hữu nhà. Người thứ nhất muốn mua của người thứ nhì việc tạm thời sử dụng một căn nhà ở; anh ta có tiền hay có tín dụng, ngay cả khi anh ta phải mua tín dụng đó của người sở hữu nhà với một giá cắt cổ bằng cách trả thêm một khoản phụ vào tiền thuê nhà cũng vậy. Đó chỉ là một chuyện bán hàng hóa thôi, chứ không phải là một việc giao dịch giữa vô sản và tư sản, giữa công nhân và tư bản; người thuê nhà - dù là công nhân đi nữa - xuất hiện với tư cách là một *người có tiền*; trước hết anh ta phải bán được món hàng thuộc quyền sở hữu của anh ta, tức là sức lao động của anh ta, rồi mới có thể xuất hiện, với số tiền bán sức lao động, với tư cách là người mua quyền sử dụng một căn nhà, hoặc là anh ta phải có thể bảo đảm là sau này sẽ bán được sức lao động đó. Ở đây hoàn toàn không có một hậu quả đặc thù nào của việc bán sức lao động cho người tư bản cả. Bọn tư bản trước hết bắt sức lao động mà chúng đã mua phải tái sản xuất ra giá trị của nó; rồi lại phải tái sản xuất ra một giá trị thặng dư, giá trị này tạm thời nằm trong tay chúng trong khi chờ được phân phối cho những người trong giai cấp các nhà tư bản. Như vậy là ở đây, có việc sản xuất ra một giá trị trội ra; tổng số giá trị hiện có đã tăng lên. Trong việc cho thuê nhà, vấn đề lại khác hẳn. Dù cho người chủ nhà có lấy của người thuê nhà những mối lợi quá đáng thế nào đi nữa thì ở đây, cũng vẫn chỉ là sự di chuyển một giá trị đã *tồn tại, đã được sản xuất ra* từ trước; tổng số những giá trị do người thuê nhà và người sở hữu nhà *cùng* chiếm hữu, trước sau vẫn không thay đổi. Người công nhân luôn luôn bị lường gạt mất một phần sản phẩm lao động của anh ta, dù lao động của anh ta được người tư bản trả đúng giá, dưới giá hoặc cao hơn giá trị của nó cũng vậy; còn người thuê nhà thì chỉ bị lường gạt trong trường hợp anh ta phải trả tiền thuê nhà quá giá trị của nó mà thôi. Do đó, muốn coi quan hệ giữa những người lao động và những người tư bản là đồng nhất với quan hệ giữa người thuê nhà và người sở hữu nhà thì như vậy là hoàn toàn bóp méo quan hệ giữa người thuê nhà và người sở hữu nhà. Trái hẳn lại, vấn đề ở đây là một sự giao dịch buôn bán thuộc loại thông thường, giữa hai công dân, và được tiến hành theo những quy luật kinh tế chi phối việc bán hàng hóa nói chung và việc bán món hàng "bất động sản" này, nói riêng. Tiền phí tổn về xây dựng và bảo quản ngôi nhà hay một phần của ngôi nhà, phải được tính đến trước nhất; tiếp đó là giá trị đất đai, do địa điểm thuận tiện nhiều hay ít của bất động sản quyết định; cuối cùng, quyết định vấn đề là quan hệ giữa cung và cầu lúc bấy giờ. Quan hệ kinh tế rất giản đơn đó biểu hiện trong đầu óc của anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta như sau:

> "Ngôi nhà một khi được xây dựng xong, trở thành *một lý do pháp quyền vĩnh cửu* về một phần nhất định của lao động xã hội, ngay cả khi giá trị thực tế của ngôi nhà đã được trả, một cách quá đầy đủ và từ lâu rồi, cho người sở hữu nhà, dưới hình thức tiền thuê nhà. Chính vì vậy mà một ngôi nhà được dựng lên cách đây 50 năm chẳng hạn, thì trong thời gian đó, tiền cho thuê nhà đã bù lại nhiều gấp 2, 3, 5, 10, v.v.. lần số tiền đã bỏ ra trước kia".

Toàn bộ Pru-đông là ở trong đó. Thứ nhất, người ta quên rằng tiền thuê nhà chẳng những phải bù lại tiền phí tổn về xây dựng, mà cũng còn phải bù lại tiền sửa chữa và tiền thu nhập bị mất đi do bị quịt nợ, do không thu được tiền thuê nhà cũng như do nhà ở tạm thời chưa cho thuê được, và cuối cùng tiền thuê nhà phải bù lại sự khấu hao của tư bản đã bỏ vào việc xây dựng một bất động sản không tồn tại vĩnh viễn và sau này sẽ trở thành không thể ở được và không còn giá trị[1*]. Thứ hai, người ta quên rằng tiền thuê nhà cũng còn phải bù lại khoản tăng lên của giá trị của miếng đất, trên đó ngôi nhà đã được dựng lên và một phần tiền cho thuê nhà là địa tô. Đành rằng anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta tuyên bố ngay rằng khoản tăng giá trị đó, vì không phải là do sự tham gia của những người sở hữu nhà mà có, nên không thuộc về người sở hữu nhà mà thuộc về xã hội; song anh chàng đó đã không hiểu rằng thực ra như vậy là anh ta đã yêu cầu xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất: một vấn đề mà chúng ta sẽ không bàn đến, vì điều đó có thể kéo chúng ta đi quá xa. Cuối cùng, anh ta không thấy rằng trong toàn bộ việc giao dịch đó, vấn đề tuyệt nhiên không phải là mua bất động sản của người sở hữu nhà, mà chỉ là mua quyền sử dụng bất động sản này và mua trong một thời gian nhất định. Pru-đông, kẻ chẳng bao giờ quan tâm đến những điều kiện thực tế, cụ thể, trong đó phát sinh một hiện tượng kinh tế nào đó, thì đương nhiên là không thể giải thích rõ hơn vì sao mà số tiền bỏ ra để xây dựng một bất động sản, trong một vài trường hợp nào đó, đã được bù lại gấp 10 lần trong 50 năm, dưới hình thức tiền cho thuê nhà. Đáng lẽ phải đứng về mặt kinh tế để xem xét vấn đề không có chút gì là rắc rối đó, và phải xác định xem là nó có mâu thuẫn với những quy luật kinh tế hay không và mâu thuẫn ở điểm nào thì Pru-đông lại giải quyết nó bằng cách bạo gan nhảy từ kinh tế học sang pháp luật học: "Ngôi nhà một khi được xây dựng xong trở thành *một lý do pháp quyền vĩnh cửu*" về một món tiền nhất định trả hàng năm. Điều đó đã diễn ra *như thế nào,* bất động sản *trở thành* một lý do pháp quyền *như thế nào,* Pru-đông không hề nói tới. Thế mà đó lại chính là điểm mà lẽ ra ông ta phải làm sáng tỏ. Giá như ông ta nghiên cứu điểm đó thì ông ta sẽ thấy được rằng mọi lý do pháp quyền trên thế giới, dù là vĩnh cửu mấy đi nữa, cũng đều không thể trao cho một bất động sản cái quyền được nhận trong 50 năm, dưới hình thức tiền cho thuê nhà, gấp 10 lần số tiền bỏ ra để xây dựng nó, mà chỉ có những điều kiện kinh tế (đành rằng những điều kiện kinh tế này, về mặt xã hội, có thể được công nhận dưới hình thức lý do pháp quyền) mới có thể thu được kết quả đó thôi. Và như thế là ông ta sẽ lại trở về khởi điểm.

[1*] Phần cuối câu, bắt đầu từ những từ "và cuối cùng" là do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

Toàn bộ học thuyết của Pru-đông là dựa vào cái lối thoát ly hiện thực kinh tế như vậy để trốn vào trong những lời lẽ ba hoa về pháp luật. Cứ mỗi lần mà ông Pru-đông dũng cảm của chúng ta không nhận ra được mối liên hệ kinh tế giữa các hiện tượng, - và đó là điều xảy ra trong tất cả mọi vấn đề quan trọng, - thì ông ta lại trốn vào trong lĩnh vực pháp luật và viện đến *công lý vĩnh cửu.*

"Trước hết Pru-đông đi tìm cái lý tưởng công lý vĩnh cửu của ông ta ở trong những quan hệ pháp lý tương ứng với nền sản xuất hàng hóa; nhân tiện đây cũng xin nói rằng điều đó đã cung cấp cho tất cả bọn phi-li-xtanh một bằng chứng thú vị nói lên rằng hình thái sản xuất hàng hóa cũng vĩnh cửu như bản thân công lý vậy. Sau đó, ngược lại, ông ta lại muốn cải tổ nền sản xuất hàng hóa hiện thực và pháp luật hiện thực tương ứng với nền sản xuất đó cho phù hợp với cái lý tưởng công lý ấy. Người ta sẽ nghĩ như thế nào về một nhà hóa học, khi lẽ ra phải nghiên cứu các quy luật hiện thực về sự trao đổi chất và dựa trên cơ sở các quy luật đó mà giải quyết những vấn đề nhất định, thì người đó lại đòi cải tạo những sự trao đổi chất ấy sao cho phù hợp với "những quan niệm vĩnh cửu" về "tính tự nhiên và ái lực"? Khi người ta nói với chúng ta rằng "nạn cho vay nặng lãi" là trái với "công lý vĩnh cửu" và với sự "công bằng vĩnh cửu", "nghĩa tương thân vĩnh cửu" và nhiều thứ "chân lý vĩnh cửu" khác thì liệu chúng ta có hiểu biết gì về nạn cho vay nặng lãi hơn các giáo phụ trước kia không, khi họ tuyên bố rằng nạn cho vay nặng lãi là trái với "ân sủng vĩnh cửu", "đức tin vĩnh cửu", "ý chi vĩnh cửu của Chúa? (*Mác,* "Tư bản" tr.45[226]).

Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta cũng không tài gì hơn ông thày của anh ta. Anh ta nói:

> "Trong đời sống của xã hội hiện đại, hợp đồng thuê nhà là một trong muôn nghìn sự giao dịch cũng cần thiết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể động vật vậy. Đương nhiên là vì lợi ích của xã hội đó mà *quan niệm pháp quyền* phải thâm nhập vào tất cả những sự giao dịch ấy, nghĩa là những sự giao dịch đó phải luôn luôn được tiến hành đúng theo những yêu cầu nghiêm khắc của công lý. Tóm lại, đời sống kinh tế của xã hội, theo như lời Pru-đông, phải được nâng lên cao ngang với một *nền công lý kinh tế.* Thực ra thì như ai nấy đều biết, tình hình xảy ra trái ngược hẳn lại".

Liệu có thể tưởng tượng được rằng năm năm sau khi Mác đã vạch mặt Pru-đông bằng những lời rành mạch đến thế và chính về điểm chủ yếu đó, mà lại còn có thể cho in bằng tiếng Đức một cái mớ bòng bong như thế nữa chăng? Như vậy thì cái mớ bòng bong đó nói lên cái gì? Nó chỉ nói lên rằng những hậu quả cụ thể của những quy luật kinh tế chi phối xã hội hiện nay đang kịch liệt bác lại tình cảm về công lý của tác giả của chúng ta và tác giả này thành tâm hy vọng rằng tình hình có thể được thu xếp sao cho có thể cứu chữa được mâu thuẫn đó. Vâng, nếu cóc có đuôi thì đã không phải là cóc nữa rồi! Và sau hết, há chẳng phải là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã "thấm nhuần một quan niệm pháp quyền", quan niệm về quyền riêng của nó được bóc lột những người lao động sao? Và khi tác giả nói với chúng ta rằng "quan niệm pháp quyền" *của ông ta* không phải là như thế thì liệu chúng ta có tiến thêm được bước nào không?

Nhưng chúng ta hãy trở lại vấn đề nhà ở. Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta đã để cho "quan niệm pháp quyền" của anh ta tự do tuôn ra và anh ta đãi chúng ta bài diễn văn thống thiết sau đây:

"Chúng tôi không ngần ngại mà khẳng định rằng đối với toàn bộ nền văn minh của thế kỷ được ca tụng biết bao của chúng ta, không có điều nhạo báng nào ghê gớm hơn sự thật này, trong những thành phố lớn, 90% dân cư và thậm chí nhiều hơn nữa, không có lấy một chỗ nào khả dĩ coi như thuộc sở hữu của họ được. Trung tâm thật sự của đời sống tinh thần và đời sống gia đình, tức là nhà ở và gia đình, đã bị cơn lốc xã hội cuốn đi... Về mặt đó, chúng ta còn thấp kém hơn những người dã man rất nhiều. Người ăn lông ở lỗ có cái hang, người châu Ô-xtơ-rây-li-a có túp lều tranh, người in-đi-an có cái nhà riêng, còn người vô sản hiện đại thì thực tế lại không có lấy một chỗ đặt lưng".v.v..

Lời oán thán đó để lộ rõ tất cả bộ mặt phản động của chủ nghĩa Pru-đông. Muốn tạo ra giai cấp cách mạng hiện đại là giai cấp vô sản, không thể không cắt bỏ cái cuống rốn đã gắn chặt người lao động thời xưa với ruộng đất. Người thợ dệt có, bên cạnh khung cửi của anh ta, ngôi nhà nhỏ, mảnh vườn con và thửa ruộng tí xíu, là một người bình thản và sung sướng, sống "với tất cả tấm long thành kính và chân thật", mặc dù là anh ta rất túng khổ và bị áp bức về chính trị; anh ta khúm núm trước bọn nhà giàu, bọn thày tu và bọn quan lại của nhà nước, và từ đầu chí chân, anh ta thấm đầy tinh thần nô lệ. Chính công nghiệp lớn hiện đại đã làm cho người lao động bị gắn chặt vào ruộng đất, trở thành một người vô sản hoàn toàn không có gì, thoát khỏi mọi xiềng xích cổ truyền[1*], *tự do như không khí*[2*]*;* chính cuộc cách mạng kinh tế đó đã tạo ra những điều kiện duy nhất để xóa bỏ sự bóc lột giai cấp công nhân dưới hình thức cuối cùng của nó, tức là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhưng hiện tại, anh chàng theo phái Pru-đông lại xen vào, khóc than về việc đuổi những người lao động ra khỏi gia đình và nhà ở của họ, coi như

1* Trên tờ "Volksstaat" thay cho những chữ "thoát khỏi mọi xiềng xích cổ truyền" là những chữ "thoát khỏi mọi nền văn hóa cổ truyền".

2* Chơi chữ: "Vogelfrei", "được đặt ra ngoài pháp luật", và cũng có nghĩa là "tự do như không khí".

đó là một bước lùi lớn; nhưng thật ra đó lại chính là điều kiện trước tiên để giải phóng tinh thần của họ.

Cách đây 27 năm (trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"[227]) tôi đã miêu tả, trên những nét lớn, việc đuổi những người lao động ra khỏi gia đình và nhà ở của họ hồi thế kỷ XVIII ở Anh đã diễn ra như thế nào. Tôi cũng đã trình bày tình cảnh nhục nhã vô cùng trầm trọng do bọn địa chủ và chủ xưởng gây ra, cùng những điều bất lợi mà trước hết những người lao động bị đuổi như thế không thể nào tránh khỏi, cả về mặt tinh thần lẫn về mặt vật chất. Nhưng liệu tôi có thể xem sự tiến triển lịch sử đó, sự tiến triển tuyệt đối cần thiết trong những hoàn cảnh như thế, là một quá trình giật lùi, đưa đến tình trạng "thấp kém hơn những người dã man", hay chăng? Chắc chắn là không. Người vô sản Anh năm 1872 ở vào một trình độ vô cùng cao hơn trình độ của người thợ dệt ở nông thôn năm 1772 là người đã có "gia đình và nhà ở". Và người ăn lông ở lỗ có cái hang, người châu Ô-xtơ-rây-li-a có túp lều tranh, người In-đi-an có ngôi nhà riêng, thử hỏi rằng những người đó có bao giờ làm được một cuộc khởi nghĩa tháng Sáu hay một Công xã Pa-ri không?

Từ khi áp dụng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trên một quy mô rộng lớn thì nói chung, tình trạng những người lao động trở nên tồi tệ hơn về mặt vật chất, - điều đó thì chỉ có người tư sản mới hoài nghi mà thôi. Nhưng phải chăng vì thế mà chúng ta phải nhìn về đằng sau để tiếc rẻ những cái nồi thịt của người Ai Cập[288] (cũng rất là đạm bạc), tiếc rẻ nền tiểu công nghiệp nông thôn chỉ tạo ra những đầu óc nô lệ, hay đến những "người dã man"? Trái hẳn lại. Chỉ có giai cấp vô sản do công nghiệp lớn hiện đại tạo ra, được giải phóng khỏi mọi xiềng xích của quá khứ, kể cả những xiềng xích đã ràng buộc giai cấp đó vào đất đai, và được tập trung trong những thành phố lớn, mới có thể tiến hành được cuộc biến đổi xã hội lớn lao, chấm dứt mọi ách bóc lột và thống trị giai cấp. Những người thợ dệt cũ ở nông thôn, có nhà ở và gia đình, không bao giờ có thể làm nổi điều đó; họ không bao giờ có thể sản sinh ra được một cách suy nghĩ như thế, mà lại càng không muốn thực hiện cách suy nghĩ đó.

Trái lại, Pru-đông cho rằng toàn bộ cuộc cách mạng công nghiệp từ một trăm năm lại đây, - hơi nước, đại công xưởng sản xuất đã lấy máy móc thay thế lao động thủ công và làm cho sức sản xuất của lao động tăng lên gấp trăm nghìn lần, - là một sự biến vô cùng đáng buồn, thật ra không nên xảy ra mới phải. Anh chàng tiểu tư sản Pru-đông đòi hỏi một thế giới, trong đó mỗi người làm ra, một cách độc đáo và độc lập, một sản phẩm có thể đem tiêu dùng và trao đổi trên thị trường được ngay; sau đó chỉ cần mỗi người thu lại được đầy đủ giá trị lao động của mình ở một sản phẩm khác, là đủ thỏa mãn được yêu cầu "công lý vĩnh cửu" và đủ cho một thế giới tốt đẹp nhất được sáng lập. Nhưng chưa thành hình thì cái thế giới tốt đẹp nhất đó của Pru-đông đã bị nghiền nát dưới bước chân của sự phát triển công nghiệp đang ở trong thời kỳ tiến bộ mạnh, một sự phát triển đã xóa bỏ từ lâu lao động cá thể trong mọi ngành công nghiệp chủ yếu và xóa bỏ, mỗi ngày mỗi nhiều hơn một ít, lao động cá thể trong những ngành thứ yếu cũng như trong những ngành quan trọng nhất; lao động cá thể được thay thế bằng lao động xã hội được trợ lực bởi máy móc và lực lượng tự nhiên đã bị chinh phục, tức là lao động sản xuất ra những thành phẩm có thể đem trao đổi hoặc tiêu dùng ngay và là thành quả của lao động chung của rất nhiều người. Và chính là nhờ cuộc cách mạng công nghiệp đó mà sức sản xuất của lao động của loài người đã đạt đến một trình độ có thể, - lần đầu tiên từ khi có loài người, - nhờ sự phân phối lao động hợp lý giữa tất cả mọi người, chẳng những sản xuất ra đủ bảo đảm sự tiêu dùng dồi dào của tất cả mọi người trong xã hội và gây một qũy dự trữ quan trọng, mà còn làm cho mọi người có đủ thì giờ nhàn rỗi để tiếp thu tất cả những gì thật sự đáng quý trong di sản văn hóa do lịch sử truyền lại - khoa học, nghệ thuật, các hình thức giao tiếp, v.v. - và chẳng những tiếp thu mà còn làm cho tất cả những cái đó từ chỗ là độc quyền của giai cấp thống trị trở thành tài sản chung của toàn thể xã hội và làm cho tài sản đó phát triển phong phú thêm mãi. Và đó là bước ngoặt quyết định. Khi sức sản xuất của lao động loài người đã đạt đến mức độ đó thì giai cấp thống trị không còn có một lý do nào để tồn tại nữa. Phải chẳng lý do cuối cùng biện hộ cho những sự khác biệt giai cấp bao giờ cũng là: cần có một giai cấp không cần phải nai lưng ra sản xuất những thứ tiêu dùng hàng ngày của mình để có đủ thì giờ làm công việc lao động trí óc trong xã hội? Câu chuyện bày đặt ấy, - từ trước đến nay vẫn được lịch sử xác minh một cách rất rõ ràng, - đã bị cuộc cách mạng công nghiệp một trăm năm gần đây vĩnh viễn biến thành vô căn cứ. Sự tồn tại của một giai cấp thống trị ngày càng tỏ ra là một trở ngại cho sự phát triển của những lực lượng sản xuất công nghiệp, cũng như cho sự phát triển của khoa học, nghệ thuật và đặc biệt là cho sự phát triển của những hình thức giao tiếp văn minh. Chưa từng bao giờ có những người thô lỗ hơn những người tư sản hiện đại của chúng ta.

Nhưng tất cả điều ấy, ông bạn Pru-đông không quan tâm đến. Điều mà ông ta muốn, chính là "công lý vĩnh cửu" và chỉ có thế thôi. Đem đổi sản phẩm của mình, mỗi người phải nhận được toàn bộ thu nhập, toàn bộ giá trị của lao động của mình. Nhưng nếu là một sản phẩm của công nghiệp hiện đại thì việc tính toán đó không phải là giản đơn: thực vậy, công nghiệp hiện đại làm lu mờ phần của cá nhân trong toàn bộ sản phẩm, còn ở trong điều kiện lao động thủ công nghiệp trước kia thì phần đó tự nó biểu hiện ra trong sản phẩm đã làm ra. Hơn nữa, công nghiệp hiện đại loại bỏ dần dần việc trao đổi bằng hiện vật, trên đó Pru-đông đã xây dựng toàn bộ hệ thống của ông ta, tức là sự trao đổi trực tiếp giữa hai người sản xuất, trong đó người này lấy sản phẩm của người kia để tiêu dùng[1*]. Do đó, toàn bộ chủ nghĩa Pru-đông đã tiêm nhiễm một xu hướng phản động: tinh thần oán ghét cuộc cách mạng công nghiệp và hy vọng, đã ít nhiều biểu hiện công khai, là bỏ quách toàn bộ công nghiệp hiện đại, những máy hơi nước, máy kéo sợi và những phát minh viển vông khác, để trở về với chế độ lao động thủ công cổ xưa đáng tin cậy. Như vậy, dù chúng ta có mất 999 phần nghìn sức sản xuất, dù toàn nhân loại có bị dồn vào tình trạng nô lệ đáng sợ nhất, dù một cuộc đói khát là thông lệ đi nữa thì cũng chẳng can chi, - điều chủ yếu chẳng phải là tiến đến chỗ tổ chức việc trao đổi như thế nào để mỗi người đều nhận được "toàn bộ thu nhập của lao động của mình" và để "công lý vĩnh viễn" được thực hiện, hay sao? Fiat justitia, pereat mundus!

[1*] Phần cuối của câu này bắt đầu từ những chữ: "tức là trao đổi trực tiếp" do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

Chỉ cần là công lý đắc thắng
Còn mặc cho thế giới tiêu vong!

Và thế giới sẽ tiêu vong, nếu ngẫu nhiên mà cuộc phản cách mạng của Pru-đông có thể thực hiện được.

Tuy nhiên rõ ràng là ngay cả trong nền sản xuất xã hội do công nghiệp lớn chi phối, mỗi người đều có thể chắc chắn nhận được "toàn bộ thu nhập của lao động của mình", trong chừng mực câu nói chung chung đó có một ý nghĩa. Và câu nói đó chỉ có thể có ý nghĩa, nếu ta hiểu nó theo một nghĩa rộng hơn, tức là hiểu rằng người sở hữu "toàn bộ thu nhập của lao động của mình" không phải là cá nhân người lao động, mà chính là toàn thể xã hội, một xã hội chỉ gồm toàn những người lao động mà thôi; chính xã hội này là người sở hữu toàn bộ sản phẩm lao động của những người lao động: một phần do xã hội phân phối cho những thành viên trong xã hội để tiêu dùng, phần khác được dùng để thay thế và tăng thêm tư liệu sản xuất, cuối cùng, một phần nữa được dành riêng ra làm vốn dự trữ để sản xuất và tiêu dùng[1*].

[1*] Toàn bộ câu cuối bắt đầu từ những chữ: "Và câu nói đó..." do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

*

* *

Theo những điều đã nói trên đây thì cũng dễ thấy trước được rằng anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta sẽ giải quyết vấn đề lớn lao về nhà ở như thế nào rồi. Một mặt, anh ta đòi hỏi rằng mỗi người lao động phải có một ngôi nhà thuộc sở hữu riêng của mình, để không còn phải ở vào tình trạng *thấp kém hơn những người dã man* nữa. Mặt khác, anh ta lại khẳng định rằng giá thành lúc đầu của ngôi nhà sẽ được trả gấp 2, 3, 5 hay 10 lần dưới hình thức tiền thuê nhà - như đã xảy ra như thế, trong thực tế, - là dựa trên một *lý do pháp quyền,* rằng lý do đó mâu thuẫn với "*công lý vĩnh cửu*". Biện pháp giải quyết vấn đề thì thật là giản đơn: thủ tiêu lý do pháp quyền và tuyên bố, chiểu theo công lý vĩnh cửu, rằng tiền thuê nhà là tiền trả góp về chính ngay giá cả của ngôi nhà. Khi người ta đã lấy những tiền đề sao cho những tiền đề đó đã chứa đựng được cả kết luận rồi thì không cần gì phải khéo hơn mọi thày lang băm mới rút được từ cái bị của mình ra cái kết quả đã được chuẩn bị sẵn và hãnh diện rằng cái lô-gích đã dẫn đến kết quả ấy là không gì lay chuyển được.

Và đó là điều xảy ra ở đây. Người ta công bố là cần phải xóa bỏ tiền thuê nhà và đòi hỏi rằng mỗi người thuê nhà phải trở thành người sở hữu ngôi nhà mình ở. Người ta làm cách nào? Một cách rất đơn giản:

"Sẽ mua lại ngôi nhà cho thuê... Người ta sẽ trả giá trị ngôi nhà mình ở cho người sở hữu cũ không thiếu một xu nào. Lẽ ra, như từ trước đến nay, tiền thuê nhà là cống vật mà người thuê nhà nộp cho quyền lợi vĩnh cửu của tư bản kể từ ngày công bố việc mua lại nhà ở, số tiền do người thuê nhà trả, tính toán rất tỉ mỉ, sẽ là tiền trả góp hàng năm về giá cả ngôi nhà được chuyên thành sở hữu của mình... Như thế là bằng cách đó, xã hội... sẽ biến thành một tập thể những người sở hữu tự do và độc lập về nhà ở".

Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta cho rằng khi người sở hữu nhà ở có thể không làm lụng gì mà vẫn thu được địa tô và tiền lãi của tư bản đã bỏ vào bất động sản của họ, thì như thế là một tội ác chống lại công lý vĩnh cửu. Anh ta ra một mệnh lệnh: tình trạng đó phải chấm dứt và tư bản bỏ vào nhà ở không được lấy lãi, cũng không được lấy địa tô, khi mà tư bản đó là tiền mua miếng đất. Nhưng chúng ta thấy rằng như thế thì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cơ sở của xã hội hiện nay, không hề bị động đến. Cái mấu chốt trong việc tổ chức bóc lột người lao động, chính là việc người lao động bán sức lao động của mình cho nhà tư bản và việc nhà tư bản sử dụng sức lao động ấy bằng cách bắt người lao động phải sản xuất ra nhiều hơn so với giá mua sức lao động của mình. Chính sự giao dịch đó giữa nhà tư bản và người lao động đã đẻ ra giá trị thặng dư; rồi sau đó, giá trị thặng dư, dưới hình thức địa tô, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức của tư bản, thuế má, v.v., sẽ được phân phối cho nhiều loại nhà tư bản khác nhau và bọn đầy tớ của chúng. Ấy thế mà anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta lại tưởng tượng rằng nếu người ta cấm *độc có một loại* những nhà tư bản, - đây là những người không trực tiếp mua sức lao động và do đó không làm ra một giá trị thặng dư nào, - không được lấy lợi nhuận hay tiền lãi thì người ta sẽ tiến lên được một bước đấy. Nếu ngày mai, người ta không để cho những người sở hữu nhà ở có thể thu địa tô và tiền lãi thì khối lượng lao động không được trả công mà giai cấp công nhân bị tước đoạt, cũng vẫn sẽ y nguyên như trước; nhưng điều đó cũng không cản trở anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta tuyên bố rằng:

> "Xóa bỏ tiền cho thuê nhà là một trong những *nguyện vọng có hiệu quả nhất và cao thượng nhất* do tư tưởng cách mạng đẻ ra và nguyện vọng đó phải trở thành một *yêu cầu chủ yếu* của phái dân chủ - xã hội".

Đó hoàn toàn là cái lối mị dân quen thuộc của ông thày Pru-đông, là con người mà tiếng cục tác thì to nhưng trứng đẻ ra lại nhỏ.

Và bây giờ, hãy thử tưởng tượng một chút xem những người lao động, những người tiểu tư sản hay những người tư sản, do trả tiền hàng năm, đã buộc phải trở thành người sở hữu một phần rồi trở thành người sở hữu hoàn toàn của ngôi nhà họ ở, sẽ ở vào một tình cảnh đẹp đẽ như thế nào. Tại những vùng công nghiệp ở Anh là nơi có một nền công nghiệp lớn nhưng lại có nhiều nhà bé nhỏ cho công nhân và ở đó, mỗi người lao động có vợ con đều ở một ngôi nhà nhỏ riêng, thì điều đó còn có thể có một ý nghĩa. Nhưng ở Pa-ri, cũng như ở phần nhiều những thành phố lớn trên lục địa, nền công nghiệp nhỏ lại kèm theo những nhà lớn, trong đó 10, 20, 30 gia đình sống chung với nhau. Ngày mà sắc lệnh giải phóng ban bố việc mua lại nhà ở, thì anh Pê-tơ, chẳng hạn, đang làm việc trong một công xưởng chế tạo máy ở Béc-lin. Một năm sau, anh ta là người sở hữu giả thử 1 phần 15 chỗ anh ta ở, gồm có một căn phòng trên gác 5, tại một địa điểm nào đó ở cổng Hăm-buốc. Anh ta mất việc và ít lâu sau thì về ở Pô-tô-phơ ở Han-nô-vơ, trong một nơi tương tự như chỗ ở cũ, trên gác 3, đằng sau nhìn ra một cái sân phong cảnh đẹp tuyệt: năm tháng sau, anh ta sở hữu 1/36 ngôi nhà thì một cuộc bãi công lại đuổi anh ta đến mãi tận Muyn-sen; ở đây mười một tháng, anh ta buộc phải gánh đúng 11/180 quyền sở hữu một chỗ ở khá tối tăm, ở tầng dưới cùng, sau phố Ô-bơ Ăng-ngơ. Nhiều lần di chuyển khác, như ngày nay thường xảy ra trong giới những người lao động, lại buộc anh ta phải gánh 7/360 quyền sở hữu một chỗ ở Ga-len mà tiện nghị không kém gì những chỗ trước, 23/180 một chỗ ở khác ở Lít-xơ và 347/56223 một chỗ ở thứ ba ở Xê-ren; đây là những con tính làm rát chính xác để cho "công lý vĩnh cửu" không còn than phiền gì được cả. Và bây giờ, liệu anh Pê-tơ của chúng ta được gì trong tất cả những phần chỗ ở ấy? Ai sẽ cho anh ta vật ngang giá thật sự của những phần đó? Anh ta sẽ tìm ở đâu ra người sở hữu hoặc những người sở hữu của những phần nhà ở mà anh ta ở trước đây? Và trước hết, trong một ngôi nhà lớn nào đó, có những tầng gác gồm 20 chỗ ở chẳng hạn, và một khi đã quá hạn cần thiết để mua lại và việc cho thuê đã bị xóa bỏ, sẽ thuộc quyền sở hữu của độ chừng 300 người sở hữu bộ phận, phân tán khắp bốn phương trời thì những điều kiện sở hữu sẽ là những điều kiện nào? Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta sẽ trở lời rằng từ nay đến ngày đó, ngân hàng trao đổi của Pru-đông sẽ hoạt động, ngân hàng này sẽ trả, bất cứ lúc nào và cho từng người, toàn bộ thu nhập của lao động của họ và như vậy là cũng trả cả toàn bộ giá trị của phần nhà ở của họ. Nhưng thứ nhất là cái ngân hàng trao đổi đó của Pru-đông, ở đây, không quan hệ gì đến chúng ta, vì nó không hề được nêu lên trong những bài báo viết về vấn đề nhà ở: thứ hai là ngân hàng đó căn cứ vào một ý kiến sai lầm kỳ quặc cho rằng người muốn bán một món hàng nhất định phải tìm được một người mua toàn bộ giá trị của món hàng ấy; thứ ba là trước khi được Pru-đông phát minh ra thì cái ngân hàng đó, dưới nhãn hiệu là Labour Exchange Bazaar[229], đã nhiều lần bị phá sản ở Anh rồi.

Chính cái ý kiến cho rằng người lao động phải *mua* chỗ ở của mình cũng lại dựa trên cái nguyên lý phản động của Pru-đông mà chúng ta đã nêu lên, nguyên lý cho rằng tình trạng do công nghiệp lớn và hiện đại tạo ra là một biểu hiện bệnh tật; cho nên phải đưa xã hội, bằng cách dùng bạo lực, - nghĩa là bằng cách đi ngược lại trào lưu đã lôi cuốn xã hội từ 100 năm nay, - đến một trạng thái, trong đó lao động thủ công thủ cựu cổ xưa của người sản xuất riêng biệt sẽ thành lẽ thường, như vậy chẳng qua chỉ là phục hồi một cách lý tưởng nền tiểu công nghiệp đã bị diệt vọng hay đang ở trên con đường diệt vong. Khi những người lao động đã bị quăng vào trạng thái thủ cựu đó và đã may mắn thoát khỏi "cơn lốc xã hội", thì quyền sở hữu "một ngôi nhà và một gia đình" lại có thể trở nên bổ ích đối với họ và lý luận về việc mua lại nhà cửa nói trên kia sẽ có vẻ ít phi lý hơn. Pru-đông chỉ quên có một điều, đó là muốn đạt đến kết quả ấy thì trước nhất, ông ta phải làm cho cái đồng hồ lịch sử thế giới chậm lại một trăm năm, và do đó ông ta gây lại cho những người lao động ngày nay một tâm lý nô lệ, dối nát, khúm núm và nham hiểm, giống như tâm lý của tổ tiên ba đời của họ.

Trong chừng mực mà giải pháp đó của phái Pru-đông về vấn đề nhà ở có những điều hợp lý, khả dĩ sử dụng được trong thực tiễn, thì giải pháp đó ngày nay đã được áp dụng rồi, sự áp dụng đó thực ra không hề "do tư tưởng cách mạng đẻ ra", mà là do chính giai cấp đại tư sản đẻ ra. Chúng ta hãy nghe ý kiến về vấn đề đó của một tờ nhật báo xuất sắc, tờ "La Emancipacion", xuất bản bằng tiếng Tây Ban Nha ở Ma-đrít, ngày 16 tháng Ba 1872;

"Còn có một giải pháp khác nữa về vấn đề nhà ở, giải pháp do Pru-đông đề nghị: thoạt nhìn thì đó là một giải pháp hấp dẫn, nhưng nếu nghiên cứu sâu sắc thì thấy rõ rằng đó là một giải pháp hoàn toàn bãi lực, Pru-đông đề nghị biến những người thuế nhà thành những người mua nhà trả tiền góp; bằng cách này, tiền thuê nhà trả hàng năm sẽ được coi là tiền trả góp dần cho giá trị của ngôi nhà và sau một thời gian nào đó, người thuê nhà sẽ có thể trở thành người sở hữu ngôi nhà đó. Giải pháp này, mà Pru-đông cho là rất cách mạng, ngày nay đã được các công ty đầu cơ thực hiện trong tất cả các nước; những công ty đầu cơ đó, bằng cách tăng tiền thuê nhà lên, đã thu được gấp 2 và 3 lần giá trị ngôi nhà. Ông Đôn-phu-xơ và các chủ xưởng lớn khác ở đông - bắc nước Pháp đã áp dụng chế độ đó, chẳng những để làm tiền, mà hơn nữa, cũng còn có một ẩn ý chính trị nữa.

Những lãnh tụ khôn ngoan nhất của các giai cấp thống trị luôn luôn ra sức tăng thêm con số những người tiểu tư hữu để tạo ra cho mình một đạo quân chống lại giai cấp vô sản. Những cuộc cách mạng tư sản hồi thế kỷ vừa qua đã chia vụn chế độ sở hữu nhiều ruộng đất của giai cấp quý tộc và của tăng lữ thành ra những sở hữu nhỏ phân tán - giống như điều mà những người cộng hòa Tây Ban Nha muốn thực hiện ngày nay - và do đó, họ đã tạo nên một giai cấp những người sở hữu ít ruộng đất, giai cấp này từ đó đã trở thành nhân tố phản động nhất của xã hội và là trợ lực thường xuyên chống đối lại phong trào cách mạng của giai cấp vô sản ở thành thị. Na-pô-lê-ông III đã có ý định tạo ra, trong các thành thị, một giai cấp tương tự bằng cách giảm bớt giá mỗi phiếu quốc trái: ông Đôn-phu-xơ và những bạn đồng nghiệp, trong khi bán cho công nhân của họ những nhà ở nho nhỏ có thể trả dần từng năm, đã tìm cách bóp chết mọi tinh thần cách mạng của những người lao động, đồng thời ràng buộc họ vào công xưởng trong đó họ làm việc: vì thế, cái kế hoạch của Pru-đông không những không giảm bớt được những nỗi đau khổ của giai cấp công nhân, mà thậm chí còn trực tiếp quay lại chống họ nữa"[1].

Vậy giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào? Trong xã hội chúng ta hiện nay, người ta giải quyết vấn đề nhà ở như giải quyết mọi vấn đề xã hội khác, nghĩa là bằng cách dần dần tạo ra một sự thăng bằng kinh tế giữa cung và cầu; giải pháp này làm cho vấn đề được đặt đi đặt lại mãi nên không phải là một giải pháp. Còn một cuộc cách mạng xã hội sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, điều đó tùy thuộc không những vào những điều kiện trong đó cách mạng nổ ra, mà cũng còn tùy thuộc vào nhiều vấn đề rộng lớn hơn nhiều, mà một trong những vấn đề chủ yếu nhất là xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn. Vì chúng ta không làm cái việc xây dựng những hệ thống không tưởng về việc tổ chức xã hội tương lai, cho nên nói dài dòng về vấn đề đó ở đây, sẽ là một việc quá ư phù phiếm. Có điều chắc chắn là những thành phố lớn đã có khá đầy đủ nhà dùng làm nhà ở để khắc

---

1) Giải pháp đó về vấn đề nhà ở, - giải pháp ràng buộc những người lao động vào "nhà" riêng của họ - đã được thực hiện một cách tự phát như thế nào ở ngoại ô những thành phố lớn ở Mỹ hoặc những thành phố đang phát triển, về điều này ta có thể xem một đoạn trích trong một bức thư của Ê-lê-ô-no-ra Mác-Ê-vơ-linh [một trong những con gái của Mác] viết tại In-đi-a-nô-pô-lít, ngày 28 tháng Mười một 1886: "Ở Can-dát-xơ Xi-ti, hay nói đúng hơn là ở vùng ngoại ô thành phố đó, chúng tôi thấy những túp lều ván nhỏ bé tồi tàn, khoảng chừng ba gian, dựng trên những miếng đất bỏ hoang. Đất đai trị giá 600 đô-la và chỉ vừa vặn để dựng túp lều bé nhỏ; túp lều trị giá 600 đô-la nữa, vị chi là 4800 mác cả thảy mới có được một túp lều nhỏ bé tồi tàn ở cách xa thành phố một giờ đồng hồ đường đất, nằm trong bãi sa mạc bùn lầy". Như vậy, những người lao động muốn có chỗ ở phải chịu những món nợ cầm cố nặng nề và hơn bao giờ hết, họ là những nô lệ của bon chủ của họ; họ bị trói buộc vào nhà ở của họ, họ không thể bỏ nó ra đi và họ buộc phải nhận tất cả mọi điều kiện lao động đề ra cho họ.

phục ngay tức khắc mọi tình trạng thật sự "*khủng hoảng* nhà ở", bằng cách sử dụng hợp lý những nhà cửa đó. Dĩ nhiên là điều này chỉ có thể tiến hành được bằng cách tước quyền sở hữu của những chủ nhà hiện tại, bằng cách để cho những người lao động không có nhà ở hay sống chen chúc trong những chỗ ở của họ đến ở những nhà cửa đó; và ngay sau khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền thì biện pháp đó, do lợi ích của xã hội đòi hỏi, cũng sẽ được thực hiện dễ dàng như hiện nay nhà nước đang thực hiện những biện pháp tước đoạt và trưng thu.

*

* *

Nhưng anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta chưa thỏa mãn với sự đóng góp của anh ta từ trước đến nay trong vấn đề nhà ở. Anh ta nâng vấn đề nhà ở từ thực tế tầm thường lên những lĩnh vực cao của chủ nghĩa xã hội, để làm cho vấn đề đó, ở đây nữa, cũng biểu hiện ra là một "bộ phận chủ yếu của vấn đề xã hội".

> "Vậy thì chúng tôi giả định rằng người ta tấn công kiến quyết vào năng suất của tư bản, - điều đó sớm hay muộn nhất định cũng sẽ xảy ra, - chẳng hạn bằng cách ban bố một đạo luật quá độ *quy định tiền lãi của tất cả mọi tư bản là 1%,* với xu hướng - chúng ta hãy chú ý điều này, - làm cho lới tức đó ngày càng nhích lại gần con số không, cho đến khi nào mà cuối cùng người ta chỉ còn phải trả tiền công *lao động cần thiết cho sự chu chuyển của tư bản.* Như tất cả mọi sản phẩm khác, ngôi nhà và chỗ ở sẽ do đạo luật đó chi phối... Chính người sở hữu nhà ở sẽ là người đầu tiên đưa tay ra thỏa thuận bán, bởi vì nếu không thì nhà của anh ta sẽ không được sử dụng và tư bản bỏ vào đó sẽ không sinh lợi gì cả".

Đoạn này bao hàm một trong những tín điều cơ bản của giáo lý của Pru-đông và là một ví dụ nổi bật về sự mơ hồ trong giáo lý đó.

"Năng suất của tư bản" là một điều kỳ quặc mà Pru-đông lặp lại nguyên văn theo các nhà kinh tế tư sản. Đành rằng ngay từ đầu các nhà kinh tế tư sản khẳng định rằng lao động là nguồn gốc của mọi của cải và là thước đo giá trị của mọi hàng hóa; nhưng họ còn phải giải thích xem băng cách nào mà người tư bản ứng trước ra một số tư bản để kinh doanh công nghiệp hay thủ công nghiệp, cuối cùng chẳng những lấy lại được số tư bản của hắn mà còn thu thêm được một số lợi nhuận nữa. Vì thế những nhà kinh tế tư sản không thể nào không lúng túng trong đủ mọi loại mâu thuẫn và gán cho bản thân tư bản là có một năng suất nào đó. Pru-đông đã bị lệ thuộc sâu sắc đến đâu vào cách suy nghĩ kiểu tư sản - không có gì chứng tỏ điều đó được rõ ràng hơn việc ông ta đã dùng thuật ngữ năng suất của tư bản đó. Ngay từ đầu, chúng ta đã thấy rằng cái gọi là "năng suất của tư bản" đó không phải là cái gì khác hơn là tính chất cố hữu của tư bản (trong những điều kiện xã hội hiện nay, vả lại nếu không có những điều kiện đó thì tư bản lại chẳng phải là tư bản nữa), là có thể chiếm đoạt lao động không công của những người lao động làm thuê.

Tuy vậy Pru-đông lại khác với các nhà kinh tế tư sản ở chỗ là ông ta không tán thành cái "năng suất của tư bản" đó, mà trái lại còn phát hiện rằng năng suất đó là một sự vi phạm "công lý vĩnh cửu". Chính năng suất đó đã làm cho người làm thuê không được hưởng toàn bộ sản phẩm lao động của mình. Vậy phải thủ tiêu nó đi. Bằng cách nào? Bằng cách dùng sắc lệnh để hạ thấp *tỷ suất lợi tức* xuống và bằng cách giảm dần tỷ suất đó đến chỗ không còn gì cả. Như vậy, theo anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta, tư bản sẽ ngừng không sinh lợi nữa.

Lợi tức của tư bản *tiền tệ* cho vay chỉ là một phần của lợi nhuận; lợi nhuận này dù là do tư bản công nghiệp hay do tư bản thương nghiệp mà có, thì cũng chỉ là một phần của giá trị thặng dư do giai cấp tư bản tước của giai cấp công nhân dưới hình thức lao động không công. Nói chung những quy luật của cùng một hình thái xã hội có thể độc lập đối với nhau như thế nào thì những quy luật kinh tế quyết định tỷ suất lợi tức cũng độc lập đối với những quy luật quyết định tỷ suất của giá trị thặng dư như thế. Trong việc phân phối giá trị thặng dư đó giữa những cá nhân bọn tư bản, rõ ràng là đối với những nhà công nghiệp hay nhà buôn được những nhà tư bản khác ứng cho nhiều tư bản để kinh doanh, thì trong những điều kiện giống nhau, tỷ suất lợi tức giảm đi bao nhiêu thì tỷ suất lợi nhuận cũng tăng lên theo cùng một tỷ lệ như thế. Như vậy, việc giảm bớt và cuối cùng là việc thủ tiêu tỷ suất lợi tức sẽ không "kiên quyết tấn công" cái gọi là "năng suất của tư bản", mà sẽ chỉ điều tiết, bằng một cách khác, sự phân phối, giữa những nhà tư bản khác nhau, cái giá trị thặng dư cưỡng đoạt của giai cấp công nhân; và đó không phải là sẽ làm lợi cho người lao động bằng cách làm thiệt hại cho chủ nghĩa tư bản công nghiệp, mà là sẽ làm lợi cho chủ nghĩa tư bản công nghiệp bằng cách làm thiệt hại cho người thực lợi.

Đứng trên quan điểm pháp quyền của mình, Pru-đông giải thích tỷ suất lợi tức, như giải thích tất cả mọi hiện tượng kinh tế, không phải bằng những điều kiện sản xuất xã hội, mà bằng những đạo luật nhà nước, tức là những biểu hiện chung của những điều kiện ấy. Đứng trên quan điểm ấy, người ta không thể có mảy may ý niệm nào về mối liên quan giữa những đạo luật của nhà nước và những điều kiện sản xuất của xã hội; cho nên những đạo luật nhà nước đó nhất định phải xuất hiện như những sắc lệnh hoàn toàn tùy tiện mà người ta có thể thay thế bất kỳ lúc nào, bằng những sắc lệnh khác, đối lập hẳn lại. Do đó, đối với Pru-đông thì không có gì dễ dàng hơn là ban hành một sắc lệnh - khi ông ta có quyền làm như thế - giảm tỷ suất lợi tức cuống mức 1%. Và nếu tất cả mọi điều kiện xã hội khác vẫn y nguyên như trước thì sắc lệnh đó sẽ chỉ tồn tại trên giấy tờ mà thôi. Bất chấp tất cả mọi sắc lệnh, tỷ suất lợi tức sẽ được quyết định như trước kia theo những quy luật kinh tế hiện đang chi phối nó; y hệt như trước kia, tất cả những người có khả năng trả nợ sẽ vay tiền với lãi suất 2,3% và hơn thế nữa, tùy trường hợp, chỉ có chỗ khác là những người thực lợi sẽ thận trọng hơn và sẽ chỉ ứng trước cho những ai mà họ không sợ là sẽ kiện họ. Ngoài ra, cái kế hoạch lớn lao đó, nhằm tước "năng suất" của tư bản đi, đã quá ư cũ kỹ, cũ kỹ như... những *đạo luật về cho vay lãi* là những đạo luật không có mục đích nào khác ngoài việc hạn chế tỷ suất lợi tức và ngày nay đã bị xóa bỏ ở khắp nơi vì, trong thực tiễn, những đạo luật đó thường thường bị vi phạm hay bị tránh né và vì nhà nước đã phải thừa nhận là bất lực đối với những quy luật sản xuất xã hội. Thế mà lại khôi phục lại những đạo luật trung cổ không thể thi hành được đó, để "kiên quyết tấn công năng suất của tư bản"! Rõ ràng là càng xem xét chủ nghĩa Pru-đông kỹ bao nhiêu thì lại càng thấy nó phản động bấy nhiêu.

Và khi mà người ta đã đưa tỷ suất lợi tức lãi xuống con số không bằng cách đó, tức là đã thủ tiêu tiền lãi của tư bản, thì lúc ấy "người ta chỉ còn phải trả tiền công lao động cần thiết cho sự chu chuyên của tư bản thôi". Điều đó có nghĩa là thủ tiêu tỷ suất lợi tức, cũng là thủ tiêu lợi nhuận và thậm chí thủ tiêu cả giá trị thặng dư nữa. Nhưng nếu có thể *thật sự* thủ tiêu tỷ suất lợi tức lãi bằng sắc lệnh thì hậu quả sẽ ra sao? Lúc đó, giai cấp những *người thực lợi* sẽ không có một lý do nào để đem tư bản của họ cho vay dưới hình thức tiền ứng trước, và họ sẽ buộc phải đem tư bản đầu tư vào công nghiệp để kiếm lợi cho bản thân, hoặc đầu tư trực tiếp, hoặc bằng cách tham gia các công ty cổ phần. Cái khối giá trị thặng dư do giai cấp các nhà tư bản tước đoạt của giai cấp công nhân sẽ vẫn y nguyên như trước; chỉ có sự phân phối giá trị thặng dư là thay đổi, nhưng cũng chẳng thay đổi được là bao.

Thực tế, anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta không thấy rằng ngay bây giờ, trong việc mua hàng hóa, như vẫn được tiến hành trong xã hội tư sản, thì bình quân mà tính, người ta đã chỉ trả giá cho “lao động cần thiết cho sự chu chuyển của tư bản” (nghĩa là: cần thiết để sản xuất một món hàng nhất định). Lao động là thước đo giá trị của tất cả mọi hàng hóa và trong xã hội hiện nay, và bình quân mà tính, tuyệt đối không thể -

nếu không kể đến những sự biến động của thị trường - trả cho những hàng hóa, một cái giá cao hơn lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó. Không, ông bạn theo phái Pru-đông của tôi ơi, khó khăn không phải là ở chỗ ấy đâu; khó khăn là ở chỗ "lao động cần thiết cho sự chu chuyển của tư bản") nói theo cái lối nói mơ hồ của ông bạn) chính cũng *chưa được trả giá đầy đủ*. Còn về việc giải thích điều đó, ông bạn hãy tìm trong trước tác của Mác ("Tư bản", tr.128-160[230]).

Nhưng thế chưa phải là đã hết. Một khi lợi tức của *tư bản* bị thủ tiêu thì đồng thời *tiền thuê nhà*[1*]cũng bị thủ tiêu luôn. Vì "như tất cả mọi sản phẩm khác, nhà ở và chỗ ở dĩ nhiên cũng bị đạo luật đó chi phối". Điều đó thật chẳng khác nào cái việc một viên thiếu tá già đã cho gọi một quân nhân tình nguyện của mình đến và bảo:" "Này anh, tôi nghe nói anh là bác sĩ: vậy thì thỉnh thoảng anh hãy đến nhà tôi: khi người ta có vợ và bảy con thì bao giờ chả có người bệnh để mà chữa".

Người quân nhân tình nguyện thưa rằng: "Xin lỗi thiếu tá, nhưng tôi lại là bác sĩ triết học kia!"

Viên thiếu tá nói: "Cái đó chẳng can chi, bác sĩ nào mà chẳng là bác sĩ".

Anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta cũng giống y như thế; đối với anh ta thì lợi tức của tư bản hay do nhà ở mang lại cũng chỉ là một thôi: lợi tức là lợi tức, và bác sĩ là bác sĩ.

Trên đây chúng ta đã thấy rằng giá tiền thuê nhà, vulgo[2*] gọi là tiền thuê nhà, bao gồm nhiều phần khác nhau: "1) địa tô; 2) tiền lãi của tư bản bỏ vào việc xây dựng, kể cả lợi nhuận của người thầu khoán; 3) số tiền dùng để trả những chi phí về sửa chữa và những khoản bảo hiểm; 4) những số tiền hàng năm để bù dần số tư bản bỏ ra, kể cả lợi nhuận, tùy theo tình trạng nhà ở hư hỏng dần dần.

[1*] Chơi chữ: Zins - lợi tức. Miethzins (hay Mieth) - tiền kiếm được bằng cho thuê nhà.

[2*] - thông thường.

Và bây giờ hẳn là phải rõ ràng, ngay cả đối với người mù lòa nhất, rằng: "Chính người sở hữu nhà ở sẽ là người đầu tiên đưa tay ra thỏa thuận bán, vì nếu không thì nhà của anh ta sẽ không được sử dụng và tư bản bỏ vào đó sẽ không sinh lợi gì cả". Đương nhiên là như vậy. Nếu người ta xóa bỏ tiền lãi của mọi tư bản ứng trước thì lúc đó, sẽ không có một người sở hữu nhà ở nào có thể nhận được một xu tiền cho thuê nhà của mình, vì cái lý do rất đơn giản là thay vì nói tiền thuê nhà, người ta cũng có thể nói *tiền lãi* cho thuê nhà và tiền lãi này lại gồm một phần thật sự là tiền lãi của một tư bản. Bác sĩ nào mà chẳng là bác sĩ. Nếu về mặt tiền lãi thông thường của tư bản, người ta đã có thể làm cho những đạo luật về cho vay lãi không có hiệu quả, chỉ bằng cách tránh né những đạo luật đó, thì những đạo luật đó chẳng bao giờ đụng chạm mảy may đến tiền thuê nhà. Cứ để cho Pru-đông tưởng tượng rằng đạo luật mới của ông ta về cho vay lãi sẽ nhất định có thể quy định chẳng những tiền lãi đơn giản của tư bản, mà cả giá cả phức tạp của tiền thuê nhà, và do đó, đạo luật đó sẽ dần dần xóa bỏ chúng[231]. Vậy thì tại sao người ta lại có thể mua ngôi nhà "đơn thuần vô dụng" của người sở hữu nhà ở với một giá trị rất đắt, và trong những điều kiện đó vì sao người sở hữu nhà ở lại không phải trả tiền để trút bỏ cái ngôi nhà "đơn thuần vô dụng" đó, nhằm khỏi phải mất tiền chi phí sửa chữa? Về vấn đề này, người ta chưa làm cho chúng ta sáng tỏ được chút nào cả.

Sau cái công việc khó nhọc ấy, được tiến hành có vẻ thắng lợi trong những lĩnh vực cao của chủ nghĩa xã hội cao cấp (ông thày Pru-đông đã gọi là chủ nghĩa xã hội siêu cấp), anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta tự cho là có quyền bước lên cao hơn một chút nữa.

"Bây giờ chỉ còn có việc là rút ra một vài kết luận để làm hoàn toàn sáng tỏ vấn đề rất quan trọng của chúng tôi".

Và những kết luận đó là gì? Những kết luận đó ít toát ra từ những điều trên đây, cũng như tình trạng những nhà ở không có giá trị ít nảy sinh ra từ việc xóa bỏ tỷ suất tiền lãi; tước bỏ những câu văn hoa và trịnh trọng của tác giả của chúng ta đi thì những kết luận đó chỉ có nghĩa là muốn làm cho việc mua lại nhà ở được dễ dàng, cần có ba điều: 1) một thống kê chính xác về vấn đề đó; 2) một tổ chức cảnh sát vệ sinh tốt; và 3) các hợp tác xã công nhân kiến trúc có khả năng đảm nhiệm việc xây dựng ngôi nhà mới. Đương nhiên, tất cả những điều đó đều tốt đẹp, nhưng cũng tuyệt đối chẳng hề làm "sáng tỏ hoàn toàn" tư tưởng tối tăm và mơ hồ của phái Pru-đông, mặc dù tư tưởng này đã mang cái giọng ba hoa của bọn bán hàng rong.

Người nào đã đạt được một kỷ lục như thế hẳn là rất có quyền cảnh cáo nghiêm khắc những người lao động Đức:

"Chúng tôi thiết tưởng rằng những vấn đề đó và những vấn đề khác tương tự đáng được Đảng dân chủ - xã hội hoàn toàn chú ý đến... Mong rằng, cũng như trong vấn đề nhà ở ở đây, họ sẽ cố gắng nghiên cứu rõ ràng những vấn đề cũng cực kỳ quan trọng như vấn đề *tín dụng, công trái, tiền nợ của tư nhân, thuế má",v.v..*

Anh chàng theo phái Pru-đông đã hé cho chúng ta thấy ở đây cả một loạt bài báo về những "vấn đề tương tự" và nếu anh ta bàn đến các vấn đề đó một cách cũng rườm rà như bàn đến vấn đề "rất quan trọng" này, thì tờ "Volksstaat" sẽ có đủ bản thảo cho một năm. Trong khi chờ đợi, chúng ta có thể vạch trước ra nội dung của những bài báo đó, vì chung quy lại thì cũng chỉ là điều đã được nói ra rồi: lợi tức của tư bản bị thủ tiêu thì đồng thời lợi tức trả cho công trái và tiền nợ của tư nhân cũng bị thủ tiêu, tín dụng trở thành không có lãi, v.v.. Cũng cái công thức bùa chú ấy đã được áp dụng cho tất cả mọi vấn đề, dù vấn đề ấy như thế nào và trong mọi trường hợp, người ta đều đi đến, một cách hết sức lô-gích, cùng một kết luận đáng kinh ngạc: đến khi lợi tức của tư bản bị xóa bỏ thì vay tiền sẽ không phải trả lãi nữa.

Chẳng qua đó là những vấn đề rất ư là đẹp đẽ mà anh chàng theo phái Pru-đông của chúng ta đem ra dọa chúng ta: *tín dụng!* Người lao động có thể rất cần đến tín dụng nào, nếu không phải là tín dụng hàng tuần[1*] hay là tín dụng của nhà cầm đồ? Và nếu anh ta được nhận tín dụng không có lãi, dù rằng đó là những lãi nặng giống như tiền lãi nợ của nhà cầm đồ đi nữa, thì đối với anh ta có gì là khác nhau không? Và nói chung, nếu do đó anh ta có lợi và vì thế mà những chi phí sản xuất ra sức lao động sẽ giảm đi thì liệu chính ngay giá cả của sức lao động đó có thể không bị sụt xuống không? Nhưng đối với người tư bản và nhất là đối với người tiểu tư sản, thì tín dụng là một vấn đề trọng yếu; đặc biệt nhất là đối với người tiểu tư sản, nếu có thể có tín dụng bất kỳ lúc nào và hơn nữa, không phải trả lãi thì thật là tuyệt diệu. - *Công trái!* Giai cấp công nhân biết rằng họ không chịu trách nhiệm về công trái và khi họ nắm chính quyền, họ sẽ để cho những kẻ đã vay, phải trả nợ. - *Tiền nợ của tư nhân!* Xin xem điều vừa nói về tín dụng. - *Thuế má!* Thuế má thì có quan hệ lợi hại nhiều đối với giai cấp tư sản, và rất ít đối với những người lao động: cái mà những người lao động phải đóng dưới hình thức thuế má, lâu dần nhập vào những chi phí sản xuất ra sức lao động và do đó phải được bọn tư bản bù lại. Vì tất cả những điểm trình bày với chúng ta ở đây như những vấn đề có một tầm quan trọng cao đối với giai cấp công nhân, chỉ chủ yếu có quan hệ lợi hại đối với những nhà tư sản, và nhất là những người tiểu tư sản, nên trái với Pru-đông, chúng tôi chủ trương rằng những người lao động không có trách nhiệm phải chăm lo đến lợi ích của những giai cấp đó.

Anh học trò của Pru-đông của chúng ta không nói qua một câu nào về cái vấn đề lớn, tức là vấn đề đụng chạm thật sự đến những người lao động và là vấn đề quan hệ giữa bọn tư bản và người làm thuê, vấn đề xét xem vì sao mà bọn tư bản có thể làm giàu bằng lao động của những người làm thuê. Đành rằng ông thày của anh ta có nghiên cứu vấn đề đó, nhưng không làm sáng tỏ vấn đề ấy được chút nào và ngay cả trong những tác phẩm cuối cùng của ông ta, thì về thực chất, ông ta cũng không tiến bộ gì hơn trong cuốn "Philosophie de la Misere" ("Triết học về sự khốn cùng"[232], mà luận cứ rất đanh thép của Mác đã đập cho tan tành vào năm 1847.

[1*] - Đi vay hàng tuần thường là phải chịu lãi rất nặng.

Thật không may là những người lao động thuộc các nước la-tinh, từ 25 năm nay, hầu như không còn có một món ăn tinh thần nào khác về chủ nghĩa xã hội, ngoài những tác phẩm của con người "xã hội chủ nghĩa của Đế chế II" đó. Điều không may đó lại càng lớn gấp bội nếu ngày nay, lý luận của phái Pru-đông lại cũng được phổ biến ở nước Đức. Nhưng chẳng có gì đáng ngại. Quan điểm lý luận của những người lao động Đức đã đi trước quan điểm của Pru-đông 50 năm và sẽ chỉ cần lấy một vấn đề nhà ở làm thí dụ, cũng đủ thấy rằng về mặt đó, bất tất phải có những sự cố gắng mới.

PHẦN II

GIAI CẤP TƯ SẢN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NHÀ Ở NHƯ THẾ NÀO

I

Việc nghiên cứu giải pháp *của phái Pru-đông* về vấn đề nhà ở đã chỉ ra rằng vấn đề ấy có quan hệ lợi hại trực tiếp đến giai cấp tiểu tư sản đến mức nào. Nhưng nó cũng có quan hệ lợi hại không kém đối với giai cấp đại tư sản mặc dầu chỉ có quan hệ gián tiếp thôi. Khoa học tự nhiên hiện đại chứng tỏ rằng những "khu tồi tàn", nơi mà những người lao động sống chen chúc, là những cái ổ của mọi thứ bệnh dịch tác hại một cách chu kỳ trong các thành phố của chúng ta. Những mầm bệnh thổ tả, bệnh truyền nhiễm, bệnh thương hàn, bệnh đậu mùa và nhiều bệnh phá hoại khác đều lan tràn trong bầu không khí nhiễm trùng và trong nước ô nhiễm của những khu công nhân ấy; ở đó, những mầm bệnh ấy không bao giờ chết hẳn mà lại phát triển ngay khi có điều kiện thuận lợi, và gây ra những bệnh dịch, những bệnh dịch này liền tràn ra khỏi các gia đình công nhân đến tận những khu thoáng khí hơn và trong sạch hơn của các ngài tư bản. Những nhà tư bản này không thể thản nhiên để cho những bệnh dịch hoành hành trong giai cấp công nhân, mà bản thân họ cũng phải chịu những hậu quả của những bệnh dịch ấy; thần chết cũng chẳng nới tay đối với họ, hơn là đối với những người lao động.

Ngay khi mà sự thật đó đã được khoa học xác nhận thì những nhà tư sản từ thiện đều có một tinh thần thi đua cao quý sôi nổi, lo lắng đến sức khỏe của công nhân của họ. Người ta lập hội, viết sách, phác ra những đề án, thảo luận và công bố những đạo luật nhằm tiêu trừ nguồn gốc của những bệnh dịch không ngừng phát sinh trở lại. Người ta xem xét những điều kiện cư trú của những người lao động và người ta mưu tính khắc phục những tệ nạn rõ ràng nhất. Nhất là ở Anh, nơi có phần lớn những thành phố quan trọng và nơi mà sự nguy hại đối với giai cấp đại tư sản trở nên đặc biệt bức thiết, thì người ta đã hoạt động tích cực; người ta cử ra những ủy ban của chính phủ để xem xét những điều kiện vệ sinh của giai cấp cần lao; những bản báo cáo của họ có những tài liệu chính xác, hoàn bị và vô tư hơn hẳn những báo cáo đã tập hợp được ở lục địa; những báo cáo ấy đã được dùng làm cơ sở cho những đạo luật mới có ít nhiều tinh thần cấp tiến. Dù những đạo luật đó chưa được hoàn hảo lắm, nhưng cũng đã hơn hẳn mọi mưu toan từ trước đến nay về phương diện ấy trên lục địa. Tuy nhiên, chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa không ngừng sinh ra và tất nhiên phải sinh ra những tệ hại cần phải chữa, đến nỗi, ngay cả ở nước Anh, cũng khó nói rằng công tác chạy chữa đó đã có được một bước tiến.

Theo lệ thường, ở Đức cần phải có một thời kỳ dài hơn nhiều mới có thể khiến cho những ổ bệnh dịch - ở đây, những bệnh này cũng có tính chất kinh niên -phát triển được đến trình độ nguy kịch cần thiết để kéo giai cấp đại tư sản ra khỏi tình trạng hôn mê. Tuy nhiên, đi thong thả thì vững vàng hơn, vì thế nên cuối cùng ở nước ta, đã nảy ra một loại sách báo tư sản nói về sức khỏe của công chúng và vấn đề nhà ở; đó là một thứ sách báo nhắc lại một cách rườm rà những điều của những tiền bối ngoại quốc của họ đã viết, nhất là của người Anh, và người ta đã tìm cách dùng những lời hoa mỹ, rởm và kêu để khoác cho những sách báo đó cái vẻ lừa dối của một tư tưởng sâu sắc hơn. Thuộc vào thứ văn chương đó là cuốn: *Tiến sĩ Ê-min Dắc-xơ. "Những điều kiện cư trú của các giai cấp lao động và việc cải cách những điều kiện đó"*. Viên, 1869[233].

Để trình bày cách của giai cấp tư sản giải quyết vấn đề nhà ở, tôi đã chọn cuốn sách đó vì nó định tóm tắt, trong phạm vi có thể, toàn bộ sách báo tư sản viết về vấn đề đó. Và cái thứ sách báo mà tác giả của chúng ta đã dùng làm "tài liệu" thì thật là đẹp đẽ biết bao! Trong số những báo cáo của nghị viện Anh là những nguồn tài liệu thật sự và chủ yếu, ông ta chỉ kể tên có ba bản báo cáo cũ nhất thôi; nhưng đọc toàn bộ cuốn sách thì chúng ta thấy rằng *ông ta không hề xem qua một bản báo cáo nào cả;* trái lại, người ta dẫn ra cho chúng ta một loạt trước tác đầy rẫy những sáo ngữ tư sản, những thiện ý hoàn toàn phản động và một sự bác ái giả dối; Đuy-pe-xi-ô, Rô-bớc Hô-lơ, Hu-bơ, những cuộc tranh luận trong các hội nghị khoa học xã hội (hay nói đúng hơn: hội nghị nói nhảm) ở Anh, tờ tạp chí của Hội đấu tranh cho phúc lợi của các giai cấp lao động ở Phổ, bản báo cáo chính thức của Áo về cuộc triển lãm quốc tế ở Pa-ri, những báo cáo chính thức của những nhà đương cục dưới thời Bô-na-pác-tơ cũng về vấn đề đó, tờ Illustrated London News", "Uber Land und Meer", và cuối cùng, "một quyền uy được thừa nhận", một con người "có cách nhìn sáng suốt và thực tế", "có lời nói hấp dẫn và nồng nhiệt" tức là *I-u-li-út Phau-sơ!* Trên bản danh sách đó, chỉ còn thiếu tờ "Gartenlaube" tờ "Kladderadatsch", và người lính Cút-scơ[234].

Để cho người ta đừng hiểu lầm quan điểm của mình, ông Dắc-xơ tuyên bố ở trang 22:

> "Chúng tôi dùng danh từ kinh tế xã hội để chỉ học thuyết kinh tế chính trị được vận dụng vào những vấn đề xã hội: - nói cho đúng hơn, toàn bộ đường lối và biện pháp mà khoa học đó cung cấp cho chúng ta để nâng những cái gọi là (!) *những giai cấp vô sản lên ngang với những giai cấp hữu sản, bằng cách căn cứ vào những "quy luật sắt" của khoa học đó và trong khuôn khổ của trật tự xã hội hiện hành".*

Chúng ta sẽ không để mất thì giờ với cái khái niệm mơ hồ cho rằng "học thuyết về nền kinh tế quốc dân" hay kinh tế chính trị học có thể thật sự nghiên cứu những vấn đề khác ngoài những vấn đề "xã hội". Và chúng ta bàn ngay đến điểm trọng yếu nhất. Tiến sĩ Dắc-xơ đòi hỏi là những "quy luật sắt" của nền kinh tế tư sản, cái "khuôn khổ của trật tự xã hội hiện hành", nói một cách khác là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, không được thay đổi, tuy nhiên những "cái gọi là những giai cấp vô sản" vẫn được nâng lên "ngang với những giai cấp hữu sản". Song, một điều kiện tiên quyết tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự tồn tại của một giai cấp vô sản thật sự chứ không phải của cái gọi là giai cấp vô sản, giai cấp này không hề có một cái gì để bán, ngoài sức lao động của mình và do đó, đã buộc phải bán sức lao động của mình cho bọn tư bản công nghiệp. Vậy nhiệm vụ của khoa học mới, khoa kinh tế xã hội do ông Dắc-xơ phát minh ra là như thế này; tìm ra trong một chế độ xã hội xây dựng trên sự đối kháng giữa một bên là những nhà tư bản chiếm hữu mọi nguyên liệu, mọi tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, và một bên là những người làm thuê hoàn toàn không có gì khác ngoài sức lao động của họ, tìm ra trong một chế độ xã hội như thế những con đường và biện pháp để biến tất cả những người làm thuê thành những nhà tư bản, nhưng lại không vì thế mà không còn là người làm thuê nữa. Ông Dắc-xơ nghĩ rằng mình đã giải quyết được vấn đề đó. Có lẽ ông ta cũng còn lòng tốt chỉ ra cho chúng ta biết là phải làm như thế nào để biến thành những vị thống chế tất cả những người lính trong quân đội Pháp, mỗi người lính này, kể từ thời Na-pô-lê-ông trở đi, đều có ở trong túi đạn của mình một cái gậy thống chế, mà lại vẫn là những người lính thường. Hoặc làm cách nào để mỗi người trong số 40 triệu thần dân của Đế chế Đức đều trở thành hoàng đế cả.

Thực chất của chủ nghĩa xã hội tư sản chính là ở chỗ tìm cách duy trì cơ sở của mọi tai họa trong xã hội hiện nay và đồng thời lại muốn xóa bỏ những tệ hại đó. Như cuốn "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" đã nói, những nhà xã hội chủ nghĩa tư sản muốn "chữa bệnh tật xã hội, cốt để củng cố xã hội tư sản"; họ muốn *"có của giai cấp tư sản mà không có giai cấp vô sản"*[235]. Chúng ta đã thấy là ông Dắc-xơ đặt vấn đề đúng y như thế. Ông ta cho rằng giải quyết vấn đề nhà ở thì giải quyết được vấn đề đó. Ý kiến của ông ta là:

> "nhờ cải thiện nhà ở của những giai cấp cần lao, người ta có thể cứu chữa có kết quả sự khốn cùng về thể xác và tinh thần đã được miêu tả trên đây và do đó - *chỉ* nhờ sự cải tiến rộng rãi những điều kiện nhà ở - đa số những giai cấp đó sẽ có thể thoát khỏi vũng lầy, trong đó chìm ngập cuộc sống của họ, một cuộc sống lắm khi hầu như không phải là cuộc sống của con người nữa, và sẽ có thể vươn lên những đỉnh cao trong sạch của phúc lợi vật chất và tinh thần" (tr.14).

Tiện thể xin nói qua một chút: lợi ích của của giai cấp tư sản là phải che giấu sự tồn tại của một giai cấp vô sản được tạo ra trong những điều kiện sản xuất tư bản chủ nghĩa và rất cần thiết cho sự tiếp tục tồn tại của của giai cấp tư sản. Vì thế nên ở trang 21, ông Dắc-xơ kể lể với chúng ta rằng ngoài những người công nhân chính cống ra, thì cái tên gọi những giai cấp cần lao còn bao gồm tất cả "những giai cấp bần cùng trong xã hội", "những người dân thường nói chung, như những người thợ thủ công, những đàn bà góa, những người được hưởng trợ cấp (!), những viên chức cấp dưới v.v.". Chủ nghĩa xã hội tư sản đã bắt tay với chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.

Do đâu mà có nạn khan hiếm nhà ở? Nó đã phát sinh như thế nào? Là một nhà tư sản tốt, ông Dắc-xơ làm sao mà có thể biết được rằng nạn khủng hoảng nhà ở là sản phẩm tất yếu của hình thái xã hội tư sản: một xã hội không thể tồn tại mà không có khủng hoảng nhà ở, khi tuyệt đại đa số những người lao động chỉ hoàn toàn sống bằng tiền công của họ, tức là chỉ sống bằng tổng số những tư liệu sinh hoạt cần thiết để sống và sinh con đẻ cái; khi những cải tiến mới về máy móc, v.v., không ngừng làm cho những khối lớn công nhân mất việt làm; khi những nạn khủng hoảng công nghiệp gay gắt và có tính chu kỳ, một mặt, quyết định sự tồn tại của một đạo quân hậu bị to lớn gồm những người thất nghiệp và mặt khác, thỉnh thoảng lại quẳng một khối đông đảo những người lao động ra ngoài đường phố; khi những người lao động sống chen chút trong những thành phố lớn, và ngày càng chen chúc với một nhịp độ nhanh hơn nhịp độ xây dựng nhà cửa trong những điều kiện hiện nay và khi những túp lều tồi tệ nhất cũng luôn luôn có người thuê; cuối cùng, khi người sở hữu một ngôi nhà, với tư cách là nhà tư bản, chẳng những có quyền mà trong một phạm vi nào đó, nhờ có sự cạnh tranh, còn có bổn phận phải không được ngần ngại cho thuê ngôi nhà của mình với tiền thuê nhà cao nhất. Trong một xã hội như thế, nạn khủng hoảng nhà ở không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, mà là một hiện tượng tất yếu; người ta chỉ có thể loại trừ được nạn khủng hoảng nhà ở cũng như những hậu quả của nó đối với sức khỏe, v.v., khi đã hoàn toàn thay đổi toàn bộ trật tự xã hội đã sản sinh ra nạn khủng hoảng đó. Nhưng chủ nghĩa xã hội tư sản không thể nào biết điều đó. Nó không *thể* giải thích nạn khủng hoảng nhà ở bằng những điều kiện hiện tại. Vì vậy, nó không còn cách nào để giải thích hiện tượng đó, ngoài cách dùng những thuyết giáo đạo đức để giải thích rằng sở dĩ thiếu nhà ở là do tính độc ác của loài người, có thể nói là do tội tổ tông vậy.

"Và ở đây, người ta không thể không thừa nhận - do đó, cũng không thể chối cãi (kết luận táo bạo thay!) - rằng tội lỗi... một phần là tại chính *bản thân những người lao động* đòi hỏi nhà ở, nhưng một phần lớn quan trọng hơn nhiều, lại là tại những người có trách nhiệm thỏa mãn nhu cầu đó, hoặc là mặc dầu có những phương tiện cần thiết, nhưng không đảm nhận việc đó, tức là tại *những giai cấp trên, hữu sản trong xã hội.* Tội lỗi của những giai cấp này... là không để hết tâm trí vào việc cung cấp đầy đủ nhà ở tốt".

Cũng giống như Pru-đông đã đưa chúng ta từ khoa kinh tế sang khoa pháp lý, ở đây nhà xã hội chủ nghĩa tư sản của chúng ta lại kéo chúng ta từ khoa kinh tế sang khoa luân lý. Điều đó cũng hoàn toàn tự nhiên thôi. Đối với kẻ tuyên bố rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những "quy luật sắt" của xã hội tư sản hiện nay, là bất khả xâm phạm và tuy vậy, lại muốn trừ bỏ những hậu quả khó chịu nhưng tất nhiên của cái xã hội đó, thì thử hỏi còn có cách nào khác hơn là giảng luân lý cho bọn tư bản? Hiệu quả tình cảm do những lời giảng đó tạo ra, lại tan ngay như mây khói dưới ảnh hưởng của lợi ích riêng và nếu cần, của sự cạnh tranh. Những lời giảng đó chẳng khác nào những lời gà mái mẹ đứng trên bờ ao nói với lũ vịt con do mình đã ấp ra, đang vui vẻ bơi lội ở dưới ao. Lũ vịt con nhảy xuống nước bất chấp cả tình trạng không có ván, còn bọn tư bản thì lăn xả vào lợi nhuận mà rất ít để ý đến việc lợi nhuận không có tâm hồn. Ông già Han-dơ-man[236], người hiểu biết nhiều hơn ông Dắc-xơ về mặt này, đã nói: "Trong công việc tiền nong, không thể nói đến tình cảm được".

> "Những nhà cửa tốt thì đắt đến nỗi đại đa số công nhân *hoàn toàn không có khả năng* sử dụng được. Đại tư bản... sợ rằng bỏ tiền ra xây dựng những ngôi nhà dành cho những giai cấp cần lao là mạo hiểm... do đó, nhu cầu về nhà ở khiến cho những giai cấp này phải chịu làm mồi cho nạn đầu cơ".

Nạn đầu cơ đáng nguyền rủa; dĩ nhiên là đại tư bản chẳng bao giờ đầu cơ! Nhưng không phải vì ác ý, mà chỉ vì không biết, nên đại tư bản đã không đầu cơ về nhà ở công nhân:

> "Những người sở hữu nhà ở đều hoàn toàn không ***biết*** rằng việc thỏa mãn một cách bình thường nhu cầu về nhà ở đóng một vai trò quan trọng đến mức nào; *họ không biết điều tại hại mà họ gây ra cho dân chúng*, khi họ cung cấp một cách rất vô trách nhiệm cho những người này, theo thường lệ, những ngôi nhà tồi tàn và thiếu vệ sinh, và cuối cùng, họ không *biết* là do đó họ đã làm hại cho bản thân họ biết nhường nào" (tr.27).

Nhưng cái không biết của bọn tư bản cần phải được cái không biết của những người lao động bổ sung thì mới gây ra nạn khủng hoảng nhà ở được. Sau khi thừa nhận rằng những "tầng lớp thấp nhất" của giai cấp công nhân "buộc phải (!) tìm kiếm bằng cách này hay cách khác một chỗ trú ban đêm để không đến nỗi phải hoàn toàn không có lấy một mái nhà và về mặt này thì họ không hề được giúp đỡ cũng như không hề được bảo vệ", ông Dắc-xơ nói tiếp:

"Vì ai nấy đều biết rằng phần đông những người đó (công nhân) vì khinh suất, nhưng chủ yếu là vì không biết, nên có thể nói hầu như là đều trổ hết tài ba thật sự ra để tước mất cơ thể của họ, những điều kiện của một sự phát triển bình thường về thể chất và của một cuộc sống lành mạnh, vì họ *không hiểu biết một chút gì* về vệ sinh hợp lý và đặc biệt là về ý nghĩa lớn lao của nhà ở" (tr.27)

Nhưng chính đây là chỗ mà con lừa tư sản của chúng ta đã để lòi đuôi ra. "Tội lỗi" của những nhà tư bản tan đi thành sự không hiểu biết, còn thì sự không hiểu biết của những người lao động lại là nguyên nhân gây ra tội lỗi. Hãy nghe ông ta nói:

"Như vậy kết quả là (chính là do sự không hiểu biết) họ, miễn sao tiết kiệm được chút ít về tiền thuê nhà, bước vào những căn nhà tối tăm, ẩm thấp, chật hẹp, tóm lại là bất chấp mọi yêu cầu về vệ sinh... và thường thường thì nhiều gia đình thuê chung nhau chỉ một căn nhà, thậm chí chỉ một căn buồng, - tất cả điều đó là để trả tiền thuê nhà càng ít càng tốt, trong lúc đó thì họ lại *phung phí tiền thu nhập của họ một cách thật là tội lỗi vào rượu chè và đủ mọi thứ khoái lạc tầm thường*".

Đối với ông Dắc-xơ thì tiền bạc mà người công nhân lãng phí "vào rượu và thuốc lá" (tr.28), "cuộc sống trong quán rượu với tất cả những hậu quả bi thảm của nó, giống như một khối chì không ngừng lôi kéo giai cấp công nhân xuống vũng bùn", là giống như một quả tạ đè nặng trên lòng dạ ông. Thậm chí trong những điều kiện hiện nay, bệnh nghiện rượu trong giới lao động là một sản phẩm tất yếu của nếp sống của họ, cũng tất yếu như bệnh thương hàn, tội ác, chấy rận, nha lại và những bệnh tật xã hội khác, tất yếu đến nỗi mà người ta có thể tính trước được con số trung bình những người sẽ ham mê rượu chè, - tất cả những điều đó, ông Dắc-xơn cũng lại không thể biết được. Vả chăng, ở trường làng, thầy giáo của chúng ta cũng đã nói với chúng ta rằng: "Những người dân thường thì đến quán rượu và những người có tư cách thì đến câu lạc bộ", và vì tôi đã từng đến cả hai nơi đó nên tôi có thể chứng thực rằng những lời đó là chính xác.

Tất cả những lời lẽ ba hoa về "sự không hiểu biết" của hai bên chung quy cũng chỉ là những lời hiệu triệu cũ rích chủ trương điều hòa lợi ích giữa tư bản và lao động. Nếu những nhà tư bản hiểu biết lợi ích thật sự của họ, họ sẽ cung cấp cho công nhân những ngôi nhà tươm tất và nói chung, một mức sống tốt hơn; và nếu những người lao động hiểu biết lợi ích thật sự của họ, họ sẽ không bãi công, sẽ không bận tâm đến chủ nghĩa xã hội, sẽ không làm chính trị, mà sẽ rất ngoan ngoãn đi theo các vị bề trên của họ, tức là các nhà tư bản. Khốn nỗi, hai bên đều nhận thấy rằng lợi ích của mình hoàn toàn ở chỗ khác chứ không phải là ở trong những lời giáo lý của ông Dắc-xơn và của vô số những vị tiền bối của ông ta. Bản kinh Phúc âm về sự điều hòa lợi ích giữa tư bản và lao động đã được tuyên truyền từ năm mươi năm nay; tấm lòng từ thiện tư sản đã chi những số tiền khổng lồ để xây dựng những cơ quan kiểu mẫu nhằm chứng tỏ sự điều hòa đó; và như chúng ta sẽ thấy dưới đây, hiện nay chúng ta cũng chẳng tiến gì hơn là cách đây năm mươi năm.

Và bây giờ tác giả của chúng ta bàn đến giải pháp thực tiễn của vấn đề. Pru-đông đã đưa ra kế hoạch biến những người lao động thành *những người sở hữu* những ngôi nhà họ ở; việc chủ nghĩa xã hội tư sản, ngay từ trước ông ta và cả bây giờ nữa, vẫn còn có ý định thực hiện kế hoạch ấy, chứng tỏ rằng giải pháp đó không lấy gì làm cách mạng cho lắm. Đến lượt mình, ông Dắc-xơ cũng lại tuyên bố với chúng ta rằng chỉ có thể giải quyết vấn đề nhà ở bằng cách chuyển cho công nhân quyền sở hữu nhà họ ở (tr.58 và 59). Hơn nữa, khi nghĩ như thế, ông ta lai láng hồn thơ và tuôn ra những lời nồng nhiệt trữ tình sau đây:

"Nỗi nhớ của con người đối với quyền sở hữu ruộng đất quả là một điều rất đặc biệt; đó là một bản năng mà ngay cả *nhịp độ quay cuồng của cuộc sống vụ lợi hiện nay* cũng không thể làm nguôi đi được. Đó là sự hiểu biết không tự giác về ý nghĩa quan trọng của thành quả kinh tế mà đại biểu là quyền sở hữu ruộng đất. Có quyền sở hữu ruộng đất đó. người ta sẽ có một địa vị vững vàng, có thể nói là người ta sẽ bám rễ chặt chẽ ruộng đất, và cơ sở bền vững nhất của kinh tế (!) của mỗi nhà là quyền sở hữu ruộng đất ấy. Nhưng ân huệ của quyền sở hữu ruộng đất còn vượt ra ngoài những lợi ích vật chất đó rất nhiều. Người nào may mắn có được quyền sở hữu đó, là đã *đạt được địa vị kinh tế độc lập cao nhất có thể tưởng tượng được:* anh ta có một khu đất mà anh ta được *toàn quyền* xử lý và quản trị: anh ta là *chủ của bản thân anh ta;* anh ta có một quyền lực nhất định và một *nơi nương tựa chắc chắn* trong những ngày khó khăn; sự tự ý thức của anh ta tăng lên và cùng với nó, sức mạnh tinh thần của anh ta cũng tăng lên. Do đó, trong vấn đề hiện nay, quyền sở hữu có một ý nghĩa sâu sắc... Người lao động, hiện nay phải bó tay trước những biến đổi của tình hình, vĩnh viễn phụ thuộc vào người chủ của anh ta, thì do đó mà trong một chừng mực nào đó, sẽ thoát khỏi tình trạng bấp bênh đó; anh ta *sẽ trở thành một nhà tư bản,* do đó mà có tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản, khiến anh ta có thể tránh được nguy cơ bị thất nghiệp hoặc mất khả năng lao động. *Anh ta sẽ bước từ giai cấp không có của lên giai cấp có của"* (tr.63).

Hình như ông Dắc-xơn giả thiết rằng con người ta, về bản chất, là nông dân, nếu không thì ông ta sẽ không thể tưởng tượng được rằng những người lao động ở các thành phố lớn của chúng ta có một nỗi nhớ quyền sở hữu ruộng đất, nỗi nhớ mà chưa một ai phát hiện ra cho họ cả. Đối với họ, tự do đi lại là điều kiện sống còn đầu tiên và quyền sở hữu ruộng đất chỉ có thể là một sợi dây ràng buộc họ mà thôi. Hãy cấp cho họ những nhà ở thuộc quyền sở hữu của họ, hãy lại buộc họ vào ruộng đất, như vậy là bẻ gãy được sức kháng cự của họ chống lại việc bọn chủ công xưởng hạ thấp tiền công. Một người lao động cá biệt có thể tình cờ bán được ngôi nhà bé nhỏ của mình, nhưng trong trường hợp có bãi công nghiêm trọng hay tổng khủng hoảng công nghiệp[1*] thì tất cả những ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của những người lao động bị những sự biến ấy đụng chạm đến, đều nhất định phải đem bán, do đó không thể tìm ra được người mua, hoặc là lúc đó, phải bán với một giá hạ hơn giá mua rất nhiều. Và nếu tất cả những ngôi nhà đó đều có người mua thì kế hoạch cải lương vĩ đại của ông Dắc-xơn nhằm giải quyết vấn đề nhà ở sẽ trở thành con số không và ông ta sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Chẳng qua là thi sĩ trong một thế giới tưởng tượng, và đó cũng là trường hợp của ông Dắc-xơn, ông ta tưởng tượng rằng người sở hữu ruộng đất "đã đạt được địa vị kinh tế độc lập cao nhất có thể tưởng tượng được", rằng người đó có "một nơi nương tựa chắc chắn", rằng anh ta "*sẽ trở thành một nhà tư bản,* khiến anh ta có thể tránh được nguy cơ bị thất nghiệp hoặc mất khả năng lao động", v.v.. Xin ông Dắc-xơn hãy thử nhìn những tiểu nông ở Pháp và ở Ranh mà xem: nhà ở và ruộng nương của họ đã hoàn toàn đem cầm cố hết cả rồi; mùa màng của họ là thuộc bọn chủ nợ từ khi còn chưa gặt, và không phải họ là kẻ có toàn quyền quản lý "khu đất" của họ, mà chính chủ nợ, luật sư và nha lại mới có quyền ấy. Đây quả là địa vị kinh tế độc lập cao nhất có thể tưởng tượng được - đối với người chủ nợ. Và để cho những người lao động đem nhà cửa nhỏ bé của họ đặt dưới quyền tự do xử lý của chủ nợ càng nhanh càng tốt. Ông Dắc-xơn, con người tốt bụng và biết lo xa ấy bèn chỉ cho họ thấy *tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản* đã được mở ra cho họ, và có thể giúp đỡ họ trong trường hợp bị thất nghiệp, hay bị mất khả năng lao động mà bất tất phải nhờ đến cứu tế xã hội.

[1*] Các từ "hay tổng khủng hoảng công nghiệp" do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản năm 1887.

Dù sao, ông Dắc-xơn cũng đã giải quyết vấn đề đặt ra lúc ban đầu: nhờ có được ngôi nhà nhỏ bé của mình mà công nhân "*trở thành một nhà tư bản*".

Tư bản mang lại cái quyền sử dụng lao động không công của người khác. Như vậy là ngôi nhà nhỏ bé của người lao động chỉ trở thành tư bản, nếu anh ta cho một người thứ ba thuê, và do đó chiếm lấy một phần lao động của người thứ ba ấy dưới hình thức tiền thuê nhà. Khi chính bản thân anh ta ở ngôi nhà ấy thì anh ta đã làm cho ngôi nhà ấy không thể trở thành tư bản được, chẳng khác nào cái áo khoác mà tôi mua của người thợ may và mặc nó vào người thì ngay lúc đó không còn là tư bản nữa. Đành rằng người lao động có một ngôi nhà nhỏ trị giá một nghìn ta-le thì không còn là một người vô sản nữa, nhưng phải là ông Dắc-xơn thì mới dám gọi anh ta là một nhà tư bản.

Chủ nghĩa tư bản của người lao động của chúng ta có một mặt khác. Giả thiết rằng trong một vùng công nghiệp nào đấy, việc mỗi công nhân có ngôi nhà nhỏ của riêng mình đã trở thành thông lệ. Trong trường hợp ấy, *giai cấp công nhân ở vùng đó được ở không mất tiền*; tiền chi phí về nhà ở không còn nằm trong giá trị sức lao động của họ nữa. Nhưng mọi sự giảm bớt chi phí sản xuất ra sức lao động, nghĩa là mọi sự giảm giá lâu dài một chút của những tư liệu sinh hoạt của công nhân, thì "dựa trên cơ sở những quy luật sắt của học thuyết kinh tế chính trị", lại là sự giảm bớt giá trị của sức lao động, do đó mà cuối cùng là làm giảm tiền lương xuống một mức tương ứng. Như vậy là tiền lương đó lại sẽ giảm mất món tiền tiết kiệm trung bình về khoản trả tiền thuê nhà, nghĩa là người lao động sẽ trả tiền thuê nhà của chính ngôi nhà của anh ta, không phải như trước kia, bằng cách trả một số tiền cho người sở hữu nhà ở, mà là bằng cách lao động không công cho người chủ xưởng thuê anh ta. Như thế thì những khoản tiền tiết kiệm mà người lao động bỏ vào ngôi nhà nhỏ bé của anh ta, trong một chừng mực nào đó, đúng là sẽ trở thành tư bản , không phải cho anh ta, mà là cho nhà tư bản, người thuê anh ta.

Do đó, ngay cả trên giấy, ông Dắc-xơn cũng không biến được người công nhân của ông ta thành một nhà tư bản.

Tiện thể xin nói thêm rằng điều nói trên đây cũng thích hợp đối với mọi công cuộc gọi là cải lương xã hội nhằm thực hiện tiết kiệm hoặc nhằm hạ giá những tư liệu sinh hoạt của người công nhân. Thật vậy: hoặc là những biện pháp cải lương ấy được thực hành một cách phổ biến và do đó mà mang lại kết quả là giảm tiền lương xuống một mức tương ứng; hoặc là những biện pháp cải lương ấy vẫn chỉ là những cuộc thí nghiệm riêng lẻ, và lúc đó, bản thân sự tồn tại của những thí nghiệm ấy, với tính cách là những trường hợp ngoại lệ cá biệt, cũng đã chứng minh rằng việc thực hành những biện pháp cải lương ấy trên quy mô lơn là không tương dung được với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện hành. Giả thiết rằng trong một địa phương nào đó, nhờ lập ra một cách phổ biến những hợp tác xã tiêu thụ mà người ta đã giảm được 20% giá cả tư liệu sinh hoạt của người công nhân thì dần dà, tiền lương ở đó cũng sẽ sụt xuống khoảng 20%, nghĩa là sụt xuống theo tỷ lệ mà những tư liệu sinh hoạt chiếm trong tổng ngạch thu chi của người công nhân. Ví dụ như người công nhân bỏ ra trung bình 3/4 tiền lương hàng tuần của anh ta để mua những tư liệu sinh hoạt đó, thì cuối cùng tiền lương sẽ giảm đi 3/4 x 20%, tức là 15%. Tóm lại, ngay khi mà một trong những biện pháp cải lương đó nhằm thực hiện tiết kiệm đã trở thành phổ biến thì tiền lương của người lao động cũng giảm đi mất cái số gọi là tiền tiết kiệm khiến cho người lao động có thể sống với giá sinh hoạt rẻ. Nếu quả *mỗi* người lao động được một khoản thu nhập độc lập là 52 ta-le do tiết kiệm mà có, thì cuối cùng tiền lương hàng tuần của anh ta sẽ giảm một ta-le. Do đó, anh ta càng tiết kiệm nhiều bao nhiêu thì tiền lương của anh ta lại càng ít đi bấy nhiêu. Như vậy thì tiết kiệm không làm lợi cho bản thân anh ta, mà làm lợi cho nhà tư bản. Để "gây cho anh ta đức tính kinh tế đầu tiên, tức là ý thức tiết kiệm" thì còn cần phải có cái gì nữa? (tr.64).

Vả lại, ông Dắc-xơn cũng nói ngay với chúng ta rằng những người lao động cần phải trở thành người sở hữu nhà ở của họ, vì lợi ích của những nhà tư bản hơn là vì lơi ích của bản thân họ:

"Không phải chỉ riêng giai cấp công nhân, mà toàn bộ xã hội đều rất quan tâm làm sao cho tuyệt đại đa số thành viên trong xã hội được gắn liền (!) vào đất đai... (Tôi rất muốn được thấy ông Dắc-xơn ở trong tình trạng đó)[1*]... Tất cả những lực lượng bí mật làm rực cháy cái núi lửa vấn đề xã hội, cái núi lửa đang nóng bỏng ở dưới chân chúng ta, tức là những nỗi đắng cai của những người vô sản, mối căm hờn... những tư tưởng mơ hồ nguy hiểm..., tất cả những lực lượng đó đều sẽ tan đi như sương mai lúc mặt trời mọc, khi... bản thân những người lao động sẽ chuyển bằng cách đó thành giai cấp những người hữu sản" (tr.65).

[1*] Trên tờ "Volksstaat" đoạn trích được dẫn đầy đủ hơn; trước những từ: " Tất cả những lực lượng bí mật" còn có thêm một đoạn: "Quyền sở hữu ruộng đất... đã làm giảm số người đấu tranh chống sự thống trị của giai cấp hữu sản".

Nói một cách khác, ông Dắc-xơ hy vọng rằng những người lao động, do có được một ngôi nhà mà đã thay đổi địa vị xã hội, nên đồng thời sẽ mất luôn tính chất vô sản của họ và sẽ trở thành dễ bảo và nhu nhược như tổ tiên của họ là những người cũng đã có một ngôi nhà. Mong rằng các ngài theo phái Pru-đông chú ý đến điều đó cho.

Ông Dắc-xơ tưởng rằng như thế là đã giải quyết xong vấn đề xã hội:

"*Sự phân phối của cải một cách công bình hơn,* điều bí ẩn ấy mà biết bao nhiêu người đã hoài công giải quyết, há chẳng phải là một sự thật cụ thể đã được thực hiện trước mắt chúng ta hay sao, há chẳng phải là sự phân phối đó đã bị kéo như vậy từ lĩnh vực lý tưởng xuống lĩnh vực thực tế rồi hay sao? Và thực hiện được sự phân phối đó, há chẳng phải là chúng ta đã đạt được một trong những mục đích tối cao mà ngay cả *những nhà xã hội chủ nghĩa cực đoan nhất cũng cho là một điểm tột cùng trong lý luận của họ, hay sao?"* (tr.66).

Lên được đến điểm đó, quả là một điều may mắn. Thực vậy, tiếng reo mừng ấy là "điểm tột cùng" của tác phẩm của ông Dắc-xơ, và từ đó. người ta lại êm ả bước từ "lĩnh vực lý tưởng" xuống lĩnh vực thực tế tầm thường, và khi người ta xuống đến nơi rồi thì người ta thấy rằng trong khi chúng ta vắng mặt, tuyệt đối không có gì thay đổi cả.

Người hướng đạo của chúng ta chỉ cho chúng ta đi bước đầu trên còn đường đi xuống, bằng cách mách cho chúng ta rằng có hai chế độ nhà ở của công nhân: chế độ nhà nhỏ, theo đó mỗi gia đình công nhân có ngôi nhà nhỏ của mình và nếu có thể, cả một mảnh vườn con như ở Anh, và chế độ nhà có nhiều căn hộ, với những ngôi nhà lớn có nhiều chỗ ở cho công nhân, như

Pa-ri, Viên, v.v.. Giữa hai chế độ đó có chế độ thông dụng ở miền Bắc nước Đức. Song, thật ra thì chế độ nhà nhỏ là chế độ duy nhất đúng đắn, chế độ *duy nhất* khiến người lao động được hưởng quyền sở hữu ngôi nhà của mình; vả lại, chế độ nhà có nhiều căn hộ là rất bất lợi cho sức khỏe, đạo đức và sự êm ấm gia đình - nhưng than ôi, ba lần than ôi, chế độ nhà nhỏ lại không thể thực hiện được ở chính những trung tâm có nạn khủng hoảng nhà ở, tức là ở những thành phố lớn, vì đất đai đắt đỏ; và người ta còn có thể lấy làm sung sướng nếu ở đó, thay vào những nhà lớn có nhiều căn hộ, người ta có thể xây dựng được những ngôi nhà có từ 4 đến 6 chỗ ở, hay là nếu người ta khắc phục được những nhược điểm chính của nhà có nhiều căn hộ, bằng đủ mọi phương pháp xây dựng khéo léo (tr.71 - 92).

Thế là chúng ta đã xuống cách xa những đỉnh cao rồi, có đúng thế chăng? Biến những người lao động thành những nhà tư bản, giải quyết vấn đề xã hội, làm cho mỗi người lao động có ngôi nhà thuộc về mình - tất cả những điều đó đều ở lại trên kia, "trong lĩnh vực lý tưởng"; hiện tại, việc chúng ta phải làm, thì chỉ còn là thực hiện chế độ nhà nhỏ ở nông thôn và tổ chức không đến nỗi quá tồi, trong các thành phố, những nhà lớn có nhiều căn hộ cho công nhân.

Như vậy là người ta thú nhận rằng giải pháp của giai cấp tư sản về vấn đề nhà ở đã bị phá sản; nó vấp phải *sự đối lập giữa thành thị và nông thôn*. Thế là chúng ta đã đến chính ngay trung tâm của vấn đề; vấn đề đó sẽ chỉ có thể giải quyết được khi nào xã hội đã được biến đổi một cách khá sâu sắc để có thể bắt tay vào xóa bỏ sự đối lập đó, sự đối lập đã bị đẩy lên đến cực độ, trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay. Còn rất xa mới có thể xóa bỏ được sự đối lập đó; trái lại, xã hội tư bản chủ nghĩa làm cho sự đối lập đó ngày càng trở nên gay gắt hơn. Những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng hiện đại đầu tiên. Ô-oen và Phu-ri-ê, đã hoàn toàn thừa nhận điều đó. Trong những tổ chức kiểu mẫu của các vị ấy, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn không còn tồn tại nữa. Vậy là nảy ra điều trái ngược với điều mà ông Dắc-xơ khẳng định: không phải là hễ giải quyết được vấn đề nhà ở thì tức khắc giải quyết được vấn đề xã hội, mà chính là có giải quyết vấn đề xã hội, nghĩa là có xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì mới có thể giải quyết được vấn đề nhà ở. Muốn giải quyết vấn đề nhà ở mà đồng thời lại duy trì các thành phố lớn hiện đại thì thật là phi lý. Chỉ có xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì mới có thể xóa bỏ được những thành phố lớn hiện đại đó và khi mà điều đó được thực hiện thì vấn đề lúc đó, sẽ lại hoàn toàn khác đi chứ không còn là cấp cho mỗi người lao động một ngôi nhà nhỏ bé thuộc quyền sở hữu của họ nữa.

Lúc khởi đầu, mọi cuộc cách mạng xã hội đều phải nắm được tình hình thực tế lúc đó và phải dùng những phương tiện hiện có để khắc phục những tệ hại lộ liễu nhất. Và chúng ta đã thấy rằng có thể làm dịu bớt tức khắc *nạn khủng hoảng* nhà ở bằng cách tước đoạt một phần những nhà ở sang trọng thuộc quyền sở hữu của những giai cấp hữu sản và trưng dụng nốt phần còn lại.

Khi mà, tiếp theo đó, ông Dắc-xơ lại xuất phát từ sự tồn tại của những thành phố lớn và nói dài dòng về những khu nhà công nhân phải được xây dựng *bên cạnh* các thành phố, miêu tả cho chúng ta tất cả những cái đẹp đẽ của các khu nhà đó, "những ống dẫn nước, ánh sáng đèn khí, lò sưởi bằng hơi nóng và bằng nước nóng, những phòng giặt, phòng phơi sấy, phòng tắm, v.v..", với những "vườn trẻ, trường học, phòng cầu nguyện (!), và phòng đọc sách, thư viện... quán cà phê và quán giải khát, phòng khiêu vũ và phòng âm nhạc đầy đủ tiện nghi", với hơi nước do một hệ thống ống dẫn đưa đến khắp mọi nhà, "do đó, trong một phạm vi nào đấy, làm cho người ta có thể chuyển việc sản xuất ở các công xưởng về xưởng gia đình": những cái đó không hề làm thay đổi được gì cả. Cái khu nhà mà ông ta miêu tả cho chúng ta đó, là do ông Hu-bơ trực tiếp mượn của các nhà xã hội chủ nghĩa

Ô-oen và Phu-ri-ê, nhưng lại hoàn toàn tư sản hóa nó đi bằng cách tước bỏ một cách giản đơn tất cả những cái gì có tính chất xã hội chủ nghĩa của nó. Và do đấy, cái khu nhà đó lại càng trở nên không tưởng gấp đôi. Không một nhà tư bản nào thiết xây dựng những khu nhà như thế, cũng vì thế mà trên thế giới, không có một khu nhà nào như thế, ngoài khu Ghi-dơ ở Pháp; mà khu này là do một người theo phái Phu-ri-ê xây dựng lên, không coi đó là một việc kinh doanh có lợi, mà coi đó là một thí nghiệm xã hội chủ nghĩa1). Để bênh vực cái thói thích xây dựng lên những phương án tư sản, có lẽ ông Dắc-xơ cũng rất có thể kể ra cái khu cộng sản chủ nghĩa "Harmony Hall"[238] do Ô-oen sáng lập nên ở vùng Hêm-pơ-sia vào đầu những năm bốn mươi và đã tiêu vong từ lâu rồi.

Nhưng tất cả những lời ba hoa ấy về việc xây dựng những khu nhà chỉ là một ý đồ đáng thương, chỉ chốc lát đã bị bỏ rơi, để lại bay bổng lên "lĩnh vực lý tưởng". Từ đó, chúng ta lại nhanh chân đi xuống. Bây giờ thì giải pháp đơn giản nhất là:

> "những người chủ, những chủ công xưởng giúp cho công nhân tìm được nhà ở thích hợp với nhu cầu của công nhân, hoặc là chính họ xây dựng nhà ở, hoặc là họ khuyến khích công nhân xây dựng nhà ở bằng cách cung cấp đầy đủ cho công nhân, bằng cách ứng vốn ra để xây dựng, v.v." (tr.106).

Thế là một lần nữa, chúng ta lại bị đưa ra ngoài phạm vi những thành phố lớn, - ở đây không thể bàn đến những vấn đề như thế được, - và lại bị đưa về nông thôn. Khi đó, ông Dắc-xơ bèn chứng minh rằng giúp đỡ cho công nhân kiếm được nhà khả dĩ ở được thì chính là có lợi cho ngay bản thân những chủ công xưởng, một mặt, đó là một nơi đầu tư tốt; mặt khác, kết quả nhất định sẽ là

---

1) Và cuối cùng thì chính khu nhà này cũng chỉ trở thành một trung tâm để bóc lột công nhân mà thôi. Xem tờ "Socialiste?", Pa-ri, 1886[237]. (*Chú thích của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1887.)*

"đời sống công nhân được nâng cao... sức lao động nhục thể và tinh thần của họ tăng lên, thì dĩ nhiên là... cũng làm lợi cho người chủ không kém. Điều này chỉ cho ta thấy quan điểm thật sự của người chủ khi họ tham gia giải quyết vấn đề nhà ở: sự tham gia đó là kết quả của *sự liên hợp vô hình,* của sự quan tâm của những người chủ đối với phúc lợi thể chất và kinh tế, phúc lợi tinh thần và đạo đức của những công nhân của họ, một sự quan tâm thường thường được che đậy bằng những ý đồ nhân đạo, một sự quan tâm, nhờ những kết quả thu được, như là việc lập ra và đảm bảo có được một giai cấp công nhân có khả năng khéo léo, dễ bảo, mãn nguyện và *tận tụy* mà được đền đáp lại bằng tiền bạc" (tr.108).

Cái từ ngữ hoa mỹ "liên hợp vô hình"[239] mà Hu-bơ đã dùng để tìm cách khoác cho những lời lẩn thẩn kiểu nhà tư bản từ thiện của mình một "ý nghĩa cao hơn", chẳng làm cho tình hình thay đổi được chút nào cả. Dù không có từ ngữ đó thì những chủ công xưởng lớn ở nông thôn, đặc biệt là ở nước Anh, cũng đã biết từ lâu rằng việc xây dựng nhà ở cho công nhân chẳng những là một việc cần thiết và là một bộ phận không thể thiếu được trong việc xây dựng công xưởng, mà còn là một việc hoàn toàn sinh lợi nữa. Ở Anh, từng làng một đã mọc lên theo cách đó, một số sau này đã trở thành những thành phố. Còn những người lao động thì chẳng những không tỏ ra biết ơn các nhà tư bản từ thiện, mà còn luôn luôn kịch liệt phản đối "chế độ nhà nhỏ". Chẳng những họ phải mua những ngôi nhà đó với giá độc quyền, vì chủ xưởng không bị cạnh tranh; nhưng trong mỗi cuộc bãi công, họ lập tức trở thành người không nhà không cửa, vì bị chủ xưởng đuổi ngay ra đường, khiến họ rất khó phản kháng. Về những chi tiết khác, có thể tìm đọc trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" của tôi (tr.224 và 228)[240]. Tuy nhiên ông Dắc-xơ nghĩ rằng mọi điều này "vị tất đã đáng bị bác bỏ" (tr.111). Há chẳng phải là ông ta muốn cấp cho người lao động quyền sở hữu ngôi nhà nhỏ của họ hay sao? Chắc chắn là như thế, nhưng vì "những người chủ luôn luôn phải có sẵn nhà để dành cho người thế chân người công nhân khi người này bị đuổi"[241], thế thì ắt phải có "*một sự thỏa thuận miệng* quy định trước việc *bãi bỏ quyền sở hữu*"[1](tr.113).

Lần này thì chúng ta đi xuống với một tốc độ bất ngờ. Ban đầu, vấn đề là làm cho công nhân trở thành người sở hữu ngôi nhà nhỏ bé của mình; sau đó, người ta cho chúng ta biết rằng điều đó không thể thực hiện được ở các thành phố mà chỉ có thể thực hiện được ở nông thôn thôi; và bây giờ, người ta lại tuyên bố với chúng ta rằng ngay cả ở nông thôn nữa, quyền sở hữu đó cũng "có bị *bãi bỏ* do sự thỏa thuận miệng"! Với cái loại quyền sở hữu mới đó do ông Dắc-xơ phát hiện ra cho những người lao động sử dụng, với việc biến những người lao động thành những nhà tư bản "có thể bị *bãi bỏ* do sự thỏa thuận miệng", chúng ta lại bình yên vô sự trở về trần gian. Bây giờ, chúng ta phải tìm xem những nhà tư bản và những nhà bác ái khác đã *thật sự* làm được những gì để giải quyết những vấn đề nhà ở.

II

Cứ như lời tiến sĩ Dắc-xơ của chúng ta thì ngay từ bây giờ, các ngài tư bản cũng đã đóng góp một phần quan trọng vào việc giải quyết nạn khủng hoảng nhà ở, và đã có bằng chứng là vấn đề đó có thể giải quyết được trên cơ sở phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

---

[1] Cũng về mặt ấy, những nhà tư bản Anh đã từ lâu chẳng những đã thực hiện mà còn vượt rất xa những nguyện vọng của ông Dắc-xơ. Ngày thứ hai, 14 tháng Mười 1872, ở Moóc-pết, để lập bảng danh sách cử tri đi bầu cử Nghị viện, tòa án đã phải xét đơn xin ghi tên cử tri của 2000 thợ mỏ. Trong dịp đó, xuất hiện vấn đề là đại đa số những thợ mỏ đó, căn cứ theo điều lệ của mỏ trong đó họ làm việc *không được coi là những người thuê* những ngôi nhà nhỏ bé họ đang ở, mà chỉ được coi là những người *được ở không,* có thể bị đuổi ra ngoài đường bất kỳ lúc nào và không cần báo trước. (Chủ mỏ dĩ nhiên cũng là chủ nhà). Viên quan tòa quyết định rằng những người đó không phải là những người thuê nhà, mà là *những tôi tớ* và là tôi tớ thì tuyệt đối không có quyền được ghi tên vào danh sách cử tri ("Daily News", ngày 15 tháng Mười 1872).

Trước hết, ông Dắc-xơ dẫn ra cho chúng ta ví dụ là... nước Pháp dưới thời Bô-na-pác-tơ! Ai nấy đều biết rằng trong thời kỳ có hội chợ triển lãm quốc tế ở Pa-ri, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã cử ra một ban, bề ngoài nói là để làm một bản báo cáo về tình trạng của những giai cấp lao động ở Pháp, nhưng thực ra là để miêu tả tình trạng đó như là cảnh thiên đường thật sự, nhằm đem lại vinh dự lớn lao nhất cho đế chế. Và ông Dắc-xơ đã dẫn chứng bản báo cáo của cái ban gồm toàn những tên đầy tớ hủ bại nhất của chế độ Bô-na-pác-tơ *đó,* đặc biệt là vì những kết quả công tác của ban đó, "theo *chính lời tuyên bố* của ủy ban phụ trách, khá hoàn bị đối với nước Pháp"! Nhưng những kết quả đó thế nào? 31 trong số 89 nhà công nghiệp lớn hay công ty cổ phần đã cung cấp tài liệu, *đã không* xây dựng được một căn nhà nào cho công nhân cả; còn những ngôi nhà đã được xây dựng thì theo như chính sự nhận định của ông Dắc-xơ, chứa được nhiều lắm từ 50 000 đến 60 000 người và hầu như chỉ gồm có hai gian cho mỗi gia đình mà thôi.

Dĩ nhiên nhà tư bản nào bị gắn chặt vào một địa phương nhất định ở nông thôn, do những điều kiện của ngành công nghiệp của mình - sức nước, mỏ than, mỏ sắt và những mỏ khác,v.v. - thì đều phải xây dựng nhà ở cho công nhân nếu như chưa có. Nhưng muốn coi đó là một bằng chứng về "liên hợp vô hình", là "một bằng chứng hùng hồn chứng tỏ rằng vấn đề và ý nghĩa cao xa của nó đã được hiểu sâu hơn", là "một bước đầu đầy hứa hẹn" (tr.115) thì phải có cái thói quen thâm căn cố đế là tự lừa phỉnh mình. Vả lại, cả về mặt đó nữa, những nhà công nghiệp tại các nước khác nhau đều không giống nhau, tùy theo đặc tính dân tộc của từng người. Chẳng hạn ông Dắc-xơ kể cho chúng ta nghe (tr.117) như sau:

Ở Anh, chỉ trong thời gian rất gần đây, người ta mới thấy những người chủ tăng cường hoạt động theo hướng đó. Đặc biệt là ở các thôn xóm xa xôi, nông thôn... Những người lao động thường phải đi một quãng đường dài từ một địa phương gần nhất đến công xưởng, và khi đến nơi thì họ đã kiệt sức nên lao động kém, chính đó là *nguyên nhân thúc* những người chủ phải *xây dựng* nhà ở cho công nhân của họ. Đồng thời, con số những người do *hiểu biết sâu sắc hơn* về tình hình nên kết hợp được ít hay nhiều tất cả những yếu tố khác của sự liên hợp vô hình vào việc cải cách nhà ở, cũng tăng lên; và cũng nhờ có họ nên mới có những khu nhà thịnh vượng đó. Cũng vì thế mà ở Vương quốc liên hiệp, tên tuổi của A-stơn ở Hai-dơ, A-su-ước-tơ ở Tốc-tơn, Gran-tơ ở Bơ-ri, Grếch ở Bôn-linh-tơn, Mác-san ở Lít-xơ, Xtơ-rết ở Ben-pơ, Xôn-tơ ở Xôn-te-rơ, A-crôi-đơ ở Cô-pli, và nhiều người khác, đã được nhiều người biết đến".

Sự chất phác thần thánh và sự ngu dốt lại còn thần thánh hơn nữa! Ở Anh, chỉ trong "thời gian rất gần đây", những chủ công xưởng ở nông thôn mới xây dựng nhà công nhân mà thôi! Không phải như thế đâu, ông Dắc-xơ thân mến ạ, những nhà tư bản Anh là những nhà công nghiệp lớn thật sự, chẳng những lớn do túi tiền, mà cũng là lớn do đầu óc của họ nữa. Rất lâu trước khi nước Đức có được một nền công nghiệp lớn thật sự, họ đã hiểu rằng: trong trường hợp sản xuất công xưởng ở nông thôn thì tiền bỏ ra để cất nhà cho công nhân là một bộ phận cần thiết, trực tiếp và gián tiếp sinh lợi, của toàn bộ tư bản bỏ ra. Rất lâu trước khi cuộc đấu tranh giữa Bít-xmác và giai cấp tư sản mang lại cho những người lao động Đức quyền tự do liên hợp, thì ở Anh, những chủ công xưởng, chủ mỏ và chủ xưởng luyện sắt đã nghiệm thấy rằng trên thực tiễn, họ có thể dùng áp lực đối với những người lao động bãi công, nếu đồng thời họ lại là những người sở hữu những căn nhà mà công nhân của họ đang ở. "Những khu nhà thịnh vượng" của những người như hạng Grếch, A-stơn, A-su-ước-tơ không phải là mới xây dựng "trong thời gian rất gần đây", mà cách đây 40 năm, những khu nhà như vậy đã được giai cấp tư sản đánh trống khua chiêng nêu lên làm kiểu mẫu, cũng như cách đây 28 năm, chính bản thân tôi cũng đã chỉ ra một cách tỉ mỉ trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" (tr.228-230), chú thích[241]). Những khu nhà của Mác-san và A-crôi-đơ (Akroyd - tên của ông ta viết như thế) đã được sáng lập cũng gần vào thời kỳ đó và khu nhà của Stơ-rết lại còn có trước đó nhiều, khu này bắt đầu được sáng lập từ thế kỷ trước. Và vì ở Anh, người ta cho rằng một ngôi nhà công nhân có thể tồn tại trung bình trong 40 năm, nên ông Dắc-xơ có thể tính đốt ngón tay để tự mình thấy được rằng hiện nay những "khu nhà thịnh vượng đó" đã ở vào tình trạng suy sụp như thế nào. Hơn nữa, đại đa số những khu nhà đó không còn nằm ở nông thôn nữa; do sự phát triển lớn lao của công nghiệp, công xưởng và nhà ở đã bao quanh phần lớn những khu đó nên ngày nay những khu nhà đó lọt thỏm vào giữa những thành phố bẩn thỉu và đầy khói có từ 20 000 đến 30 000 dân và nhiều hơn nữa; điều này không hề ngăn cản khoa học tư sản Đức, do ông Dắc-xơ đại biểu, nhắc lại một cách hoàn toàn trung thực những lời tán dương cũ hồi năm 1840 ở Anh, những lời ngày nay không còn một chút ý nghĩa nào cả.

Còn ông già A-crôi-đơ[1*]. Con người dũng cảm ấy quả là một nhà từ thiện mười phân vẹn mười. Ông ta thương yêu công nhân của ông ta, và đặc biệt là thương yêu nữ công nhân của ông ta, đến nỗi mà những người cạnh tranh với ông ta ở vùng Y-oóc-sia, không giàu lòng từ thiện bằng, đã quen nói rằng ông ta chỉ hoàn toàn dùng chính con cái của ông ta để làm cho công xưởng của ông ta hoạt động! Thế mà ông Dắc-xơ vẫn quả quyết rằng trong những khu nhà thịnh vượng đó "những đứa con hoang ngày càng hiếm hơn" (tr.118). Đúng lắm, những đứa con hoang, *ngoài hôn nhân,* ngày càng hiếm, vì trong những khu công nghiệp Anh, các cô thanh nữ xinh đẹp đều lấy chồng rất sớm.

Ở Anh, từ 60 năm nay và hơn thế nữa, việc xây dựng cùng một lúc nhà ở cho công nhân bên cạnh mọi công xưởng lớn ở nông thôn, đã trở thành thông lệ. Như chúng ta đã nói, nhiều làng công nghiệp như thế đã trở thành trung tâm, xung quanh đó sau này mọc lên một thành phố công nghiệp, với tất cả mọi tai họa do nó đem lại. Thế là những khu nhà đó không giải quyết được vấn đề nhà ở, trái lại, chính những khu nhà đó *đã lần đầu tiên* gây ra vấn đề nhà ở trong địa phương của mình.

[1*] Trên tờ "Volksstaat" thay cho những chữ "ông già "A-crôi-đơ" là những chữ "ông già A. - Tôi không muốn nhắc tên vì ông ta đã chết và yên nghỉ từ lâu".

Trái lại, ở những nước đi sau nước Anh về mặt công nghiệp lớn và mãi đến năm 1848, mới có một ngành công nghiệp lớn, tức là ở Pháp và nhất là ở Đức thì tình hình lại khác hẳn. Ở đó, chỉ có những công xưởng và nhà máy luyện kim to lớn - như nhà máy Snai-đơ ở chính Crơ-dơ và nhà máy Crúp ở Ét-xen - sau khi ngần ngại chán đi rồi, mới quyết định xây dựng một vài ngôi nhà công nhân. Đại đa số các nhà công nghiệp ở nông thôn để cho những người lao động của họ phải đi hàng cây số dưới mưa rơi tuyết đổ hoặc dưới nắng thiêu như đốt để sáng đến nhà máy và chiều trở về nhà. Đó là điều xảy ra đặc biệt tại những vùng miền núi - tại những miền núi Vô-he-dơ ở Pháp và ở An-da-xơ, cũng như tại những lưu vực của những con sông Vúp-pơ, Di-gơ, Ác-gơ, Len-nơ và của những con sông con khác ở xứ Ve-xtơ-pha-li và ở xứ Ranh. Tại miền Núi quặng, ở An - da-xơ, tình trạng cũng chẳng hơn gì. Bất luận là người Đức hay người Pháp, đều keo cú như thế cả.

Ông Dắc-xơ thừa biết rằng bước đầu đầy hứa hẹn, hoàn toàn cũng như những khu nhà thịnh vượng đều không có ý nghĩa gì cả. Vì vậy, bây giờ ông ta lại tìm cách chứng minh cho các nhà tư bản thấy rằng trong việc xây dựng nhà ở cho công nhân, họ có thể rút ra những món lợi to lớn như thế nào. Nói một cách khác, ông ta tìm cách chỉ cho các nhà tư bản một phương pháp mới để lường gạt những người lao động.

Trước hết, ông ta nêu làm ví dụ cho họ thấy một loạt những công ty xây dựng, nửa từ thiện, nửa đầu cơ, đã thu được, ở Luân Đôn, một số tiền lãi thực tế từ 4% đến 6% và hơn nữa. Thật ra thì ông Dắc-xơ cũng chả cần gì phải chứng minh cho chúng ta thấy rằng tư bản, đem đầu tư vào việc xây dựng nhà công nhân, thì mang lại những lợi nhuận tốt đẹp. Sở dĩ các nhà tư bản không đầu tư nhiều hơn nữa vào việc xây dựng nhà công nhân, ấy là vì những nhà ở đắt tiền hơn vẫn đem lại nhiều hơn cho người sở hữu nhà ở. Thế là lời ông Dắc-xơ khuyến khích các nhà tư bản chung quy lại chỉ là một lời giảng luân lý mà thôi.

Còn những công ty xây dựng ở Luân Đôn, mà những thành tích rực rỡ đã được ông Dắc-xơ tán tụng rất nhiều, và căn cứ vào bản tính toàn của chính bản thân ông ta - trong đó, ông ta nêu ra tất cả những sự đầu cơ có thể có - thì tổng cộng lại những công ty đó chỉ xây dựng nhà ở cho cả thảy là 2132 gia đình và 706 người chưa lập gia đình, vị chi là cho chưa đầy 15 000 người mà thôi. Ấy thế mà ở Đức, người ta lại cả gan trình bày một cách trịnh trọng những trò trẻ con đó như thế những thành tích lớn, trong khi mà chỉ riêng ở khu Đông Luân Đôn, cũng đã có một triệu người lao động sống trong những túp lều tồi tàn nhất ư? Thực ra tất cả những sự cố gắng đầy lòng từ thiện đó đều là những con số không bi thảm đến nỗi chẳng bao giờ được ghi vào ngay cả những báo cáo của nghị viện Anh nói về tình trạng công nhân.

Ở đây, chúng ta sẽ không nói đến sự ngu dốt lố bịch của ông Dắc-xơ về Luân Đôn trong suốt cả đoạn văn ấy. Chúng ta chỉ ghi lại một điểm này: ông Dắc-xơ nghĩ rằng ở Xô-hô, những ngôi nhà dành cho những người chưa lập gia đình đã bị bỏ trống, vì ở khu ấy "không hy vọng có nhiều khách hàng". Ông Dắc-xơ hình dung toàn bộ khu Tây Luân Đôn là một thành phố hoa lệ mà không biết rằng, ngay đằng sau những phố sang trọng nhất, lại có những khu công nhân lầm than nhất trong số đó có Xô-hô. Ngôi nhà kiểu mẫu ở Xô-hô mà ông ta nói đến và tôi đã được biết cách đây đã 23 năm, thoạt tiên có rất nhiều người thuê, nhưng sau đó bị bỏ trống vì không một ai có thể trú ngụ ở đó được.

Ấy thế mà ngôi nhà ấy hãy còn là một trong những ngôi nhà tốt nhất kia đấy.

Nhưng còn khu công nhân Muyn-hau-den ở An-da-xơ chẳng phải là một thành tựu hay sao?

Khu công nhân Muyn-hau-den ấy là cái để cho giai cấp tư sản trên lục địa đem ra phô trương chẳng khác nào những khu nhà thịnh vượng trước đây của A-stơn, A-su-ước-tơ, Grếch và đồng bọn là những cái mà người tư sản Anh đã từng phô trương. Khốn nỗi khu công nhân đó lại không phải là con đẻ của liên hợp "vô hình" mà là con đẻ của liên hợp công khai giữa Đế chế Pháp đệ nhị và các nhà tư bản An-da-xơ. Nó là một trong những thí nghiệm xã hội chủ nghĩa cúa Lu-i Bô-na-pác-tơ; và nhà nước đã ứng ra 1/3 tư bản. Trong 14 năm (cho đến năm 1867), người ta đã xây dựng 800 ngôi nhà nhỏ theo một phương thức tồi tàn, mà nước Anh không thể chấp nhận được vì ở đấy người ta hiểu rõ việc đó hơn; sau khi đã trả tiền thuê nhà hàng tháng rất đắt trong 13 đến 15 năm, những người lao động trở thành những người sở hữu những ngôi nhà đó. Như chúng ta sẽ thấy sau đây, cái phương thức sở hữu đó đã được vận dụng từ lâu trong các hợp tác xã xây dựng ở Anh, không cần phải đợi có phải Bô-na-pác-tơ ở An-da-xơ, mới được phát minh ra. Số tiền phụ vào tiền thuê nhà để được hưởng quyền sở hữu nhà ở thì khá nặng, so với ở nước Anh; chẳng hạn, sau khi đã trả 4500 phrăng trong 15 năm, người lao động được quyền sở hữu một ngôi nhà trước đó 15 năm chỉ trị giá có 3.300 phrăng. Nếu người công nhân muốn dời đi nơi khác hoặc chậm trả tiền thuê nhà, dù chỉ là một tháng (trong trường hợp đó, anh ta có thể bị đuổi khỏi nhà), người ta sẽ tính tiền thuê nhà mỗi năm là bằng 62/3% giá trị của ngôi nhà lúc mới xây (tức là hàng tháng trả 17 phrăng nếu ở một ngôi nhà trị giá 3 000 phrăng) và người ta sẽ trả lại cho anh ta số tiền anh ta đã trả trội ra, nhưng *không có một xu lãi nào cả.* Rất dễ hiểu rằng công ty, không nói đến "trợ cấp của nhà nước", có thể nhờ phương pháp đó mà phát tài; đồng thời cũng rất dễ hiểu rằng nhà ở được cung cấp trong những điều kiện đó và do nằm ở ngoài thành phố, mà có tính chất nửa nông thôn, nên đều tốt hơn những ngôi nhà có nhiều căn hộ cũ kỹ ở ngay trong thành phố rất nhiều.

Chúng ta sẽ không nói đến những thí nghiệm đáng ghét được thực hiện ở Đức mà ngay ông Dắc-xơ (tr.157) cũng thừa nhận là nghèo nàn.

Vậy những thí dụ đó chứng minh cho ta điều gì? Chỉ chứng minh rằng việc xây dựng nhà ở cho công nhân sinh lợi cho các nhà tư bản, ngay cả khi mà những quy luật vệ sinh không bị chà đạp. Chưa hề có một ai phủ nhận điều đó; tất cả chúng ta đều đã biết điều đó từ lâu rồi. *Mọi* cuộc đầu tư đáp ứng một nhu cầu đều sinh lợi nếu được kinh doanh hợp lý. Vấn đề chính là xét xem vì sao mà *mặc dầu như thế,* những nhà tư bản vẫn không quan tâm làm cho công nhân có đầy đủ nhà ở hợp vệ sinh? Và một lần nữa, ông Dắc-xơ lại chỉ khuyến khích các nhà tư bản và không giải đáp cho chúng ta rõ. Chính là chúng ta, ở trên kia, đã giải đáp một cách đúng đắn.

Tư bản không *muốn* xóa bỏ nạn khan hiếm nhà ở, ngay cả khi nó có thể làm được; hiện nay điều đó đã được hoàn toàn chứng minh. Vậy chỉ còn có hai lối thoát khác là: sự giúp đỡ lẫn nhau giữa những người lao động và sự giúp đỡ của nhà nước.

Ông Dắc-xơ, con người nhiệt tình tán thành sự giúp đỡ lẫn nhau, biết thuật lại cho chúng ta thấy những điều kỳ diệu về sự tương trợ, cả về phương diện vấn đề nhà ở nữa. Khốn nỗi ngay từ đầu, ông ta đã phải thừa nhận rằng sự giúp đỡ lẫn nhau chỉ có thể có hiệu quả ở nơi nào có chế độ nhà nhỏ hay ít ra cũng có thể áp dụng chế độ đó, vậy là, lại chỉ ở nông thôn mà thôi; trong những thành phố lớn, ngay cả ở Anh, sự giúp đỡ lẫn nhau chỉ có hiệu quả trong một phạm vi rất hạn chế. Thế rồi, ông Dắc-xơ than thở, "sự cải cách bằng phương pháp đó (bằng sự giúp đỡ lẫn nhau) chỉ có thể thực hiện được bằng một *con đường vòng* và do đó *luôn luôn* chỉ được thực hiện một cách không đầy đủ, tức là chỉ có thể thực hiện trong chừng mực mà nguyên tắc quyền sở hữu cá nhân có đầy đủ sức mạnh để tác động đến chất lượng nhà ở".

Điều đó cũng còn thành vấn đề; vô luận thế nào "nguyên tắc quyền sở hữu cá nhân" không hề có tác dụng cải tiến đối với "chất lượng" văn phong của tác giả của chúng ta. Mặc dầu như thế, ở Anh sự giúp đỡ lẫn nhau đã thực hiện được những điều kỳ diệu, đến nỗi tất cả những điều đã được làm theo những phương hướng khác để giải quyết vấn đề nhà ở đều *bị vượt rất xa.* Đó là nói đến những building societies[1*], và sở dĩ ông Dắc-xơ nghiên cứu những công ty đó một cách rộng hơn chính là vì

"có những ý kiến sai lầm hoặc rất thiếu sót đang được lưu hành về thực chất và hoạt động của các công ty đó. Những buitding societies Anh tuyệt nhiên không phải là... những công ty hay hợp tác xã xây dựng: nói cho đúng hơn thì đó là cái mà người ta có thể gọi "những hiệp hội để sở hữu nhà ở"; mục đích của những hiệp hội đó là dựa vào tiền đóng góp của hội viên mà thu góp một số vốn nhằm tùy theo mức độ tích lũy vốn mà cho hội viên vay để mua một ngôi nhà. Như thế, đối với một số hội viên thì building societies là một quỹ tiết kiệm và đối với số hội viên khác thì nó là một cái quỹ cho vay. Do đó, những công ty ấy là những cơ quan tín dụng cầm cố, đã được làm cho thích hợp với nhu cầu của công nhân và chủ yếu là dùng... tiền tiết kiệm của những người lao động... để giúp đỡ anh em giai cấp của những người đã gửi tiền, trong việc mua hoặc xây dựng một ngôi nhà. Như người ta có thể đoán trước, tiền cho vay đó được người ta thỏa thuận cấp căn cứ vào sự cầm cố một giá trị thực tế tương đương và quy định sao cho món nợ đó được trả dần dần theo từng thời kỳ gần nhau, kể cả tiền lãi lần tiền trả nợ dần... Tiền lãi sẽ không trả cho những người gửi tiền, mà ghi thêm vào tài khoản của họ để *rồi lại đẻ ra tiền lãi kép*... Bất kỳ lúc nào, sau khi đã báo trước một tháng... là có thể rút lại tiền đã gửi, cộng cả tiền lãi" (tr.170 - 172). "Ở nước Anh, có hơn 2 000 hiệp hội thuộc loại đó... Tư bản tích lũy ở đó lên đến độ 15 000 000 pao xtéc-linh và nhờ phương pháp đó. 100 000 gia đình *công nhân* đã trở thành người sở hữu một chỗ ở; đó là một thành tựu xã hội mà chắc chắn là người ta khó tìm được một thành tựu nào sánh kịp" (tr.174).

[1*] - công ty xây dựng.

Tiếc rằng ở đây cũng lại có một chữ "nhưng" đang tập tễnh đi đến:

> "Nhưng điều này *chưa hề đem lại* cho chúng ta một giải pháp hoàn bị nào về vấn đề đó, ít ra cũng là vì chỉ những người lao động có *hoàn cảnh khá giả hơn*... mới có thể chiếm hữu được một ngôi nhà... Và cũng cần phải chú ý rằng những điều kiện vệ sinh thường thường không được tôn trọng đầy đủ" (tr.176).

Trên lục địa, "cái loại hiệp hội đó... chỉ có được một địa bàn phát triển rất hạn chế". Muốn có những hiệp hội đó thì phải có chế độ nhà nhỏ trước đã, ở đây chế độ này chỉ tồn tại ở nông thôn; nhưng ở nông thôn, những người lao động lại chưa đạt đến trình độ có thể giúp đỡ lẫn nhau được. Mặt khác, trong những thành phố là nơi những hợp tác xã xây dựng thật sự có thể thành lập được thì những hợp tác xã đó lại vấp phải "đủ mọi loại khó khăn nghiêm trọng và lớn lao" (tr.179). Thực vậy, các hợp tác xã đó chỉ có thể xây dựng được những nhà nhỏ, nhưng điều này thì lại không thể thực hiện được trong các thành phố lớn. Tóm lại, "cái hình thức hợp tác tương trợ đó" không thể" trong những điều kiện hiện nay", - "và cả trong tương lai gần đây nữa, nó cũng khó có thể - có tác dụng chủ yếu trong việc giải quyết vấn đề trước mắt chúng ta". Thực vậy, những hợp tác xã xây dựng đó hãy còn ở vào "giai đoạn đầu, phôi thai". "Điều nhận xét đó cũng đúng đối với cả nước Anh nữa" (tr.181).

Thế là: những nhà tư bản thì không *muốn,* còn những người lao động thì không *thể*. Như vậy chúng ta có thể kết thúc chương này ở đây, nếu như không cần phải làm sáng tỏ đôi chút về những building societiens Anh mà bọn tư sản thuộc loại Sun-txơ Đê-lít-xơ vẫn luôn luôn đưa ra làm kiểu mẫu cho công nhân của chúng ta.

Những building societies đó không phải là những đoàn thể công nhân mà mục đích chính của các công ty đó không có gì hơn là làm cho những người lao động có những ngôi nhà thuộc riêng về họ. Chúng ta sẽ thấy trái lại rằng đó là một ngoại lệ. Về thực chất, các building societies là những tổ chức đầu cơ, những công ty nhỏ lúc đầu cũng đầu cơ không kém gì những công ty lớn mô phỏng theo chúng. Trong một quán rượu - thông thường là do người chủ quán gợi lên, sau này những cuộc họp hàng tuần sẽ họp tại đây - một nhóm những khách hàng quen và bạn bè của họ, những chủ hiệu tạp hóa, những nhân viên nhà buôn, những người đi chào hàng cho các hiệu buôn, những người làm nghề thủ công và những người tiểu tư sản khác - đôi khi cũng có một công nhân ngành chế tạo máy móc hoặc bất kỳ một người lao động nào đó thuộc tầng lớp quý tộc của giai cấp của người đó, - họp thành một hợp tác xã xây dựng, thông thường thì nguyên nhân ngẫu nhiên là ở chỗ người chủ quán được biết là có một miếng đất bán, tương đối rẻ, ở vùng lân cận hay bất cứ ở một nơi nào đó. Đại đa số hội viên không bị công việc làm ăn của mình ràng buộc vào một địa phương nhất định; nhiều chủ hiệu tạp hóa và người làm nghề thủ công chỉ có một cửa hàng mà không có chỗ ở trong thành phố; ai có khả năng thì đều thích ở ngoại ô hơn là ở trong thành phố ám khói. Mua được đất rồi, người ta bèn xây dựng những nhà nhỏ ở đó, càng nhiều càng tốt. Tiền mua đất là tiền của những người có nhiều tiền hơn cho vay; những số tiền đóng góp hàng tuần và vay mượn thêm chút ít, là dùng để trang trải những khoản chi phí hàng tuần về xây dựng. Nhà ở xây dựng xong đến đâu, thì những hội viên muốn có được một ngôi nhà sẽ rút thăm đến đấy, để nhận một ngôi nhà nhỏ, và số tiền mà những người được nhận ngôi nhà trả thêm vào tiền thuê nhà sẽ là tiền trả góp giá mua. Những ngôi nhà nhỏ còn lại sẽ đem cho thuê hoặc đem bán. Còn bản thân công ty xây dựng, nếu làm ăn khá giả, sẽ thu được một món tiền lớn hay nhỏ, món tiền này vẫn thuộc quyền sử dụng của những hội viên chừng nào mà những hội viên đó còn đóng góp; số tiền đó thỉnh thoảng lại được phân phối cho hội viên hoặc sẽ phân phối cho hội viên khi hội đó giải tán. Tình hình hoạt động của 9 phần 10 những công ty xây dựng ở Anh là như thế. Những công ty khác là những công ty lớn hơn, được dựng lên dưới chiêu bài chính trị hay từ thiện, nhưng chung quy lại thì mục đích chủ yếu bao giờ cũng là tạo ra cho những món tiền tiết kiệm của *giai cấp tiểu tư sản*, có chỗ để đầu tư cầm cố một cách có lợi hơn, có nhiều lãi và có triển vọng được chia lãi, nhờ đầu cơ tài sản ruộng đất.

Tờ quảng cáo của một trong những công ty lớn nhất, nếu không phải là công ty lớn nhất, chỉ cho chúng ta thấy rõ các loại khách hàng mà những công ty đó nhằm vào. "Birkbeck Building Society, 29 and 30, Southampton Buildings, Chancery Lane[1*] ở Luân Đôn, từ khi thành lập đến nay, thu nhập hơn 10 triệu rưởi p.xt. (70 triệu ta-le), đã bỏ vào các ngân hàng và các chứng khoán quốc gia 416 000 p.xt. và hiện nay có 21441 hội viên và người gửi tiền, công ty đó ra mắt công chúng bằng cách sau đây:

"Phần đông đều đã quen với cái gọi là chế độ ba năm của những người chủ xưởng chế tạo đàn dương cầm, theo chế độ đó thì tất cả những người thuê đàn dương cầm trong 3 năm, sẽ trở thành chủ nhân chiếc đàn dương cầm đó, khi hết hạn 3 năm ấy. Trước khi có chế độ ấy, những người chỉ có thu nhập hạn chế mà mua một đàn dương cầm tốt, cũng gần khó như tậu một ngôi nhà; mỗi năm người ta trả tiền thuê một chiếc đàn dương cầm, thế là người ta đã phải trả gấp hai hay ba lần giá chiếc đàn. Nhưng điều có thể áp dụng đối vơi một chiếc đàn dương cầm thì cũng có thể áp dụng được đối với một ngôi nhà... Tuy nhiên, vì giá một ngôi nhà đắt hơn... cho nên phải có một thời gian dài hơn đề trả dần tiền mua nhà bằng tiền thuê nhà. Vì thế cho nên, trong những khu phố khác nhau ở Luân Đôn và ở ngoại ô Luân Đôn, các vị giám đốc đã ký những hợp đồng với các người sở hữu nhà ở và do đó đã có thể để cho những hội viên của Công ty xây dựng Biếc-bếch và cả những người khác, được tha hồ lựa chọn nhà ở trong các khu phố khác nhau. Các vị giám đốc có ý định thực hiện một chế độ như sau: nhà ở sẽ cho thuê trong $12^{1}/_{2}$ năm và sau thời gian đó, nếu tiền thuê nhà được trả đều đặn thì nhà ở đó sẽ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của người thuê nhà, không phải trả thêm bất kỳ một khoản nào khác nữa cả... Đồng thời người thuê nhà cũng có thể ký hợp đồng rút ngắn kỳ hạn hơn với tiền thuê nhà cao hơn hay là kéo dài kỳ hạn hơn với tiền thuê nhà thấp hơn... *Những người mà tiền thu nhập có hạn, những nhân viên hiệu buôn hay những người bán hàng ở các cửa hiệu và những người khác* một khi trở thành những hội viên của Birkbeck Building Society thì lập tức có thể không còn bị phụ thuộc vào bất kỳ một người sở hữu nhà ở nào nữa".

[1*] "Công ty xây dựng Biếc-bếch, ở tòa nhà Xao-hêm-ptơn, số 29 - 30, đường Chen-xe-ri".

Thật đã rõ ràng. Tuyệt nhiên đó không phải là nói đến những công nhân, mà là nói đến những người mà tiền thu nhập có hạn, tức là những người bán hàng ở các cửa hiệu và những nhân viên hiệu buôn. v.v.; và hơn nữa người ta giả định rằng nói chung những người sẽ sở hữu nhà là những người đã *có một chiếc đàn dương cầm rồi*. Sự thật thì ở đây tuyệt nhiên không nói đến những công nhân, mà nói đến những người tiểu tư sản và những người muốn *và có thể* trở thành người tiểu tư sản, những người mà tiền thu nhập, dù có hạn nhưng nói chung vẫn tăng thêm dần dần, như tiền thu nhập của nhân viên hiệu buôn và trong các ngành tương tự; trái lại, tiền thu nhập của công nhân thì may mắn lắm mới không thay đổi; trên thực tế thì gia đình anh ta càng đông lên và nhu cầu của anh ta càng tăng lên bao nhiêu thì tiền thu nhập của anh ta càng thấp xuống bấy nhiêu. Thực ra, chỉ có một số hãn hữu công nhân là có thể tham gia những công ty như thế. Tiền thu nhập của họ một mặt thì quá thấp, và mặt khác thì bấp bênh quá đỗi, khiến cho họ không thể đảm đương nổi những điều giao ước trong 12½ năm. Có một vài trường hợp ngoại lệ, đó là trường hợp những công nhân được trả công hậu hơn mức chung hoặc trường hợp những đốc công1).

Ngoài ra, mọi người đều nhận thấy rằng những người theo phái Bô-na-pác-tơ ở Muyn-hau-den, thành phố công nhân, chỉ là những người bắt chước một cách thảm hại các công ty xây dựng đó của những người tiểu tư sản Anh. Chỉ khác ở chỗ là những người bắt chước đó, mặc dầu được nhà nước giúp đỡ, vẫn lường gạt khách hàng của họ được rất nhiều hơn các công ty đó. Nói chung thì những điều kiện của họ không rộng rãi bằng những điều kiện

---

1) Đây là một vài điểm nói rõ thêm về hoạt động đặc biệt của các công ty xây dựng ở Anh. Người ta biết rằng hầu hết đất đai ở Luân Đôn đều thuộc về độ một tá những nhà quý tộc, trong đó các công tước Oét-min-xtơ, Bét-phớt. Póoc-len, v.v.. đứng hàng đầu. Thoạt tiên họ cho thuê đất trong 99 năm và hết thời hạn đó, những đất đai đó với tất cả những cái gì ở trên miếng đất đó đều thuộc về họ. Bây giờ họ cho thuê nhà trong một thời hạn ngắn hơn, 39 năm chẳng hạn, với cái mà người ta gọi là điều khoản sửa chữa (repairing lease): theo điều khoản đó thì người thuê nhà phải sửa chữa và giữ gìn nhà ở cho tốt. Ngay sau khi ký hợp đồng, người chủ đất có kiến trúc sư của họ và nhân viên cảnh sát kiến trúc trong khu vực đó (surveyor) đến để kiểm tra nhà ở và quy định những sự sửa chữa cần thiết. Thường thường những sự sửa chữa đó rất lớn, thậm chí phải sửa chữa cả mặt tiền, lợp lại mái nhà, v.v.. Lúc đó, người thuê nhà đem hợp đồng thuê nhà của mình đặt làm bảo chứng tại một công ty xây dựng và nhận vay của công ty đó số tiền cần thiết - với giá tiền thuê nhà hàng năm từ 130 đến 150 p.xt. thì có thể vay đến 1 000 p.xt. và hơn thế nữa để tiến hành việc sửa chữa do *anh ta* chịu tiền phí tổn. Thế là các công ty xây dựng đó trở thành một người trung gian quan trọng trong một chế độ mà mục đích là thường xuyên sửa chữa và giữ gìn tốt những ngôi nhà ở Luân Đôn, của các địa chủ quý tộc, mà chẳng làm phiền phức cho bọn địa chủ quý tộc ấy và tiền phí tổn lại do công chúng chịu.

Ấy thế mà gọi là giải quyết vấn đề nhà ở cho những người lao động đấy! (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1887).*

được thi hành phổ biến ở Anh; ở Anh, người ta tính lãi đơn và lãi kép của từng lần đóng tiền một, và người ta trả lại những khoản đó sau khi báo trước một tháng, còn những người chủ công xưởng ở Muyn-hau-den thì bỏ túi mọi khoản tiền lời và chi trả lại số tiền đã nộp bằng những đồng tiền đúc. Và trước sự khác nhau đó thì ông Dắc-xơ là người đã đưa mọi điều ấy vào trong cuốn sách của ông ta mà không biết, lại ngạc nhiên hơn ai hết.

Thế là sự giúp đỡ lẫn nhau của công nhân cũng chẳng đem lại kết quả nào. Còn lại sự giúp đỡ của nhà nước. Về mặt này ông Dắc-xơ đề ra với chúng ta những điều gì? Ông ta đề nghị với chúng ta ba việc:

> "Thứ nhất: trong việc lập pháp và hành chính của mình, nhà nước phải dự kiến trước việc thủ tiêu hoặc cải thiện, bằng cách này hay bằng cách khác, mọi cái gì gây ra nạn khủng hoảng nhà ở ngày càng thêm nghiêm trọng cho những giai cấp lao động" (tr.187).

Vậy là: xét lại luật lệ về xây dựng và bảo đảm tự do cho các ngành xây dựng nhà ở, nhằm xây dựng được rẻ hơn. Nhưng ở Anh, luật lệ đó đã bị hạn chế đến mức tối thiểu, các ngành xây dựng nhà ở được hoàn toàn tự do, thế mà nạn khủng hoảng nhà ở vẫn tồn tại. Hơn nữa, ở đó bây giờ người ta xây dựng với giá rẻ đến mức mà một chiếc xe bò đi qua cũng làm rung chuyển nhà ở và hàng ngày vẫn còn những ngôi nhà đổ. Chỉ mới hôm qua đây, 25 tháng Mười 1872, sáu ngôi nhà ở Man-se-xtơ đột nhiên sụp đổ, làm sáu người công nhân bị thương nặng. Vậy, đó cũng không phải là một giải pháp.

> "Thứ hai: quyền lực nhà nước phải ngăn chặn không cho một công dân, vì chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi của mình, mà gieo rắc bệnh tật hoặc lại gây ra bệnh tật".

Vậy là: kiểm tra tình hình vệ sinh và an toàn của nhà cửa công nhân, quyết định cho phép các nhà đương cục có quyền đóng cửa những ngôi nhà thiếu vệ sinh và hư hỏng, như đã tiến hành ở Anh từ năm 1857. Nhưng điều đó đã được tiến hành như thế nào? Đạo luật thứ nhất năm 1855 (Nuisances Removal Act[1*]) vẫn là "một đạo luật trên giấy" như ông Dắc-xơ đã thừa nhận; đạo luật thứ hai năm 1858 (Local Government Act[2*]) cũng thế (tr.197). Trái lại Ô. Dắc-xơ nghĩ rằng đạo luật thứ ba (Artisans Dwellings Act[3*]), là đạo luật chỉ áp dụng cho những thành phố có trên 10 000 dân, "chắc chắn đem lại cho chúng ta một bằng chứng hùng hồn về những sự hiểu biết sâu sắc của Nghị viện Anh về mặt xã hội" (tr.199); nhưng lời khẳng định ấy lại chỉ đem lại cho chúng ta "một bằng chứng hùng hồn" rằng ông Dắc-xơ hoàn toàn không hiểu biết gì về những "công việc" ở Anh. Đối với lục địa thì Anh là nước rất tiến bộ "về mặt xã hội", đó là điều hiển nhiên: nước Anh là Tổ quốc của công nghiệp lớn hiện đại; ở đấy, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển hết sức tự do và hết sức rộng rãi; ở đấy, những hậu quả của phương thức sản xuất đó xuất hiện một cách hết sức trắng trợn, và lần đầu tiên những hậu quả ấy gây ra một sự phản ứng trong việc lập pháp. Luật công xưởng là một ví dụ tốt nhất đối với chúng ta. Nhưng nếu ông Dắc-xơ tưởng rằng chỉ cần một nghị quyết của Nghị viện có được hiệu lực của một đạo luật là có thể được thực hiện ngay lập tức, như thế thì ông ấy lầm to. Về phương diện này, bất kỳ một nghị quyết nào khác của Nghị viện (dĩ nhiên là trừ Workshops, Act[4*]) cũng chẳng hơn gì đạo luật về hành chính địa phương. Việc thi hành đạo luật đó được giao cho các nhà đương cục ở thành thị; mà ở hầu khắp nước Anh, những nhà đương cục này là trung tâm nổi tiếng của sự hối lộ dưới đủ mọi hình thức, của thói lợi dụng người thân làm trong công sở và của thói jobbry[1)]. Những nhân viên của các cơ quan hành chính thành thị đó, do đủ mọi thứ quan hệ gia đình mà có được địa vị trong những cơ quan ấy, thì hoặc là không có khả năng thi hành những đạo luật xã hội như thế, hoặc không muốn thi hành. Nhưng chính là ở Anh, những công chức của nhà nước, có nhiệm vụ chuẩn bị và thi hành luật lệ xã hội, thường lại khác người ở chỗ là họ thi hành đúng đắn nhiệm vụ của họ - dù rằng ngày nay, điều đó không đúng bằng cách đây 20 hay 30 năm. Ở hầu khắp mọi nơi, một số lớn những người trong hội đồng thành phố là đại biểu trực tiếp hay gián tiếp cho những người sở hữu các ngôi nhà thiếu vệ sinh và đổ nát. Việc bầu cử các hội đồng thành phố theo những khu nhỏ, làm cho những người trúng cử bị lệ thuộc vào những lợi ích địa phương và những ảnh hưởng nhỏ nhen nhất; không có một ủy viên hội đồng thành phố nào muốn được trúng cử lần nữa mà lại dám bỏ phiếu tán thành việc thi hành đạo luật đó trong khu của mình. Do đó có thể hiểu được sự phản đối của những nhà đương cục địa phương đối với đạo luật đó ở hầu hết mọi nơi và từ trước đến nay đạo luật đó chỉ được thi hành trong những trường hợp xấu nhất - thường là khi một bệnh dịch đã

[1*] - Đạo luật thủ tiêu những hành động có hại (cho vệ sinh chung)

[2*] - Đạo luật về hành chính địa phương

[3*] - Đạo luật về nhà cửa của những người làm nghề thủ công

[4*] - Đạo luật về công xưởng thủ công

---

1) *Jobbery* nghĩa là lợi dụng một chức vụ công để làm lợi riêng cho bản thân hay gia đình mình. Chẳng hạn khi viên giám đốc bưu điện của một nước trở thành hội viên bí mật của một xưởng làm giấy, ông ta cấp gỗ rừng của ông ta cho xưởng đó và sau đó đặt xưởng đó cung cấp giấy cho các cơ quan của ông ta, thì đó là một job[1*] tuy khá nhỏ, nhưng dù sao cũng thật là đẹp, trong chừng mực nó cho phép người ta hiểu được đầy đủ những nguyên tắc của jobbery: vả lại, ở thời đại Bít-xmác thì điều đó là dĩ nhiên và không nói cũng rõ. [Trên báo "Volksstaat" không có đoạn từ những chữ "vả lại, ở..." trở đi.]

1*- công việc làm ăn.

phát sinh, như năm vừa qua ở Man-se-xtơ và Xôn-phoóc, nơi mà bệnh đậu mùa hoành hành. Cho đến nay, việc thỉnh cầu bộ nội vụ chỉ có hiệu quả trong những trường hợp tương tự thôi. Vì nguyên tắc của mọi chính phủ *thuộc phái tự do* ở Anh là chỉ đề nghị những cuộc cải lương xã hội trong trường hợp cấp thiết và nếu có thể, là không thi hành những đạo luật đã có. Đạo luật nói đó, cũng như bao nhiêu đạo luật khác ở Anh, chỉ có một ý nghĩa là: khi nó nằm trong tay một chính phủ do những người lao động chi phối hoặc thúc đẩy, nên phải thật sự thi hành, thì đạo luật đó sẽ trở thành một vũ khí lợi hại để mở một đột phá khẩu trong chế độ xã hội hiện nay.

"Thứ ba là" chính quyền nhà nước, theo ý kiến ông Dắc-xơ "phải tiến hành một cách hết sức rộng rãi tất cả những biện pháp tích cực của mình để xóa bỏ nạn khủng hoảng nhà ở hiện hành".

Điều đó có nghĩa là nhà nước phải xây dựng các nhà ở nhiều căn hộ, "nhà ở kiểu mẫu thật sự", cho "những viên chức và những người phụ tá cấp dưới" của mình, (nhưng không phải là công nhân đâu!) và "cho các cơ quan thị chính, các đoàn thể và các cá nhân vay tiền để cải thiện nhà ở cho công nhân" (tr.203), giống như điều đã thực hiện ở Anh căn cứ vào đạo luật về việc cho vay để làm những việc công ích (Poblic Works Loan Act) và giống như điều mà Lu-i Bô-na-pác-tơ đã thực hiện ở Pa-ri và Muyn-hau-den. Nhưng đạo luật về việc cho vay để làm những việc công ích chỉ có trên giấy tờ mà thôi; chính phủ bỏ ra nhiều nhất là 50 000 p.xt. cho các ủy viên sử dụng, tức là chỉ đủ để xây dựng nhiều nhất là 400 nhà nhỏ; như vậy là trong 40 năm, nhiều nhất cũng chỉ xây dựng được 16 000 nhà nhỏ hay chỗ ở cho 80 000 người: một giọt nước trong một cái thùng! Cứ cho rằng sau 20 năm đầu, tiền vốn của các ủy hội sẽ tăng lên gấp đôi nhờ những món tiền trả lãi, và do đó trong 20 năm sau người ta sẽ xây dựng nhà ở cho 40 000 người khác đi nữa, thì luôn luôn cũng vẫn là một giọt nước trong một cái thùng mà thôi. Vì những nhà nhỏ chỉ có thể dùng được trung bình là 40 năm, nên sau thời gian đó thì cứ mỗi năm lại phải dùng một số tiền mặt 50 000 hay 100 000 p.xt. để thay những nhà nhỏ lâu đời nhất bị đổ nát. Đó là điều mà ông Dắc-xơ gọi là (tr.203) áp dụng nguyên tắc một cách đúng đắn và thực tiễn và "cũng không hạn chế". Và ông Dắc-xơ kết thúc cuốn sách của ông ta bằng lời thú nhận rằng ngay cả ở nước Anh, nhà nước cũng không hề thực hiện được một điều gì "một cách không hạn chế", nhưng đồng thời lại phóng thêm ra một bài thuyết giáo đạo đức cho tất cả những người hữu quan1).

Nhà nước hiện nay không thể và cũng không muốn khắc phục nạn khan hiếm nhà ở, điều đó thật rõ như ban ngày. Nhà nước không phải là cái gì khác hơn là quyền lực tổng hợp có tổ chức của những giai cấp hữu sản, những địa chủ và những nhà tư bản, đối lập với những giai cấp bị bóc lột, những nông dân và công nhân. Điều gì mà cá nhân những nhà tư bản (ở đây chỉ nói đến những nhà tư bản, vì trong vấn đề này thì chủ đất hữu quan xuất hiện trước hết với tư cách là nhà tư bản) không muốn, thì nhà nước của họ cũng không muốn. Vì vậy, nếu quả có những *cá nhân* nhà tư bản than vãn về nạn khủng hoảng nhà ở nhưng cũng không nhúc nhích bao nhiêu để giảm bớt cái gọi là những hậu quả khủng khiếp của nạn khủng hoảng đó, thì những nhà tư bản

---

1) Mới đây, trong những đạo luật giao cho các nhà đương cục ở Luân Đôn phụ trách công việc xây dựng, quyền lấy đất nhằm mở thêm đường phố mới, Nghị viện Anh có quan tâm đôi chút đến những công nhân do đó mà bị đuổi ra khỏi nhà. Nghị viện đưa ra một điều khoản quy định rằng những ngôi nhà mới sẽ xây dựng phải thích hợp để thu nhận những giai cấp trong dân cư trước đã ở trong những ngôi nhà bị phá. Do đó người ta xây dựng cho công nhân những ngôi nhà lớn từ 5 đến 6 tầng, trên những miếng đất rẻ tiền nhất, và như thế là người ta đã tuân theo từng chữ của đạo luật. Vấn đề còn lại là xét xem cái lối bố trí nhà ở đó, cái lối bố trí rất lạ lùng đối với những người lao động và hoàn toàn dị thường đối với lối sống cổ truyền của những người dân Luân Đôn sẽ mang lại kết quả ra sao? Trong trường hợp tốt nhất, thì tối đa, cũng chỉ thu nhận được một phần tư những công nhân bị đuổi vì những kế hoạch mới. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1887).*

gộp chung lại, tức là nhà nước, cũng sẽ không làm được gì hơn thế. Nhiều lắm thì nhà nước cũng sẽ chỉ chú ý làm cho ở khắp nơi đều nhất loạt thi hành cái biện pháp nhất thời bề ngoài, đã trở thành thông dụng. Và chúng ta đã thấy rằng trường hợp ở đây là đúng như thế.

Nhưng, - người ta có thể bác lại chúng ta, - ở Đức giai cấp tư sản chưa thống trị; ở Đức nhà nước vẫn còn là một quyền lực bay lượn độc lập trên xã hội ở một mức độ nhất định, vì thế nhà nước đại biểu cho toàn bộ lợi ích của xã hội đó chứ không phải đại biểu cho những lợi ích của riêng một giai cấp. Chắc chắn một nhà nước *như thế* có thể làm những việc mà nhà nước tư sản không có khả năng làm được; về mặt xã hội, người ta có thể mong đợi ở nhà nước đó những việc hoàn toàn khác hẳn.

Đó là giọng lưỡi của bọn phản động. Thật ra thì nhà nước hiện nay ở Đức cũng là sản phẩm tất nhiên của hạ tầng cơ sở xã hội đã sản sinh ra nó! Ở Phổ - và nước Phổ ngày nay có một vai trò quyết định - bên cạnh một giai cấp quý tộc vẫn có thế lực, gồm bọn đại địa chủ, còn có một giai cấp tư sản tương đối trẻ và đặc biệt hèn nhát, từ trước đến nay chưa hề chiếm được chính quyền một cách trực tiếp như ở Pháp, hoặc một cách ít nhiều gián tiếp như ở Anh. Nhưng bên cạnh hai giai cấp đó thì giai cấp vô sản, rất phát triển về mặt trí lực, tăng lên một cách nhanh chóng và ngày càng có tổ chức. Do đó, ở đây, chúng ta thấy có hai thế thăng bằng; thế thăng bằng giữa giai cấp địa chủ quý tộc và giai cấp tư sản, điều kiện căn bản của nền quân chủ chuyên chế cũ; và thế thăng bằng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, điều kiện căn bản của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ hiện đại. Nhưng, dưới nền quân chủ chuyên chế cũ cũng như dưới nền quân chủ hiện đại kiểu Bô-na-pác-tơ, chính quyền thật sự đều nằm trong tay của một đẳng cấp đặc biệt gồm những sĩ quan và quan lại; ở nước Phổ, đẳng cấp đó được bổ sung một phần bằng những người xuất thân trong chính hàng ngũ của đẳng cấp đó, một phần nữa bằng những người xuất thân trong giai cấp tiểu quý tộc, một phần rất ít bằng những người trong giai cấp đại quý tộc và phần ít nhất bằng những người xuất thân trong giai cấp tư sản. Sự độc lập của đẳng cấp đó, một sự độc lập có vẻ là ở bên ngoài và có thể nói là ở bên trên xã hội, làm cho nhà nước có cái vẻ là độc lập đối với xã hội.

Hình thức nhà nước đã phát triển ở nước Phổ (và, theo kiểu mẫu đó, trong hiến pháp mới của Đế chế Đức) từ những điều kiện xã hội mâu thuẫn đó và là hậu quả tất nhiên của những điều kiện xã hội đó, hình thức nhà nước đó là chế độ lập hiện giả hiệu; hình thức đó cũng đúng là hình thức hiện tại của nền quân chủ chuyên chế cổ xưa đang tan rã, và cũng là của nền quân chủ kiểu Bô-na-pác-tơ. Ở nước Phổ, từ năm 1848 đến năm 1866, chế độ lập hiến giả hiệu đó chỉ làm cái việc là che đậy và xóa nhòa quá trình mục nát dần dần của nền quân chủ chuyên chế, từ năm 1866 và nhất là từ năm 1870, xã hội đảo lộn, và sau đó nhà nước cũ tan rã trước mắt mọi người với một tốc độ ngày càng tăng lên một cách dị kỳ. Tất cả mọi giai cấp thống trị đều bị lôi cuốn vào trong cơn lốc của sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp và đặc biệt là của sự đầu cơ tại sở giao dịch. Sự hủ bại cao độ, nhập hồi năm 1870 từ nước Pháp, phát triển với một nhịp độ phi thường. Stơ-ru-xơ-béc và Pê-rây-rơ bắt tay nhau. Những bộ trưởng, tướng soái, công tước và bá tước thi đua đầu cơ với những tay đầu cơ Do Thái giảo quyệt nhất, và nhà nước thừa nhận sự bình đẳng của những người Do Thái đó bằng cách phong hàng loạt chức nam tước cho họ. Giai cấp địa chủ - quý tộc, - từ lâu trở thành những nhà công nghiệp với những xưởng làm đường bằng củ cải đường và những xưởng cất rượu mạnh của họ, - đã sớm quên thời đại tốt đẹp trước kia và tên tuổi họ đã được ghi đầy trong những bản danh sách các giám đốc của đủ mọi công ty cổ phần, chẳng kể những công ty đó có vững hay không. Quan lại ngày càng không thèm trông cậy vào cái thủ đoạn duy nhất là hà lạm quỹ để cải thiện lương bổng của họ; họ bỏ rơi nhà nước và đuổi theo những chức vụ trong cơ quan quản lý các xưởng công nghiệp là những chức vụ có lương bổng vô cùng nhiều hơn; những người còn tại chức, noi gương những thủ trưởng của họ, đều đầu cơ về cổ phần hoặc có "phần tham dự" về đường sắt, v.v... Thậm chí người ta cũng có lý do để nghĩ rằng chính bản thân những viên trung úy trẻ tuổi cũng nhúng tay vào nhiều vụ đầu cơ. Tóm lại, sự giải thể của mọi nhân tố của nhà nước cũ, bước quá độ từ nên quân chủ chuyên chế sang nền quân chủ kiểu Bô-na-pác-tơ, đang ở trong thời kỳ tiến triển mạnh, và đến cuộc khủng hoảng công thương nghiệp lớn sắp tới thì chẳng những sự đầu cơ hiện đại sẽ tan rã, mà toàn bộ nhà nước cũ của nước Phổ sẽ sụp đổ1)

Và nhà nước ấy, trong đó những phần tử không phải là tư sản ngày càng tư sản hóa hơn, liệu có giải quyết "vấn đế xã hội", hay ít ra cũng giải quyết vấn đề nhà ở không? Trái hẳn lại. Trong mọi vấn đề kinh tế, nhà nước Phổ ngày càng rơi vào tay giai cấp tư sản; và nếu từ năm 1866, việc lập pháp về phương diện kinh tế vẫn còn chưa trở thành thích hợp hơn với những lợi ích của giai cấp tư sản - như trường hợp hiện nay, - thì là lỗi tại ai? Chủ yếu là tại chính bản thân giai cấp tư sản, trước hết là vì nó quá hèn nhát trong việc kiên quyết bảo vệ những yêu sách của mình, và hai là vì nó phản đối mọi sự nhượng bộ khi sự nhượng bộ này đồng thời cung cấp những vũ khí mới cho giai cấp vô sản đáng sợ. Và nếu quyền lực của nhà nước, tức là Bít-xmác, định tạo ra một giai cấp vô sản của chính mình, trung thành với cá nhân mình, để do đó mà kiềm chế hoạt động chính trị của giai cấp tư sản, thì điều đó là cái gì nếu không phải là một thủ đoạn đáng thương theo kiểu Bô-na-pác-tơ, một thủ đoạn tất

---

1) Ngày nay, năm 1886, điều vẫn còn cản trở sự tan rã của nhà nước Phổ và của cơ sở của nó, tức sự liên minh - được thuế quan bảo hộ làm cho chặt chẽ - giữa giai cấp địa chủ và giai cấp tư bản công nghiệp, chỉ là sự sợ hãi trước giai cấp vô sản là giai cấp, từ năm 1872, đã phát triển một cách hết sức mạnh về số lượng và về tinh thần giác ngộ giai cấp. (*Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1887.)*.

yếu và ai nấy đều biết, một thủ đoạn không hứa hẹn một điều gì với những người lao động, ngoài một vài khẩu hiệu suông đầy thiện ý, và nhiều lắm là hứa hẹn sự giúp đỡ tối thiểu của nhà nước cho những công ty xây dựng à la[1*] Lu-i Bô-na-pác-tơ?

Không có gì chứng tỏ rõ điều mà những người lao động mong đợi ở nước Phổ hơn là việc nhà nước đó sử dụng hàng tỷ đồng tiền bồi thường của Pháp[242], tức là khoản tiền này đã làm cho bộ máy nhà nước Phổ được độc lập thêm một thời gian ngăn ngủi nữa đối với xã hội. Thử hỏi đã có một đồng ta-le nào trong số tiền hàng tỷ ấy đã được dùng vào việc xây dựng nhà ở cho những gia đình lao động ở Béc-lin bị quẳng ra ngoài đường phố chưa? Trái hẳn lại. Khi mùa thu đến, nhà nước lại còn cho phá một vài túp lều tồi tàn đã dùng làm chỗ nương thân tạm thời cho những gia đình lao động đó trong mùa hè. Năm tỷ đồng ấy biến đi theo con đường cũ một cách quá nhanh chóng và biến thành pháo đài, đại bác và binh lính; và bất chấp Vác-ne-rơ[243], bất chấp những cuộc hội nghị kiểu Sti-bơ với nước Áo[244], trong số mấy tỷ đó, cái phần dùng cho công nhân Đức không bằng ngay cả số tiền mà Lu-i Bô-na-pác-tơ sử dụng cho công nhân Pháp, số tiền trích trong số hàng triệu mà hắn đã ăn cắp của nước Pháp.

III

Trong thực tế, giai cấp tư sản chỉ có mỗi một phương pháp để giải quyết vấn đề nhà ở theo lối *của họ,* nghĩa là: giải quyết vấn đề đó như thế nào để mỗi lần giải quyết thì lại luôn luôn đề xuất vấn đề trở lại. Phương pháp đó là phương pháp *"Ô-xman"*.

Ở đây, tôi hiểu danh từ "Ô-xman" không phải chỉ với nghĩa là một cách thức đặc biệt theo kiểu Bô-na-pác-tơ của Ô-xman ở Pa-ri là mở những con đường dài, thẳng và rộng chạy qua những khu công nhân đường sá chật hẹp, và xây dựng ở hai bên những con đường ấy những ngôi nhà đồ sộ sang trọng; nhằm mục đích - ngoài tác dụng chiến lược của những con đường ấy là làm cho những cuộc chiến đấu ngoài đường phố trở nên khó khăn - là tạo ra một giai cấp vô sản của ngành xây dựng, đặc biệt có tính chất Bô-na-pác-tơ chủ nghĩa, lệ thuộc vào chính phủ, và là biến đổi thành phố thành một đô thị sang trọng. Ở đây, tôi hiểu danh từ "Ô-xman" theo nghĩa là một biện pháp phổ biến nhằm mở những đột phá khẩu vào những khu công nhân, nhất là vào những khu trung tâm của các thành phố lớn của chúng ta, vô luận là với lý do nào, lý do quan tâm đến vệ sinh công cộng, đến mỹ quan của thành phố, đến việc đáp ứng được yêu cầu có những ngôi nhà buôn bán lớn ở trung tâm, hoặc là yêu cầu của giao thông - như việc xây dựng đường sắt, đường phố, v.v.. Dù lý do là gì đi nữa thì kết quả ở đâu cũng giống nhau: những đường phố bé nhỏ và những ngõ hẻm ô uế nhất bị thủ tiêu, và giai cấp tư sản rất lấy làm đắc chí về sự thành công to lớn ấy - nhưng những đường phố bé nhỏ và ngõ hẻm lại xuất hiện ngay lập tức ở chỗ khác và thường thường là ở ngay gần đấy.

[1*] - theo kiểu

Trong cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh", tôi đã miêu tả Man-se-xtơ, trong những năm 1843 - 1844. Từ đó đến nay, do việc kiến thiết đường sắt chạy qua thành phố, mở mang nhiều đường phố mới, xây dựng nhiều ngôi nhà lớn công và tư, nên một vài khu tồi tàn nhất miêu tả trong cuốn sách đó, đã được mở mng, giải tỏa, cải thiện, nhiều khu tồi tàn khác đã bị phá bỏ hoàn toàn, nhưng hiện nay, - mặc dầu các cơ quan vệ sinh kiểm soát chặt chẽ hơn, - vẫn còn tồn tại nhiều khu cũng tồi tàn như thế về mặt xây dựng, nếu không phải là tồi hơn. Trái lại, do sự phát triển lớn lao của thành phố, do số dân đã tăng lên hơn một nửa, nên ngày nay, các khu phố trước đây còn thoáng khí và sạch sẽ cũng đã đầy rẫy những nhà ở bẩn thỉu và chật chội hơn là những khu phố có tiếng là tồi tàn nhất trước đây. Đây chỉ là một thí dụ: trong cuốn sách của tôi, ở trang 80 và những trang tiếp theo, tôi nói đến một nhóm nhà ở nằm ở hạ lưu sống Mét-lốc; dưới cái tên *Tiểu Ai-rơ-len,* nhóm nhà ở đó đã là một cái nhục cho Man-se-xtơ[245] từ bao năm nay rồi, Tiểu Ai-rơ-len đã biến mất đi từ lâu rồi; thay vào đó, người ta xây dựng một nhà ga xe lửa trên những nền móng rất cao; giai cấp tư sản khoe khoang về việc Tiểu Ai-rơ-len đã may mắn và vĩnh viễn biến đi, cho đó là một thắng lợi vĩ đại. Nhưng trong mùa hè vừa qua, đã xảy ra một nạn lụt khủng khiếp, vì nói chung, do những nguyên nhân rất dễ hiểu, những con sông có bờ đê trong những thành phố lớn của chúng ta hàng năm gây ra những nạn lụt ngày càng dữ dội. Lúc đó mới thấy rõ là Tiểu Ai-rơ-len không hề bị tiêu diệt, mà chỉ di chuyển từ phía Nam đường Ốc-xphớt lên phía Bắc và nó vẫn thịnh vượng. Hãy xem tờ "Manchester Weekly Times", cơ quan của giai cấp tư sản cấp tiến ở Man-se-xtơ, ra ngày 20 tháng Bảy 1872, đã nói gì với chúng ta về điều đó;

"Chúng tôi hy vọng rằng tai nạn gây thiệt hại cho dân cư ở hạ lưu sông Mét-lốc ngày chủ nhật vừa qua, sẽ mang lại *một* kết quả tốt là làm cho công chúng chú ý đến việc khinh thường một cách hiển nhiên tất cả những phép vệ sinh, và việc khinh thường này, từ rất lâu, lại được dung túng ở ngay trước mắt các viên chức thành phố và cơ quan vệ sinh. Hôm qua, trong tờ xuất bản hàng ngày của chúng tôi, một bai báo rắn rỏi, nhưng vẫn còn quá yếu ớt, và vạch rõ tình trạng nhục nhã của một vài căn nhà hầm bị lụt ở trong các phố Sác-lơ và Brúc. Điều tra tỉ mỷ một trong những cái sân nêu trong bài báo đó, chúng ta có thể xác nhận mọi sự thật đã kể lại và tuyên bố rằng những căn nhà hầm đó đáng lẽ phải bị đóng cửa từ lâu rồi: hơn nữa, không bao giờ người ta nên để cho những hầm đó dùng làm nhà ở của loài người. Xquai-rơ Cớc gồm bảy hoặc tám ngôi nhà ở góc các phố Sác-lơ và ở ngay chỗ thấp nhất của phố Brúc, dưới gầm cầu của đường xe lửa, người ta có thể, ngày này sang ngày khác, qua lại nơi đó mà không ngờ rằng có những người đang sống ở đó, ở dưới đáy sâu, trong những cái hầm. Sân thì chẳng ai nhìn thấy và chỉ có những người mà nghèo khổ bắt buộc phải tìm một chỗ trú ở trong cái nơi hẻo lánh và giống như một cái mồ ấy, mới tới được cái sân đó. Ngay cả khi mà nước sông Mét-lốc. - thường là tù đọng và được những bao lơn ngăn lại, - ở mức thường đi nữa thì sân nhà của những chỗ ở đó cũng chỉ cao hơn mực nước được vài phân. Hễ có một trận mưa hơi to, là dù để làm dâng lên một thứ nước hôi thối, lộn mửa, chảy từ cống, rãnh lên, thế là những chỗ ở cũng ngột ngạt những khí độc giống như thứ khí mà tất cả các trận lụt đã để lại sau khi rút xuống... Xquai-rơ Cớc lại còn ở thấp hơn những cái hầm bỏ hoang của những ngôi nhà ở phố Brúc... Thấp hơn mặt đường hai mươi pi-ê, thành thử ngày thứ bảy nước hôi hám từ cống dồn vào, lên đến mái nhà. Chúng ta đều biết như thế, và do đó, chúng ta đinh ninh là cái sân bị bỏ hoang, hoặc chỉ có những công chức của cơ quan vệ sinh đến để chùi rửa và tẩy uế những bức tường nhớp nhúa. Đáng lẽ như thế thì chúng ta lại thấy, trong cái nhà hầm của một anh thợ cạo, một người đang chất lên xe cút kít một đống rác rưởi đang thối rữa trong một xó... Người thợ cạo có cái hầm đã được dọn dẹp xong, liền đưa chúng tôi đến một dẫy nhà ở còn thấp hơn nữa và nói rằng nếu anh ta biết viết thì anh ta sẽ viết lên báo yêu cầu đóng cửa dãy nhà đó. Như thế là cuối cùng chúng tôi đã đến Xquai-rơ Cớc, ở đó chúng tôi gặp một cô gái Ai-rơ-len xinh đẹp và tươi tắn, đang bận giặt giũ. Hai vợ chồng cô ta - chồng làm gác đêm cho các nhà tư, ở trong cái sân ấy từ sáu năm nay rồi, gia đình họ đông người. Trong cái nhà mà họ vừa rời bỏ, nước đã lên gần đến mái nhà, cửa sổ đều bị hỏng, những vật dụng trong nhà chỉ còn là một đống đổ nát vụn. Muốn làm cho ngôi nhà không có mùi khó ngửi thì cứ hai tháng phải quét vôi lại một lần... Đi vào sân trong, người phóng viên của chúng tôi thấy ở đó có ba gian nhà dựa lưng vào cái nhà vừa mới được mô tả; hai gian đã có người ở. Mùi hôi thối rất khó chịu đến nỗi người khỏe nhất cũng không thể tránh khỏi lộn mửa sau vài phút đồng hồ... Cái hang kinh tởm đó chứa một gia đình bảy người : tất cả đều ngủ trong nhà đêm thứ năm, tức là ngày có trận lụt thứ nhất. Hay nói cho đúng hơn, - người phụ nữ cải chính lại, - họ không ngủ, mà phải thức gần hết đêm để nôn mửa vì hôi thối. Ngày thứ bảy, họ phải lội nước lên đến tận ngực để đem con cái họ ra ngoài. Người phụ nữ cũng đồng ý là một con lợn cũng không thèm sống trong một cái hang như thế, nhưng chị ta vẫn ở đó vì tiền thuê nhà rẻ - 1 si-linh 1/2 một tuần - vả lại, trong những ngày vừa qua, chồng chị ốm nên thường thường không kiếm được xu nào... Cái sân đó và những dân cư giam mình trong đó như trong một cái ngôi mộ xây sẵn làm cho chúng tôi có ấn tượng đó là tình trạng vô cùng quẫn bách. Ngoài ra, cần nói thêm rằng sau cuộc điều tra. Xquai-rơ Cớc chỉ là hình ảnh - có lẽ hơi quá đáng - của rất nhiều nhà ở khác trong vùng này: và Ủy ban vệ sinh thì không thể biện bạch được cho sự tồn tại của những căn nhà đó được, và nếu người ta để cho những căn nhà đó vẫn được tiếp tục sử dụng thì khỏi phải nói rằng Ủy ban sẽ hứng lấy trách nhiệm và vùng lân cận sẽ hứng lấy mối nguy cơ của bệnh dịch; chúng ta sẽ không bàn thêm về tình trạng nghiêm trọng của những bệnh dịch đó".

Đó là một thí dụ nổi bật về cách giai cấp tư sản đã thực tế giải quyết vấn đề nhà ở. Những ổ dịch, những căn hầm bẩn thỉu nhất, trong đó phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa giam hãm những người lao động của chúng ta đêm này sang đêm khác, những cái đó không phải là đã được xóa bỏ, mà chỉ... *được di chuyển đi nơi khác!* Ở đâu cũng vậy, những cái đó đều do cùng một tất yếu kinh tế đẻ ra cả. Và chừng nào mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa còn tồn tại thì ý định muốn giải quyết riêng vấn đề nhà ở hay mọi vấn đề xã hội khác có liên quan đến số phận của công nhân, quả là một sự điên rồ. Cách giải quyết là ở chỗ phải tiêu diệt phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là bản thân giai cấp công nhân phải chiếm hữu mọi tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt.

PHẦN III

BÀN THÊM VỀ PRU-ĐÔNG VÀ VẤN ĐỀ NHÀ Ở

I

Trên tờ "Volksstaat" số 86, A. Muyn-béc-gơ tự giới thiệu là tác giả của những bài báo mà tôi đã phê phán trong số 51 và những số tiếp theo[1*]. Trong bài trả lời của ông ta, ông ta không ngớt trách móc tôi và đồng thời làm rối mù tất cả các quan điểm, cho nên dù muốn dù không, tôi cũng cần phải trả lời ông ta. Rất tiếc là đại bộ phận bài trả lời lần này phải đặt trong phạm vi một cuộc luận chiến cá nhân do Muyn-béc-gơ đã buộc tôi phải tiến hành; tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng làm cho bài này đem lại một hứng thú cho mọi người bằng cách lại phát triển một lần nữa và nếu có thể, phát triển rõ ràng hơn trước kia những điểm chủ yếu; dù chẳng may một lần nữa, tôi lại bị đối thủ của tôi cho biết là tất cả những điều này là "căn bản không có gì mới đối với ông ta cũng như đối với mọi bạn đọc khác của "Volksstaat".

Cả hình thức lẫn nội dung của bài phê phán của tôi đều không làm vừa lòng Muyn-béc-gơ. Về hình thức, tôi chỉ cần vặn lại rằng thời kỳ đó tôi hoàn toàn không biết ai đã viết những bài báo đó. Như vậy thì không thể bảo rằng đó là vấn đề "thành kiến" cá nhân đối với tác giả những bài báo đó; còn đối với giải pháp về vấn đề nhà ở được phát triển trong các bài báo đó thì đương nhiên là tôi có "thành kiến", vì nhờ Pru-đông, tôi đã biết nó từ lâu và ý kiến của tôi đã được xác định dứt khoát.

[1*] Xem tập này, tr.283 - 315.

Tôi không có ý định tranh luận với ông bạn Muyn-béc-gơ về cái "giọng" của bài phê phán của tôi. Khi người ta đã tham gia phong trào công nhân khá lâu như tôi thì người ta sẽ có một lớp da khá dày để chống lại những cuộc tấn công, và do đó người ta có xu hướng cho rằng người khác cũng có một lớp da như thế. Để làm vừa lòng ông Muyn-béc-gơ, lần này tôi sẽ cố dùng một cái "giọng" thích hợp với lớp da nhạy cảm của ông ta.

Muyn-béc-gơ than phiền một cách đặc biệt chua chát rằng tôi đã coi ông ta là người theo phái Pru-đông và ông ta quả quyết rằng ông ta không phải là người theo phái đó. Đương nhiên là tôi buộc phải tin ông ta, nhưng tôi sẽ đưa ra bằng cớ chứng minh rằng những bài báo đó - và tôi chỉ nói đến những bài đó thôi - chỉ chứa đựng toàn có chủ nghĩa Pru-đông thuần túy mà thôi.

Nhưng, theo Muyn-béc-gơ thì tôi đã phê phán bản thân Pru-đông "một cách nông nổi", và hoàn toàn bất công đối với Pru-đông:

> "Lý luận cho rằng Pru-đông là một người tiểu tư sản, đã trở thành một giáo điều rất kiên cố ở nước Đức, và thậm chí có nhiều kẻ truyền bá lý luận đó, lại không hề đọc qua một dòng nào của lý luận đó cả".

Khi tôi phàn nàn rằng từ hai mươi năm nay, những người lao động các nước la-tinh không có một món ăn tinh thần nào khác ngoài những tác phẩm của Pru-đông, thì ông Muyn-béc-gơ trả lời tôi rằng ở những người lao động đó "thì những nguyên lý do Pru-đông nêu ra tựa hồ như ở đâu đâu cũng đều là linh hồn sống của phong trào". Tôi buộc phải phủ nhận điều đó. Thứ nhất, "linh hồn sống" của phong trào công nhân không hề ở trong những "nguyên lý", mà ở khắp mọi nơi đều ở trong sự phát triển của nền công nghiệp lớn với những hậu quả của nó: một mặt là sự tích lũy và tập trung của tư bản, mặt khác là sự tích lũy và tập trung của giai cấp vô sản. Thứ hai: thật là không chính xác nếu nói rằng những cái gọi là "nguyên lý" của Pru-đông có tác dụng quyết định đối với những người lao động ở các nước la-tinh, tác dụng mà Muyn-béc-gơ đã gán cho những cái gọi là nguyên lý đó, và nếu nói rằng "ở đó, những nguyên lý của tình trạng vô chính phủ, của l'organisation des forces économiques, của la liquidation sociale[1*],v.v., đã trở thành những trụ cột thật sự của phong trào cách mạng", thì nói như thế là không chính xác. Không nói gì đến Tây Ban Nha và I-ta-li-a, là những nơi mà môn thuốc vạn ứng của Pru-đông chỉ có được đôi chút ảnh hưởng dưới một hình thức mà Ba-cu-nin lại còn trình bày sai lệch đi nữa, thì tất cả những ai đã hiểu biết phong trào công nhân quốc tế, đều cũng thấy rõ ràng là ở Pháp, phái Pru-đông họp thành một phái rất thưa thớt và quần chúng lao động Pháp hoàn toàn không muốn biết gì về kế hoạch cải lương xã hội do Pru-đông thảo ra dưới cái tên "Liquidation sociale và Organisation des forces economiques". Người ta đã thấy rõ điều đó dưới thời Công xã Pa-ri. Mặc dầu là phái Pru-đông có rất nhiều đại biểu ở đấy, nhưng tuyệt nhiên không hề có một mưu toan nào nhằm tiêu diệt xã hội cũ, hoặc tổ chức những lực lượng kinh tế theo đề án của Pru-đông. Hoàn toàn trái lại. Đó là một điều vinh quang của Công xã Pa-ri: trong những biện pháp kinh tế của Công xã, "linh hồn sống" không phải là những nguyên lý linh tinh nào đó, mà hoàn toàn chỉ là những nhu cầu thực tế. Chính vì thế mà những biện pháp - như xóa bỏ việc làm đêm trong các lò làm bánh mì, cấm những khoản phạt trong các công xưởng, tịch thu những công xưởng và xưởng thủ công đã đóng cửa và giao lại cho các hội liên hiệp công nhân - tuyệt nhiên là không phù hợp với tinh thần của Pru-đông, mà rất phù hợp với tinh thần của chủ nghĩa xã hội khoa học Đức. Biện pháp duy nhất mà những người theo phái Pru-đông đã làm cho người ta áp dụng là *không* tịch thu ngân hàng Pháp và một phần vì thế mà Công xã Pa-ri đã thất bại. Đối với những người gọi là theo phái Blăng-ki thì cũng vậy, ngay khi mà họ định biến từ những nhà cách mạng chính trị đơn thuần thành một phái công nhân xã hội chủ nghĩa có một cương lĩnh xác định - điều mà những người theo phái Blăng-ki di cư đến Luân Đôn đã làm trong bản tuyên ngôn "Quốc tế và Cách mạng"[246] của họ - thì điều mà họ công bố không phải là những "nguyên lý" của kế hoạch Pru-đông về việc cứu vớt xã hội, mà trái lại là những quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học Đức hầu như là được theo đúng từng chữ một như: tính tất yếu của hoạt động chính trị của giai cấp vô sản và tính tất yếu của chuyên chính vô sản, coi đó là bước quá độ tiến tới xóa bỏ các giai cấp và cùng với việc xóa bỏ các giai cấp thì xóa bỏ nhà nước - hệt như những quan điểm đã được nêu lên trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" và đã được nêu lên rất nhiều lần từ đó đến nay. Và nếu từ các việc người Đức không ưa chuộng Pru-đông mà Muyn-béc-gơ đi đến chỗ rút ra kết luận rằng họ không hiểu biết phong trào các nước la-tinh, "thậm chí và kể cả Công xã Pa-ri" nữa thì xin ông ta hãy đưa ra cho chúng ta một bằng cớ chứng minh điều đó và cho chúng ta biết tên tác phẩm bằng chữ la-tinh nào đã phân tích và thuật lại, dù sơ qua thôi, Công xã Pa-ri một cách cũng chính xác như "Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Quốc tế về cuộc nội chiến ở Pháp" của một người Đức là Mác.

[1*] - của việc tổ chức những lực lượng kinh tế, của sự tiêu diệt xã hội.

Nước Bỉ là nước duy nhất mà phong trào công nhân bị ảnh hưởng trực tiếp của những "nguyên lý" của Pru-đông, vì thế nên phong trào đó, theo lời Hê-ghen, đi "từ không, qua không, đến không"[247].

Nếu tôi coi việc Pru-đông, từ hai mươi năm nay, đã trực tiếp hay gián tiếp là món ăn tinh thần duy nhất của những người lao động nói tiếng la-tinh, là một điều bất hạnh, thì sở dĩ tôi tin như vậy, không phải là vì ưu thế hoàn toàn thần bí của những môn thuốc cải lương của Pru-đông - mà Muyn-béc-gơ gọi là những "nguyên lý" -, mà vì cái sự thật là: sự phê phán, về mặt kinh tế, của những người lao động đối với xã hội, đã bị tiêm nhiễm cái quan điểm hoàn toàn sai lầm của Pru-đông và hoạt động chính trị của họ đã bị ảnh hưởng của Pru-đông làm hư hỏng đi. Đối với vấn đề xét xem sau đó thì những "người lao động đã Pru-đông hóa ở các nước la-tinh" hay những người Đức - vô luận thế nào thì những người Đức cũng hiểu chủ nghĩa xã hội khoa học Đức nhiều hơn là những người thuộc các nước la-tinh hiểu Pru-đông của họ - ai "ở trong cuộc cách mạng nhiều hơn" thì chúng tôi sẽ có thể trả lời, khi nào người ta đã giải thích cho chúng tôi hiểu thế nào là: "ở trong cuộc cách mạng". Người ta đã nghe nói đến những người "ở trong đạo Thiên chúa, trong sự tín ngưỡng chân chính, trong sự phù hộ của Thượng đế", v.v.. Nhưng "ở" trong cuộc cách mạng, trong cái phong trào mãnh liệt ấy! Phải chăng "cuộc cách mạng" là một giáo điều tín ngưỡng mà người ta phải tin theo?

Tiếp theo đó, Muyn-béc-gơ trách tôi là đã khẳng định, trái với lời lẽ rõ ràng trong tác phẩm của ông ta, rằng ông ta cho vấn đề nhà ở là một vấn đề thuần túy công nhân.

Lần này thì Muyn-béc-gơ quả là có lý. Tôi không để ý đến đoạn được nói đến đó, và như thế là không thể tha thứ được, vì đoạn đó là một trong những đoạn biểu thị được nhiều nhất đặc điểm của xu hướng của toàn bộ bản trình bày của ông ta. Thực tế, Muyn-béc-gơ nói một cách không bóng gió quanh co rằng:

"Vì người ta thường hay trách móc chúng tôi một cách *lố lăng* rằng chúng tôi tiến hành *chính trị giai cấp,* cầu mong một sự *thống trị giai cấp* và nhiều điều tương tự khác, cho nên trước hết, chúng tôi khẳng định rõ ràng là vấn đề nhà ở tuyệt nhiên không phải là vấn đề chỉ quan hệ đến giai cấp vô sản, mà hoàn toàn trái lại: nó có quan hệ lợi hại *rất nhiều đến những giai cấp trung đẳng chính cống,* những người làm nghề tiểu thủ công, giai cấp tiểu tư sản, toàn thể quan lại... Vấn đề nhà ở chính là vấn đề những cải lương xã hội, vấn đề này hình như là một trong những vấn đề có khả năng nhất trong việc phát hiện *sự đồng nhất tuyệt đối và sâu sắc giữa lợi ích của* một bên là *giai cấp vô sản* và một bên khác là *những giai cấp trung đẳng chính cống.* Những giai cấp trung đẳng đó cũng khổ sở về nạn phải đi thuê nhà ở, chẳng khác gì giai cấp vô sản, và *có lẽ còn nhiều hơn nữa...* Ngày nay, những giai cấp trung đẳng đó đang đứng trước vấn đề là xét xem nếu... liên minh với đảng trẻ tuổi, khỏe và kiên cường của những người lao động thì họ sẽ có đủ lực lượng để tham gia tích cực vào quá trình cải tạo xã hội, trong đó, chính họ sẽ là những người đầu tiên được hưởng lợi".

Vì thế nên ông bạn Muyn-béc-gơ đã có những nhận xét như sau:

1) "Chúng tôi" không tiến hành "chính trị giai cấp" và chúng tôi cũng không hề cầu mong "sự thống trị giai cấp". Song Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức tất nhiên phải tiến hành "chính trị giai cấp", chính trị của giai cấp công nhân, chính là vì nó là một *đảng công nhân.* Vì tất cả các đảng chính trị đều ra sức giành chính quyền trong nhà nước, nên Đảng đan chủ - xã hội Đức tất nhiên cũng hy vọng xác lập được quyền thống trị *của mình,* quyền thống trị của giai cấp công nhân, tức là "sự thống trị giai cấp". Hơn nữa, *tất cả* các đảng vô sản chân chính, kể từ những người theo phái Hiến chương ở Anh, luôn luôn lấy chính trị giai cấp, lấy việc tổ chức giai cấp vô sản thành một chính đảng độc lập, làm điều kiện tiên quyết, và lấy chuyên chính vô sản làm mục đích phấn đấu gần nhất. Nói rằng điều đó là "lố lăng", như thế là Muyn-béc-gơ tự đặt mình ra ngoài phong trào vô sản và đứng vào hàng ngũ của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.

2) Vấn đề nhà ở có cái thuận lợi này là nó không phải là một vấn đề thuần túy công nhân, mà là một vấn đề "có quan hệ lợi hại rất nhiều" đến giai cấp tiểu tư sản, vì "những giai cấp trung đẳng chính cống" cũng khổ sở về vấn đề ấy, "chẳng khác gì" giai cấp vô sản, mà "có lẽ còn nhiều hơn nữa". Nếu người nào đó tuyên bố rằng giai cấp tiểu tư sản, dù chỉ về một mặt nào đấy, chịu khổ sở "có lẽ nhiều hơn giai cấp vô sản", thì chắc chắn anh ta sẽ không kêu ca vào đâu được khi bị liệt vào hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản. Do đó, liệu Muyn-béc-gơ lấy gì để phàn nàn khi người ta xếp ông ta vào hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản*?* Lẽ nào ông ta lại có thể bất bình khi tôi nói rằng:

"Chính những tai họa đó, những tai họa chung cho giai cấp công nhân và nhiều giai cấp khác, cho giai cấp tiểu tư sản chẳng hạn, là những tai họa mà chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản - Pru-đông cũng theo chủ nghĩa này - thích quan tâm đến. Và do đó, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên mà anh học trò người Đức của Pru-đông nắm lấy trước hết vấn đề nhà ở, là vấn đề, như chúng ta đã thấy, không phải chỉ liên quan đến độc một mình giai cấp công nhân"[1*].

3) Giữa những lợi ích của các "giai cấp trung đẳng chính cống" và những lợi ích của giai cấp vô sản, có một "sự đồng nhất tuyệt đối và sâu sắc", và "chính" những giai cấp trung đẳng đó "sẽ là những người đầu tiên được hưởng lợi" về quá trình cải tạo xã hội sắp tới đây, chứ không phải là giai cấp vô sản.

Vậy thì những người lao động sẽ tiến hành cuộc cách mạng xã hội sắp tới "chính" vì lợi ích của những người tiểu tư sản, "những người đầu tiên được hưởng lợi". Ngoài ra, còn có một sự đồng nhất tuyệt đối và sâu sắc giữa những lợi ích của những người tiểu tư sản và những lợi ích của giai cấp vô sản. Song, nếu những lợi ích của những người tiểu tư sản là đồng nhất sâu sắc với những lợi ích của công nhân, thì ngược lại, những lợi ích của công nhân cũng đồng nhất sâu sắc với những lợi ích của những người tiểu tư sản. Do đó, trong phong trào công nhân, quan điểm tiểu tư sản cũng chính đáng như quan điểm của những người vô sản. Và việc xác nhận sự bình đẳng ấy về quyền lợi chính là cái mà người ta gọi là chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.

Do đó Muyn-béc-gơ đã hoàn toàn nhất quán khi trong trang 25 quyển sách của mình[248], ông ta đã tán tụng "thủ công nghiệp" là "*cột trụ* chân chính của xã hội", "vì thủ công nghiệp, do chính ngay bản chất của nó, đã tập hợp trong bản thân nó ba yếu tố: lao động - thu lợi - chiếm hữu, và vì nhờ sự tập hợp của ba yếu tố đó mà năng lực phát triển cá nhân tuyệt nhiên không hề bị hạn chế". Ông ta cũng hoàn toàn nhất quán khi ông ta đặc biệt trách nền công nghiệp hiện đại là đã phá hoại cái cơ sở đào tạo những con người mới đó và đã biến *"một giai cấp* đầy sinh lực, không ngừng đổi mới, thành một *khối* người không tự giác, chẳng biết hướng cái nhìn lo âu của mình về phía nào cả". Do đó, anh tiểu tư sản là còn người điển hình của Muyn-béc-gơ và thủ công nghiệp là phương thức sản xuất kiểu mẫu của ông ta. Như thế thì khi tôi xếp ông ta vào hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản, có phải là tôi đã vu khống ông ta chăng?

[1*] Xem tập này, tr.289 - 292.

Vì Muyn-béc-gơ khước từ tất cả mọi trách nhiệm về Pru-đông, nên cũng chẳng cần gì phải tiếp tục giải thích xem những kế hoạch cải lương của Pru-đông định biến tất cả những thành viên xã hội thành tiểu tư sản và tiểu nông như thế nào. Bàn cặn kẽ về cái gọi là sự đồng nhất về lợi ích giữa tiểu tư sản và công nhân, cũng hoàn toàn là điều vô ích. Điều căn bản đã được nói đến trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" (lần xuất bản ở Lai-pxích, 1872, tr.12 và 21)[249].

Do đó, kết quả của việc nghiên cứu của chúng ta là: bên cạnh"thần thoại hoang đường của anh tiểu tư sản Pru-đông" đã xuất hiện cái thực tế của anh tiểu tư sản Muyn-béc-gơ.

II

Bây giờ chúng ta bàn tới một điểm chủ yếu. Tôi có trách những bài báo của Muyn-béc-gơ là đã xuyên tạc những quan hệ kinh tế, theo lối Pru-đông, bằng cách biểu hiện những quan hệ đó thành thuật ngữ pháp luật.Tôi trích đoạn sau đây làm ví dụ:

"Ngôi nhà, một khi được xây dựng xong, trở thành *một lý do pháp quyền vĩnh cửu* về một phần nhất định của lao động xã hội, ngay cả khi giá trị thực tế của ngôi nhà đã được trả một cách quá đầy đủ và từ lâu rồi, cho người sở hữu nhà, dưới hình thức tiền thuê nhà. Chính vì vậy mà một ngôi nhà được dựng lên, cách đây 50 năm chẳng hạn, thì trong thời gian đó, tiền cho thuê nhà đã bù lại nhiều gấp 2, 3, 5, 10, v.v.. lần số tiền đã bỏ ra trước kia".

Rồi Muyn-béc-gơ than phiền rằng:

"*Lời nhận xét giản đơn và khách quan ấy về một sự thật* là một dịp để Ăng-ghen làm cho tôi thấy rằng đáng lẽ tôi phải giải thích xem ngôi nhà trở thành một "lý do pháp quyền" *như thế nào* một vấn đề hoàn toàn không phải là nhiệm vụ mà tôi tự đề ra cho mình... *Miêu tả* là một việc, *giải thích* lại là một việc khác. Nếu, sau Pru-đông , tôi nói rằng sinh hoạt kinh tế phải thấm nhuần một *quan niệm về pháp quyền* thì như thế là tôi *miêu tả* xã hội hiện tại là một xã hội không có *quan niệm về pháp quyền của cách mạng* chứ không phải là thiếu hẳn mọi quan niệm về pháp quyền, một sự thật mà chính bản thân Ăng-ghen cũng sẽ phải thừa nhận".

Trước hết, chúng ta hãy nói đến ngôi nhà đã được xây dựng xong. Khi nhà được đem cho thuê, nó mang lại cho người đã xây dựng nó một số địa tô, tiền chi phí về sửa chữa và lợi tức của tư bản đầu tư, kể cả lợi nhuận thu được dưới hình thức tiền thuê nhà; tùy theo hoàn cảnh, những món tiền đó có thể lên tới gấp 2, 3, 5, 10 lần giá thành lúc đầu. Điều này, ông bạn Muyn-béc-gơ ạ, là một "sự nhận xét giản đơn và khách quan", về một sự thật *kinh tế*; và nếu chúng ta muốn biết vì sao "lại như thế", thì phải hướng về địa hạt kinh tế mà nghiên cứu. Hãy khảo sát sự thật đó tỷ mỷ hơn một chút nữa để cho chính bản thân một đứa trẻ cũng không thể hiểu lầm được. Người ta biết rằng khi bán một món hàng, người sở hữu rời bỏ giá trị sử dụng của món hàng đó và thu về giá trị trao đổi của nó. Nếu những giá trị sử dụng của các món hàng không giống nhau, thì ngoài những lý do khác, cũng chính là vì sự tiêu thụ những món hàng đó đòi hỏi những thời gian khác nhau. Một ổ bánh mỳ biến đi trong một ngày, một chiếc quần sẽ mòn đi trong một năm, một ngôi nhà, trong một trăm năm chẳng hạn. Với những món hàng lâu hao mòn, người ta có thể bán giá trị sử dụng của nó từng phần, mỗi lần bán trong một thời gian nhất định, nói một cách khác là đem nó *cho thuê*. Do đó, việc bán từng phần chỉ có thể thực hiện được giá trị trao đổi một cách dần dần thôi; vì không cần thu hồi ngay tức khắc tư bản đã bỏ ra và lợi nhuận do tư bản đó đem lại, nên người bán được đền bù bằng việc tăng giá lên và bằng một món tiền lãi mà tỷ suất là do những quy luật kinh tế chính trị quyết định, chứ tuyệt nhiên không phải là được quyết định một cách độc đoán. Sau một trăm năm, ngôi nhà đã hết thời, đã bị hỏng nát, không thể ở được. Nếu lúc đó, trong toàn bộ số tiền thuê nhà đã thu được, chúng ta trừ đi: 1) địa tổ, với số tiền tăng lên nào đấy của địa tô trong thời gian đó; 2) những chi phí dùng vào việc sửa chữa trong thời gian đó, thì chúng ta sẽ thấy là số tiền còn lại, trung bình gồm có: 1. tư bản bỏ ra lúc đầu để xây dựng ngôi nhà, 2. lợi nhuận do tư bản đó đem lại, 3. những lợi tức của tư bản thu hồi dần và của lợi nhuận. Đành rằng sau thời gian đó thì người thuê nhà không có nhà, nhưng người sở hữu nhà cũng không có gì hơn. Người sở hữu nhà chỉ còn có miếng đất, nếu miếng đất đó thuộc quyền sở hữu của anh ta, và những vật liệu xây dựng còn nằm trên miếng đất đó nhưng không còn là một ngôi nhà nữa. Và nếu trong thời gian đó, ngôi nhà đã bù lại được "5 hay 10 lần số tiền chi phí bỏ ra lúc đầu", thì chúng ta sẽ thấy rằng đó chỉ là do tăng địa tô mà có; điều này không phải là một điều bí mật đối với những ai đã ở những nơi như ở những thành phố như Luân Đôn, là nơi mà địa chủ và chủ nhà thường là hai người khác nhau. Tình trạng tăng tiền thuê nhà cao như thế đều xảy ra trong những thành phố phát triển nhanh chóng[1*], chứ không xảy ra trong một làng nông nghiệp, ở đó tiền cho thuê đất để xây dựng nhà ở hầu như không thay đổi. Cho nên rõ ràng là trừ tiền tăng địa tô ra, thì trung bình hàng năm tiền thuê nhà không đem lại được hơn 7% tư bản đầu tư - kể cả lợi nhuận -, với số tiền đó lại còn phải trả tiền chi phí về sửa chữa, v.v.. Tóm lại, hợp đồng cho thuê nhà là một sự giao dịch buôn bán rất thông thường; đối với công nhân thì về mặt lý luận, sự giao dịch buôn bán đó cũng chỉ có quan hệ lợi hại như một sự giao dịch khác thôi, không hơn không kém - trừ vấn đề mua và bán sức lao động của mình ra thì không kể -, còn về mặt thực tiễn, sự giao dịch buôn bán đó là một trong muôn nghìn hình thức lừa đảo của giai cấp tư sản, mà tôi đã nói ở tráng 4[1*] của lần xuất bản thành sách riêng; nhưng như tôi đã chứng minh, những hình thức đó cũng phải chịu sự chi phối của những quy luật kinh tế. Muyn-béc-gơ chỉ thấy hợp đồng cho thuê nhà là "hành vi độc đoán" thuần túy (tr.19 của lần xuất bản thành sách riêng). Và khi tôi chứng minh cho ông ta thấy rằng trái lại thế mới đúng, thì ông ta phàn nàn rằng tôi nói với ông ta"toàn là những điều mà tiếc rằng ông ta đã biết cả rồi".

[1*] Trên tờ "Volksstaat" in là "trong những thành phố lớn phát triển nhanh chóng".

Nhưng với tất cả những sự nghiên cứu kinh tế về tiền thuê nhà, chúng ta cũng không sao biến được sự xóa bỏ tiền thuê nhà thành "một trong những công việc có kết quả nhất và vĩ đại nhất do những tư tưởng cách mạng đẻ ra". Muốn tiến hành tốt việc cải biến đó, chúng ta phải chuyển một sự kiện giản đơn của khoa kinh tế chính trị khách quan vào lĩnh vực pháp quyền, một lĩnh vực ý thức tư tưởng có trình độ cao hơn nhiều. "Ngôi nhà là một lý do pháp quyền vĩnh cửu" về tiền thuê nhà; "*chính vì thế*" mà giá trị của ngôi nhà có thể được trả gấp 2, 3, 5, 10 lần, dưới hình thức tiền thuê nhà. Muốn biết tại sao mà "lại như thế", thì cái "lý do pháp quyền" không làm cho chúng ta biết thêm được chút nào cả, vì thế tôi đã nói rằng chỉ có tìm hiểu xem ngôi nhà trở thành một lý do pháp quyền như thế nào thì Muyn-béc-gơ mới có thể hiểu được rằng *vì sao* mà "lại như thế". Chúng ta đã biết vì sao mà lại như thế, bằng cách nghiên cứu, như tôi đã làm, tính chất *kinh tế* của tiền thuê nhà, chứ đừng bực mình với cái thuật ngữ pháp luật mà giai cấp thống trị dùng để phê chuẩn tiền cho thuê nhà. Người nào đề nghị những biện pháp kinh tế để xóa bỏ tiền thuê nhà thì hình như cũng đã hiểu vấn đề đó hơn một chút so với định nghĩa nói rằng tiền thuê nhà "tiêu biểu cho cống vật mà người thuê nhà nộp cho cái quyền vĩnh cửu của tư bản". Về điều đó, Muyn-béc-gơ lại trả lời tôi rằng: "Miêu tả là một việc, giải thích lại là một việc khác".

[1*] Xem tập này, tr.288 - 290.

Như thế là chúng ta đã biến ngôi nhà, dù rằng ngôi nhà đó hoàn toàn không phải là vĩnh cửu, thành một lý do pháp quyền vĩnh cửu về tiền thuê nhà. Chúng ta thấy rằng - nguyên nhân khiến nó "Lại như thế" thì không quan trọng lắm - nhờ cái lý do pháp quyền đó mà ngôi nhà mang lại gấp bội giá trị của nó, dưới hình thức tiền thuê nhà. Do chuyển sang lĩnh vực thuật ngữ pháp luật, chúng ta đã gặp may là ở khá xa khoa kinh tế, để chỉ còn nhìn thấy hiện tượng là: một ngôi nhà có thể được trả dần làm nhiều lần bằng tổng số tiền thuê nhà. Vì chúng ta nghĩ và nói theo kiểu những nhà pháp luật học, nên chúng ta dùng tiêu chuẩn của pháp quyền, tiêu chuẩn của công lý mà xem xét hiện tượng đó, và chúng ta thấy rằng nó *bất công,* nó không thích hợp với "quan niệm về công lý của cách mạng", (như thế có nghĩa là gì?) và do đó, lý do pháp quyền là không có giá trị. Ngoài ra, chúng ta còn thấy rằng đối với tư bản sinh lợi và đối với đất đai nông nghiệp cho thuê thì cũng đều như vậy; và bây giờ, chúng ta đã có lý do để xếp những loại quyền sở hữu đó sang một bên và khảo sát chúng một cách đặc biệt. Việc khảo sát đặc biệt đó đòi hỏi: 1. tước bỏ của người sở hữu cái quyền đuổi người thuê, tức là tước bỏ quyền được đòi lại tài sản; 2. để cho người thuê, người vay nợ hay người tá điền được hưởng không cái đã trao cho anh ta và không thuộc quyền sở hữu của anh ta; 3. trả tiền dần cho sở hữu trong những kỳ hạn dài và không trả lãi. Như vậy là về mặt này, chúng ta đã nói hết những "nguyên lý" của Pru-đông. Chính đó là sự "thanh toán xã hội" của ông ta.

Luôn tiện xin nói thêm: rõ ràng là toàn bộ kế hoạch cải lương đó gần như chỉ hoàn toàn có lợi cho những người tiểu tư sản và những người tiểu nông, vì nó *củng cố* địa vị xã hội của những người đó. Ở đây, anh "tiểu tư sản Pru-đông", nhân vật thần thoại đó theo con mắt của Muyn-béc-gơ, bỗng nhiên lại có một tính hiện thực lịch sử hoàn toàn cụ thể.

Muyn-béc-gơ nói tiếp:

"Nếu, sau Pru-đông, tôi nói rằng sinh hoạt kinh tế phải thấm nhuần một *quan niệm về công lý* thì như thế là tôi *miêu tả* xã hội hiện tại là một xã hội không có quan niệm về pháp quyền của cách mạng chứ không phải là thiếu hẳn mọi quan niệm về pháp quyền, một sự thật mà chính bản thân Ăng-ghen cũng sẽ phải thừa nhận".

Tiếc rằng tôi không thể làm cho Muyn-béc-gơ hài lòng như thế được. Ông ta yêu cầu là xã hội *nên* thấm nhuần một quan niệm về công lý và ông ta gọi đó là một sự miêu tả. Nếu tòa án phái mõ tòa đến buộc tôi phải trả một món nợ thì theo lời như Muyn-béc-gơ, như thế là tòa án chỉ làm cái việc là *miêu tả* tôi là một người không trả nợ mà thôi! Miêu tả là một việc, đòi hỏi lại là một việc khác. Sự khác nhau chủ yếu giữa Pru-đông và chủ nghĩa xã hội khoa học Đức chính là ở chỗ đó. Chúng tôi miêu tả - và bất chấp ý kiến của Muyn-béc-gơ, mọi sự miêu tả chân thật đều là một sự giải thích những quan hệ kinh tế y như chúng đang tồn tại và cách chúng phát triển, và chúng tôi chứng minh thật chặt chẽ về mặt kinh tế rằng sự phát triển của những quan hệ kinh tế, đồng thời cũng là sự phát triển của những nhân tố của một cuộc cách mạng xã hội: một mặt là sự phát triển của một giai cấp, giai cấp vô sản mà hoàn cảnh sinh hoạt tất nhiên sẽ đẩy đến cách mạng xã hội; mặt khác, là sự phát triển của những lực lượng sản xuất, là những lực lượng nhất định phải làm nổ tung cái khuôn khổ của xã hội tư bản chủ nghĩa, vì cái khuôn khổ này đã trở thành quá chật hẹp đối với chúng, và là những lực lượng đồng thời cung cấp những thủ đoạn để vĩnh viễn thủ tiêu những sự phân biệt giai cấp, vì lợi ích của bản thân sự tiến bộ xã hội. Trái lại, Pru-đông đòi hỏi xã hội hiện tại phải tự cải biến, không phải theo những quy luật phát triển kinh tế riêng của xã hội, mà là theo những quy định của chính nghĩa ("*quan niệm* pháp quyền" không phải của ông ta, mà là của

Muyn-béc-gơ). Ở chỗ nào mà chúng ta đưa ra những bằng chứng thì ở chỗ đó Pru-đông, và cả Muyn-béc-gơ, *thuyết giáo* và than vãn.

"Quan niệm pháp quyền của cách mạng" là cái gì, điều đó đối với tôi vẫn còn là một điều bí ẩn. Đúng là coi "cuộc cách mạng" là một thứ thần linh thể hiện và thi hành "công lý" của ông ta, nhưng đồng thời ông ta phạm một sai lầm lạ kỳ là đã lẫn lộn cuộc Cách mạng tư sản 1789-1794 với cuộc Cách mạng vô sản tương lai. Trong hầu hết những tác phẩm của ông ta, nhất là từ năm 1848 trở đi, đều thấy có sự lẫn lộn như thế; tôi chỉ xin nêu lên làm ví dụ cuốn "Tư tưởng chung của cách mạng" (xuất bản năm 1866, tr.39-40)[250]. Tuy nhiên, vì khi nói đến Pru-đông thì Muyn-béc-gơ từ chối không nhận trách nhiệm, dù trách nhiệm đó như thế nào đi nữa, cho nên tôi không thể xuất phát từ Pru-đông để giải thích "quan niệm về công lý của cách mạng" và do đó tôi vẫn hoàn toàn ở trong vòng tối tăm.

Muyn-béc-gơ nói tiếp:

> "Nhưng cả Pru-đông và tôi, chẳng ai kêu gọi đến "công lý vĩnh cửu" để *giải thích* những tình trạng bất công hiện nay, hoặc - như Ăng-ghen đã gán cho tôi - để mong rằng lời kêu gọi đó sửa chữa những tình trạng bất công đó".

Chắc chắn là Muyn-béc-gơ cũng dựa vào sự thật là "ở Đức có thể nói là hoàn toàn không có ai biết đến Pru-đông. Trong tất cả mọi tác phẩm của mình, Pru-đông đều dùng "công lý" làm tiêu chuẩn để xem xét mọi nguyên tắc xã hội, pháp quyền, chính trị, tôn giáo[1*], và ông ta thừa nhận hay bác bỏ những nguyên tắc ấy tùy theo những nguyên tắc ấy có phù hợp hay không phù hợp với cái mà ông ta gọi là "công lý". Trong cuốn "Mâu thuẫn kinh tế"[251], công lý đó còn được gọi là "công lý vĩnh cửu". Sau này, tính vĩnh cửu không được nói đến nữa, nhưng vẫn còn tồn tại trong thực tế. Chẳng hạn như trong cuốn"Bàn về công lý trong cách mạng và trong giáo hội" (xuất bản năm 1858)[252], đoạn sau đây là nội dung của toàn bộ thuyết giáo gồm 3 tập (tập I, tr.41):

[1*] Trên tờ "Volksstaat", thay cho những chữ "mọi nguyên tắc xã hội, pháp quyền, chính trị, tôn giáo" là những chữ: "mọi điều kiện xã hội, pháp quyền, chính trị. mọi nguyên tắc lý luận, triết học, tôn giáo".

> "Nguyên lý nào là nguyên lý cơ bản, nguyên lý có tính chất hữu cơ, có tính chất điều tiết, tối cao của các xã hội, nguyên lý, do chi phối mọi nguyên lý khác, nên chỉ đạo, bảo hộ, đẩy lùi sửa chữa, và thậm chí, khi cần thiết bóp chết những nhân tố phản nghịch?... Có phải là tôn giáo, lý tưởng, *lợi ích* không?... Theo tôi thì nguyên lý đó là *công lý,* - Công lý là gì? *Nó chính là bản chất của loài người.* Từ khi khai thiên lập địa đến nay, nó là cái gì? Chẳng là cái gì cả. - Nó sẽ phải là cái gì? Tất cả".

Một công lý, với tư cách là bản chất của loài người, là cái gì, nếu không phải là công lý *vĩnh cửu.* Công lý, với tư cách là nguyên lý cơ bản, có tính chất hữu cơ, có tính chất điều tiết tối cao của xã hội, và tuy vậy, từ trước đến náy vẫn chưa là cái gì cả, nhưng lại phải là tất cả, là cái gì, nếu không phải là tiêu chuẩn dùng để xem xét tất cả những sự việc của loài người, nếu không phải là trọng tài tối cao mà người ta phải viện đến trong tất cả mọi cuộc tranh chấp? Đã có bao giờ tôi nói điều gì khác điều này chưa: Pru-đông giấu cái dốt và sự bất lực về kinh tế của ông ta, khi ông ta xem xét mọi quan hệ kinh tế không phải căn cứ vào những quy luật kinh tế, mà căn cứ vào chỗ xem những quan hệ kinh tế đó có phù hợp hay không phù hợp với quan niệm về công ty vĩnh cửu của ông ta? Và Muyn-béc-gơ khác Pru-đông ở chỗ nào khi ông ta đòi rằng: "tất cả những cuộc biến đổi trong xã hội hiện đại... phải thấm nhuần một *quan niệm về công lý,* nghĩa là ở khắp mọi nơi, những cuộc biến đổi ấy đều phải được thực hiện theo những *yêu cầu nghiêm ngặt của công lý?"* Phải chăng là tôi không biết đọc, hay là Muyn-béc-gơ không biết viết?

Muyn-béc-gơ nói tiếp:

> "Hoàn toàn cũng như Mác và Ăng-ghen, Pru-đông biết rằng động cơ thật sự của xã hội loài người là những quan hệ kinh tế chứ không phải là những quan hệ pháp

quyền: ông ta cũng biết rằng những quan niệm của một dân tộc về công lý chỉ là biểu hiện, hình ảnh, sản phẩm của những quan hệ kinh tế, đặc biệt là của những quan hệ sản xuất... Tóm lại, đối với Pru-đông, công lý là một sản phẩm kinh tế đã trở thành sản phẩm của lịch sử".

Nếu Pru-đông biết tất cả những điều đó (tôi sẽ không nhấn mạnh những thuật ngữ khó hiểu của Muyn-béc-gơ làm gì mà sẽ chỉ nói đến những thiên ý của ông ta)... nếu "cũng hoàn toàn như Mác và Ăng-ghen", Pru-đông biết hết tất cả mọi điều đó, thì hà tất chúng ta lại còn phải tranh luận với nhau làm gì? Nhưng, chính cái điều mà Pru-đông biết cũng hơi khác một chút. Những quan hệ kinh tế của một xã hội nhất định nào đó biểu hiện trước hết dưới hình thức lợi ích. Song, trong đoạn trích dẫn trên kia trong tác phẩm chủ yếu của ông ta, Pru-đông dùng những lời chính xác để nói với chúng ta rằng "nguyên lý cơ bản, có tính chất điều tiết, hữu cơ, tối cao của xã hội, chi phối mọi nguyên lý khác" không phải là *lợi ích,* mà là *công lý.* Và ông ta nhắc lại điều đó trong tất cả những đoạn quan trọng của mọi tác phẩm của ông ta. Điều đó không ngăn cản Muyn-béc-gơ tiếp tục nói rằng:

> "... quan niệm về công lý kinh tế, như Pru-đông đã phát triển hết sức sâu sắc trong cuốn "Chiến tranh và hòa bình", là hoàn toàn ăn khớp với những quan điểm cơ bản của Lát-xan, những quan điểm mà Lát-xan đã trình bày rất rõ ràng trong lời tựa viết cho cuốn "Hệ thống những quyền đã đạt được"".

Cuốn "Chiến tranh và hòa bình[253] có lẽ là tác phẩm ấu trĩ nhất trong số rất nhiều tác phẩm ấu trĩ của Pru-đông: vô luận thế nào tôi cũng không hy vọng có thể dùng cuốn ấy để chứng minh cái gọi là sự hiểu biết của Pru-đông về quan điểm duy vật của Đức về lịch sử là quan điểm dùng những điều kiện sinh hoạt vật chất, những điều kiện kinh tế của một thời kỳ lịch sử nhất định để giải thích tất cả những sự biến và những khái niệm lịch sử, chính trị, triết học, tôn giáo. Cuốn sách đó ít có tính chất duy vật đến nỗi ông ta không thể nào xây dựng nổi quan điểm của mình về chiến tranh, mà không phải cần cứu đến *đấng tạo hóa*.

"Vả lại, đấng tạo hóa cũng có những lý do để lựa chọn cho chúng ta cái phương thức sinh hoạt đó" (tập II, tr.100 của lần xuất bản năm 1869).

Việc ông ta tin tưởng có sự tồn tại lịch sử của thời đại hoàng kim, đã chứng tỏ sự hiểu biết của ông ta về lịch sử như thế nào, sự hiểu biết mà ông ta đã dùng làm chỗ dựa để viết cuốn sách của ông ta:

"Ban đầu, khi loài người còn thưa thớt trên trái đất, giới tự nhiên đã thỏa mãn những nhu cầu của họ một cách dễ dàng. Đó là thời đại hoàng kim, thời đại phong phú và hòa bình" (cũng tác phẩm đó, tr.102).

Quan điểm kinh tế của ông ta là quan điểm của chủ nghĩa Man-tút thô sơ nhất:

"Nếu sản xuất tăng lên gấp đôi thì rồi dân cư cũng sẽ tăng lên gấp đôi" (tr.106).

Như vậy, chủ nghĩa duy vật của tác phẩm đó là ở chỗ nào? Ở quan điểm cho rằng từ trước đến nay, "sự bần cùng hóa" bao giờ cũng vẫn là nguyên nhân gây ra chiến tranh (ví dụ tr.143). Chú Brê-xích thật cũng là một nhà duy vật tuyệt diệu chẳng kém, khi chú điềm tĩnh đọc trong bài diễn văn năm 1848 những lời rắn rỏi sau đây: "Sự nghèo nàn cực độ là nguyên nhân của sự pauvreté[1*] cực độ".

Cuốn "Hệ thống những quyền đã đạt được"[254] của Lát-xan không những bị tiêm nhiễm ảo tưởng của nhà luật học, mà cũng còn bị tiêm nhiễm ảo tưởng của phái Hê-ghen già nữa. Ông ta tuyên bố rất rõ ràng (tr.VII) rằng "*về mặt kinh tế*" cũng thế, "khái niệm về quyền đã đạt được là nguồn động lực của mọi sự phát triển sau này". Ông ta muốn chứng minh rằng "pháp quyền là một cơ thể hợp lý, phát triển *từ bản thân nó*" (như vậy là không phải từ những điều kiện kinh tế tiên quyết) (tr.XI); đối với ông ta, vấn đề không phải là chứng minh rằng pháp quyền bắt nguồn từ những quan hệ kinh tế, mà bắt nguồn từ "bản thân khái niệm về ý chí, triết học pháp quyền chỉ là sự phát triển và sự phản ánh của khái niệm đó mà thôi" (tr.XII). Như vậy thì cuốn sách đó có tác dụng gì đây? Pru-đông và Lát-xan chỉ khác nhau ở mỗi một điểm: Lát-xan là nhà luật học thực sự và là người thực sự theo phái Hê-ghen; còn Pru-đông thì, về mặt pháp luật và mặt triết học, cũng như về nhiều mặt khác, chỉ hoàn toàn là một tay tài tử mà thôi.

[1*] - khốn cùng

Không phải là tôi không biết rằng Pru-đông, con người không ngừng mâu thuẫn với bản thân, có lúc đã phát biểu đây đó một vài ý kiến khiến người ta có cảm tưởng rằng ông ta đã căn cứ vào sự việc để giải thích các quan niệm. Những ý kiến cá biệt ấy hoàn toàn không có quan hệ gì với khuynh hướng cơ bản trong tư tưởng của ông ta; hơn nữa, khi những ý kiến ấy xuất hiện thì đó là những ý kiến cực kỳ mơ hồ và không lô-gích.

Ở một giai đoạn rất cổ sơ nào đấy của sự phát triển của xã hội, người ta thấy phát sinh nhu cầu phải tập hợp, dưới một quy tắc chung, những hành vi sản xuất, phân phối và trao đổi sản phẩm, những hành vi này cứ tái diễn hàng ngày, và phải làm thế nào để mọi người phải phục tùng những điều kiện chung của sản xuất và trao đổi. Quy tắc đó, thoạt tiên là thói quen, sau đó trở thành *pháp luật*. Có pháp luật, thì những cơ quan có nhiệm vụ duy trì pháp luật đó tất phải xuất hiện: quyền lực công cộng, tức là nhà nước. Trong tiến trình phát triển sau này của xã hội, pháp luật phát triển thành một việc lập pháp ít nhiều rộng rãi. Việc lập pháp càng phức tạp bao nhiêu, thì thuật ngữ của nó càng xa rời thuật ngữ biểu hiện những điều kiện kinh tế thông thường của xã hội bấy nhiêu. Lúc đó, việc lập pháp ấy xuất hiện như một nhân tố độc lập mà lý do tồn tại và cơ sở của sự tiến triển sau này của nó không xuất phát từ những điều kiện kinh tế, mà từ chính những nguyên nhân sâu sắc của bản thân nó hay có thể nói là từ "khái niệm về ý chí". Người ta quên rằng pháp quyền của người ta bắt nguồn từ những điều kiện sinh hoạt kinh tế của người ta, chẳng khác nào người ta đã quên rằng bản thân người ta là từ ở giới động vật mà ra. Cùng với việc lập pháp phát triển thành một tổng thể phức tạp và rộng rãi, sự phân công mới trong xã hội cũng trở thành tất yếu; một đẳng cấp những nhà luật học chuyên nghiệp hình thành và đồng thời khoa luật học cũng ra đời. Trong quá trình phát triển, khoa luật học so sánh những hệ thống pháp luật của các dân tộc và của các thời đại, hoàn toàn không coi những hệ thống pháp luật đó là hình ảnh của những quan hệ kinh tế trong giai đoạn đương thời, mà coi đó là những hệ thống có lý do tồn tại trong ngay bản thân nó. Song, sự so sánh giả định một nhân tố chung; những nhà luật học làm cho nhân tố đó xuất hiện bằng cách lấy những nét ít nhiều có tính chất chung trong tất cả những hệ thống đó mà lập ra *pháp quyền tự nhiên*. Và tiêu chuẩn dùng để xét xem cái gì là pháp quyền tự nhiên và cái gì không phải là pháp quyền tự nhiên, lại chính là sự biểu hiện hết sức trừu tượng của bản thân pháp quyền, tức là *công lý*. Từ lúc đó, đối với những nhà luật học và những người tin lời họ nói, thì sự phát triển của pháp quyền chỉ còn là sự cố gắng nhằm luôn luôn làm cho điều kiện sinh hoạt của loài người, trong biểu hiện pháp quyền của nó, tiến gần tới lý tưởng của công lý, của công lý *vĩnh cửu*. Và công lý luôn luôn chỉ là biểu hiện trên lĩnh vực quan niệm và siêu hình, của những điều kiện kinh tế hiện có, khi thì về phương diện bảo thủ, khi thì về phương diện cách mạng của những điều kiện kinh tế đó. Công lý của người Hy Lạp và người La Mã cho rằng chế độ nô lệ là công bằng: công lý của những nhà tư sản năm 1789 đòi hỏi thủ tiêu chế độ phong kiến, vì chế độ ấy không công bằng. Đối với những địa chủ - quý tộc Phổ thì ngay cả cái sắc lệnh đáng ghét về việc tổ chức các khu cũng là một sự vi phạm công lý vĩnh cửu. Do đó, khái niệm về công lý vĩnh cửu biến đổi, chẳng những cùng với thời gian và không gian, mà cả cùng với bản thân con người nữa. Như Muyn-béc-gơ nhận xét rất đúng, những khái niệm đó là một bộ phận của những sự vật mà "mỗi người hiểu một cách". Trong sinh hoạt hàng ngày, vì những quan hệ mà người ta cần nhận xét là những quan hệ giản đơn, nên những từ ngữ như công bằng, không công bằng, công lý, ý thức về pháp quyền, đều được chấp nhận mà không dẫn tới sự hiểu lầm nào cả, ngay cả khi những từ ngữ đó được áp dụng vào những hiện tượng xã hội: còn trong việc nghiên cứu khoa học về những quan hệ kinh tế, thì như chúng ta đã thấy, những từ ngữ đó gây ra cũng một sự lẫn lộn tai hại như sự lẫn lộn đã xảy ra hiện nay trong hóa học chẳng hạn, nếu người ta muốn giữ lại cái thuật ngữ của thuyết phlô-gi-xtông. Sự lẫn lộn lại càng nghiêm trọng hơn nữa khi người ta tin, như Pru-đông, vào cái phlô-gi-xtông xã hội ấy, tức là "công lý", hay khi người ta khẳng định, như Muyn-béc-gơ, rằng thuyết phlô-gi-xtông và thuyết ô-xy đều có căn cứ như nhau1).

III

Ngoài ra, Muyn-béc-gơ còn phàn nàn rằng tôi đã gọi bài công kích "khoa trương" của ông ta là một lời oán thán phản động; trong bài đó, ông ta nói rằng:

---

1) Trước khi tìm ra ô-xy, những nhà hóa học giải thích hiện tượng những vật thể cháy trong không khí bằng cách giả định có một nhiên tố đặc biệt, là phlô-gi-xtông (phlogiston): khi vật thể bị đốt cháy thì nhiên tố này thoát ra. Vì thấy rằng những vật thể giản đơn khi bị đốt cháy, lại cân nặng hơn khi chưa bị đốt, các nhà hóa học giải thích rằng chất phlô-gi-xtông có một trọng lượng âm tính, do đó một vật thể không có chất phlô-gi-xtông cân nặng hơn một vật thể có chất phlô-gi-xtông. Thế là óc tưởng tượng đã gán dần dần cho chất phlô-gi-xtông những đặc tính của ô-xy, nhưng theo chiều *ngược lại*. Sự phát hiện rằng hiện tượng cháy là sự hỗn hợp những vật thể đang cháy với một vật thể khác tức là ô-xy, và sự chế tạo ô-xy đã chấm dứt giả thuyết đó, nhưng chỉ là sau một cuộc kháng cự lâu dài của các nhà hóa học nhiều tuổi hơn.

"Đối với toàn bộ nền văn minh của thế kỷ được ca tụng biết bao của chúng ta, không có điều nhạo báng nào mà lại ghê gớm hơn sự thật này: trong những thành phố lớn, 90% dân cư và thậm chí nhiều hơn nữa, không có lấy một chỗ ở nào khả dĩ coi là sở hữu của họ được".

Thật vậy, nếu Muyn-béc-gơ chỉ miêu tả "thảm trạng của thời đại hiện nay", như ông ta cho là như thế, - thì chắc chắn là tôi đã không chê bai "ông ta cũng như những bài diễn văn khiêm tốn của ông ta". Nhưng việc làm của ông ta lại hoàn toàn khác hẳn. Ông ta miêu tả "thảm trạng" đó như là *kết quả* của tình trạng những người lao động *"không có lấy một chỗ ở nào khả dĩ coi là sở hữu của họ"*. Cứ để cho người ta phàn nàn rằng "thảm trạng của thời đại hiện nay" là do chỗ quyền sở hữu của công nhân về ngôi nhà của họ đã bị xóa bỏ, hoặc như những quý tộc nông thôn đã phàn nàn rằng do chỗ chế độ phong kiến và những phường hội đã bị thủ tiêu: trong hai trường hợp, kết quả chỉ là một lời oán thán phản động, một lời than vãn về sự phát sinh ra điều không thể tránh được, là tất yếu trong lịch sử. Điều phản động, chính là muốn,như Muyn-béc-gơ, phục hồi lại cho công nhân quyền sở hữu cá nhân một ngôi nhà: một vấn đề mà lịch sử đã xóa bỏ từ lâu; là không thể nghĩ ra cách nào khác để giải phóng những người lao động, ngoài cái cách làm cho mỗi người lao động lại trở thành người sở hữu một ngôi nhà.

Ông ta nói tiếp:

"Tôi khẳng định kiên quyết rằng cuộc đấu tranh thực sự là cuộc đấu tranh để chống lại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Và *chỉ có thay đổi phương thức sản xuất đó* thì mới có thể hy vọng cải thiện được những điều kiện về nhà ở. Ăng-ghen không thấy tí gì về tất cả điều đó... Tôi giả định là toàn bộ vấn đề xã hội đã được giải quyết xong trước khi có thể đề cập đến vấn đề mua lại nhà ở".

Tiếc rằng mãi đến ngay nay, tôi cũng vẫn chưa thấy một tý gì về tất cả điều đó. Tuy nhiên tôi không thể đoán được điều giả định của một người không quen biết mà thậm chí tôi không biết tên nữa. Tôi chỉ có thể căn cứ vào những bài báo đã đăng của Muyn-béc-gơ thôi. Và mãi đến ngày nay, tôi cũng vẫn thấy rằng (tr.15 và 16 của lần xuất bản thành sách riêng) trước khi có thể đề cập đến vấn đề mua lại nhà ở, ông ta không giả định cái gì khác... ngoài chính bản thân nhà ở ra. Chỉ ở trang 17, ông ta mới tấn công "kiên quyết vào năng suất của tư bản", một vấn đề mà chúng ta sẽ lại bàn đến sau này. Và ngay bài trả lời của ông ta cũng đã xác nhận điều đó, khi ông ta nói:

> "Vấn đề lúc đó chính là chứng tỏ xem, *xuất phát từ hoàn cảnh hiện có,* người ta có thể cải biến hoàn toàn vấn đề nhà ở như thế nào".

"Xuất phát từ hoàn cảnh hiện có" và "xuất phát từ việc thay đổi" (tức là: xóa bỏ) phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: dù sao đó cũng là hai điều hoàn toàn khác nhau.

Không đáng lấy làm ngạc nhiên rằng Muyn-béc-gơ than phiền khi tôi thấy rằng những ý đồ từ thiện của các ông Đôn-phu-xơ và của các chủ công xưởng khác muốn giúp cho những người lao động có được nhà ở, là khả năng thực tế duy nhất để thực hiện những kế hoạch kiểu Pru-đông của ông ta. Nếu ông ta có thể thấy được rằng kế hoạch của Pru-đông nhằm cứu vớt xã hội là một ảo tưởng hoàn toàn dựa trên cơ sở xã hội *tư sản,* thì tự nhiên là ông ta sẽ không tin ở kế hoạch đó. Chưa bao giờ và chẳng có chỗ nào mà tôi lại nghi ngờ thiện ý của ông ta cả. Nhưng tại sao ông ta lại ca ngợi tiến sĩ Rê-sau-rơ là đã đề nghị Hội đồng thành phố Viên phỏng theo kế hoạch Đôn-phu-xơ?

Muyn-béc-gơ lại tuyên bố:

> "Đặc biệt là đối với sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, ý nghĩ muốn tiêu diệt sự đối lập đó chỉ là một ảo tưởng. Sự đối lập đó là một sự đối lập tự nhiên, hay nói cho chính xác hơn: sự đối lập đó đã nảy sinh ra trong quá trình lịch sử... Vấn đề không phải là *xóa bỏ* sự đối lập, mà chính là phải phát hiện ra những hình thức chính trị và xã hội khả dĩ làm cho sự đối lập ấy *trở nên vô hại* và thậm chí trở nên *có lợi* nữa. Có như thế thì người ta mới có thể hy vọng điều hòa lợi ích một cách hòa bình, dung hòa dần dần những lợi ích đó".

Do đó, xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn là một ảo tưởng, *vì* sự đối lập đó là một sự đối lập tự nhiên, hay nói cho chính xác hơn: vì sự đối lập đó đã nảy sinh ra trong quá trình lịch sử. Hãy áp dụng cái lô-gích đó vào những sự đối lập khác trong xã hội hiện tại và xét xem nó đưa chúng ta đến đâu. Chẳng hạn:

"Đặc biệt là đối với sự đối lập giữa" bọn tư bản và công nhân làm thuê", ý nghĩ muốn tiêu diệt sự đối lập đó chỉ là một ảo tưởng. Sự đối lập đó là một sự đối lập tự nhiên, hay nói cho chính xác hơn: sự đối lập đó đã nảy sinh ra trong quá trình lịch sử. Vấn đề không phải là *xóa bỏ* sự đối lập, mà chính là phải phát hiện ra những hình thức chính trị và xã hội khả dĩ làm cho sự đối lập ấy *trở nên vô hại* và thậm chí trở nên *có lợi* nữa. Có như thế thì người ta mới có thể hy vọng điều hòa lợi ích một cách hòa bình, dung hòa dần dần những lợi ích đó".

Thế là chúng ta lại trở về với Sun-txơ Đê-lít-xơ.

Xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn không phải là một ảo tưởng, chẳng khác gì xóa bỏ sự đối lập giữa bọn tư bản và công nhân làm thuê cũng không phải là một ảo tưởng. Sự xóa bỏ đó ngày càng trở thành yêu cầu thực tế của sản xuất công nghiệp cũng như của sản xuất nông nghiệp. Không có ai đã đòi hỏi điều đó kịch liệt hơn Li-bích trong những tác phẩm về hóa học nông nghiệp của ông ta, những tác phẩm trong đó ông ta đòi hỏi trước hết và luôn luôn rằng người ta phải hoàn lại cho đất những cái gì đã nhận được của đất, và chứng minh rằng sự tồn tại của các thành phố, đặc biệt là của các thành phố lớn, đã cản trở điều đó. Khi người ta thấy rằng ở đây, chỉ riêng ở Luân Đôn thôi, hàng ngày người ta đã chi phí rất nhiều để đổ xuống biển một số phân bón tự nhiên nhiều gấp bội số phân bón mà toàn bộ vương quốc Dắc-den có thể sản xuất ra, và khi người ta thấy rằng phải có những kiến trúc đồ sộ đến như thế nào, mới giữ được cho toàn thành phố Luân Đôn khỏi bị những phân bón đó đầu độc, thì lúc đó điều không tưởng là xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn sẽ có một cơ sở cực kỳ thực tế. Bản thân Béc-lin, tương đối không lớn lắm, cũng ngột thở giữa những đống rác rưởi của chính mình từ ít nhất là ba mươi năm nay. Mặt khác, thật là hoàn toàn ảo tưởng nếu muốn như Pru-đông, là đảo lộn xã hội tư sản hiện tại mà vẫn giữ lại y nguyên người nông dân hiện nay. Giả định là đã thực hiện được xong xuôi việc xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa rồi, thì lúc đó chỉ có phân phối hết sức đều dân cư trong cả nước và kết hợp chặt chẽ sản xuất công nghiệp và sản xuất nông nghiệp, đồng thời phát triển những phương tiện giao thông lúc đó trở thành cần thiết, chỉ có làm như thế mới có thể kéo dân cư nông thôn ra khỏi tình trạng cô lập và ngu muội, trong đó họ đã sống lay lắt hầu như không thay đổi từ muôn nghìn năm nay. Không tưởng không phải là ở chỗ khẳng định rằng loài người chỉ có thể được hoàn toàn giải phóng khỏi những xiềng xích do quá khứ lịch sử của họ sản sinh ra, khi mà sự đối lập giữa thành thị và nông thôn đã bị xóa bỏ; không tưởng bắt đầu từ lúc mà người ta tìm cách quy định "xuất phát từ hoàn cảnh hiện có", *hình thức* giải quyết sự đối lập này hay sự đối lập khác trong xã hội hiện tại. Và đó chính là điều mà Muyn-béc-gơ đã làm bằng cách dùng công thức kiểu Pru-đông để giải quyết vấn đề nhà ở.

Sau đó, Muyn-béc-gơ phàn nàn rằng tôi đã làm cho ông ta hầu như là phải chịu trách nhiệm về "những quan điểm kỳ quái của Pru-đông về vấn đề tư bản và lợi tức", và ông ta nói:

"Tôi giả định là *đã đạt được* việc thay đổi những quan hệ sản xuất; lúc đó thì đối tượng của pháp luật quá độ quy định tỷ suất lợi tức không phải là những quan hệ sản xuất, mà là những sự cải biến xã hội, những điều kiện giao thông... Sự thay đổi trong những quan hệ sản xuất hay, như trường phái Đức đã nói một cách chính xác hơn, sự xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, không phải là kết quả của pháp luật quá độ thủ tiêu lợi tức, như Ăng-ghen đã *gán cho tôi là đã nói như thế,* mà là kết quả của việc nhân dân lao động *thực tế chiếm hữu toàn bộ công cụ* *lao động* toàn bộ công nghiệp. Còn về việc xét xem nhân dân lao động có tán thành (!) mua lại hay tước đoạt ngay, thì cả Ăng-ghen lẫn tôi, không ai có thể quyết định được cả".

Ngạc nhiên, tôi dụi mắt xem có đọc nhầm không. Tôi đọc lại cẩn thận một lần nữa từ đầu đến cuối bản trình bày của Muyn-béc-gơ để tìm ra cái đoạn trong đó ông ta nói rằng khi ông ta nói mua lại nhà ở là ông ta giả định rằng việc "nhân dân lao động thực tế chiếm hữu toàn bộ công cụ lao động, toàn bộ công nghiệp" đã hoàn thành rồi. Tôi không thấy có đoạn đó. Không có đoạn ấy. Tuyệt nhiên không phải là vấn đề "thực tế chiếm hữu", v.v.. Trái lại, ở trang 17 có nói:

> "Vậy thì chúng tôi giả định rằng người ta *tấn công kiên quyết* vào năng suất của tư bản, - điều đó sớm hay muộn nhất định cũng sẽ xảy ra, - chẳng hạn bằng cách ban hành một *đạo luật quá độ quy định lợi tức* của tất cả mọi tư bản là 1%, với xu hướng - chúng ta hãy nhớ kỹ điều này - làm cho lợi tức đó ngày càng nhích lại gần con số không... Như mọi sản phẩm khác, ngôi nhà và chỗ ở đều sẽ do đạo luật đó chi phối... Như vậy, theo quan điểm ấy, chúng ta thấy rằng việc mua lại nhà ở sẽ là *kết quả tất nhiên của việc xóa bỏ năng suất của tư bản nói chung".*

Thế là ở đây, và hoàn toàn mâu thuẫn với cách nói gần đây của mình, Muyn-béc-gơ đã nói rành mạch với chúng ta rằng: đạo luật nhằm xóa bỏ lợi tức quả là "sẽ kiên quyết tấn công" vào năng suất của tư bản - thuật ngữ mơ hồ mà theo lời ông ta, ông ta đã dùng để chỉ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa -, và chính do luật pháp đó mà "việc mua lại nhà ở sẽ là kết quả tất nhiên của việc xóa bỏ năng suất của tư bản nói chung". Bây giờ Muyn-béc-gơ lại khẳng định rằng hoàn toàn không phải như thế. "Đối tượng" của luật pháp quá độ đó "không phải là những *quan hệ sản xuất,* mà là những điều kiện *lưu thông".* Trước một sự mâu thuẫn hoàn toàn như thế, mâu thuẫn mà Gơ-tơ coi là một "điều cũng huyền bí đối với người khôn cũng như đối với người điên[255]", tôi chỉ còn có cách là thừa nhận rằng tôi đang đứng trước hai Muyn-béc-gơ hoàn toàn khác nhau, một người thì phàn nàn có lý rằng tôi đã "gán một cách sai lầm" cho người đó là đã nói điều mà người kia cho đăng lên báo.

Hoàn toàn đúng là nhân dân lao động, khi đã thực tế chiếm hữu rồi, sẽ không hỏi tôi, mà cũng sẽ không hỏi Muyn-béc-gơ để xét xem họ "sẽ tán thành mua lại hay tước đoạt ngay". Đại khái, họ sẽ cho rằng tốt hơn hết là không "tán thành" gì cả. Nhưng ở đây, vấn đề tuyệt nhiên không phải là nhân dân lao động thực tế chiếm hữu tất cả những công cụ lao động, mà chỉ là Muyn-béc-gơ khẳng định rằng "toàn bộ giải pháp của vấn đề nhà ở là nằm trong danh từ *chuộc lại"*. Nếu bây giờ ông ta tuyên bố rằng việc chuộc lại ấy là vô cùng không chắc chắn thì cả hai chúng ta, cũng như độc giả của chúng ta, bất tất phải khó nhọc như thế?

Ngoài ra, cần phải nhận thấy rằng việc nhân dân lao động "thực tế chiếm hữu" tất cả những công cụ lao động toàn bộ công nghiệp, là điều trái ngược hẳn với việc "chuộc lại" theo kiểu Pru-đông. Theo cách giải quyết sau thì *mỗi công nhân* trở thành người sở hữu ngôi nhà, ấp trại, công cụ lao động của mình. Theo cách giải quyết thứ nhất thì "nhân dân lao động" vẫn là người sở hữu tập thể những ngôi nhà, nhà máy và công cụ lao động và ít ra, sau một thời kỳ quá độ, họ sẽ chẳng dễ dàng gì mà để cho cá nhân hoặc công ty tư nhân sử dụng những thứ đó mà không đòi trả tiền phí tổn. Điều đó cũng đúng y như xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất không phải là xóa bỏ địa tô, mà là chuyển nó cho xã hội, dù là dưới một hình thức đã cải biến. Do đó, việc nhân dân lao động thực tế chiếm hữu mọi công cụ lao động tuyệt nhiên không hề loại bỏ việc duy trì chế độ thuê và cho thuê nhà ở.

Nói chung, vấn đề không phải là xét xem khi giai cấp vô sản đã lên nắm chính quyền rồi, thì có phải là họ sẽ đơn thuần dùng bạo lực để chiếm đoạt những công cụ sản xuất, những nguyên liệu và những tư liệu sinh hoạt, hay là họ sẽ trả tiền ngay để lấy những thứ đó, hoặc là họ sẽ chuộc lại quyền sở hữu những thứ đó bằng cách trả tiền dần dần từng năm. Muốn trả lời trước một vấn đề như thế và trả lời cho đủ mọi trường hợp thì thật là không tưởng, tôi xin nhường việc đó lại cho những người khác.

IV

Cần phải tốn bao nhiêu là giấy mực để cuối cùng, xuyên qua những lời thoái thác và những lời quanh co của Muyn-béc-gơ, đi đến được điểm chính của vấn đề, điểm mà ông ta thận trọng tránh không đả động đến trong bài trả lời của ông ta.

Trong bản trình bày của ông ta, có những kiến giải khẳng định nào không?

Thứ nhất: "Số tiền chênh lệch giữa số tiền bỏ ra xây dựng một ngôi nhà, mua một miếng đất làm nhà, v.v., với giá trị hiện tại" của ngôi nhà, của miếng đất ấy, đứng về lý mà nói, là thuộc về xã hội. Theo ngôn ngữ kinh tế thì số tiền chênh lệch đó gọi là địa tô. Bản thân Pru-đông cũng muốn trao cái đó cho xã hội, như chúng ta có thể đọc thấy trong cuốn "Idee génerale de la Révolution", xuất bản năm 1868, tr.219.

Thứ hai: Giải pháp của vấn đề nhà ở là làm cho mỗi người thuê nhà đều trở thành người sở hữu ngôi nhà mình ở.

Thứ ba: Giải pháp đó sẽ được thi hành nhờ có một đạo luật biến tiền thuê nhà thành tiền trả góp về giá mua ngôi nhà. Những điểm 2 và 3 đều mượn của Pru-đông,như mọi người có thể thấy rõ trong cuốn "Tư tưởng chung của cách mạng", ở trang 199 và những trang tiếp theo; ở trong cuốn đó, tr.203, còn có cả dự luật tương ứng đã được thảo sẵn.

Thứ tư: Người ta kiên quyết tấn công năng suất của tư bản bằng một đạo luật quá độ tạm thời hạ thấp tỷ suất lợi tức xuống 1%, với điều kiện là sau đó còn giảm xuống nữa. Điều này cũng lại là mượn của Pru-đông, và người ta có thể đọc được điều đó rải rác trong cuốn "Idée générale", tr.182 - 186.

Về mỗi điểm ấy, tôi đều có dẫn chứng đoạn văn của Pru-đông mà Muyn-béc-gơ đã dùng làm nguyên bản để sao lại, và bây giờ thử hỏi là tôi có hay không có quyền gọi tác giả của một bài báo 100% có tính chất Pru-đông, một bài báo chỉ gồm có những quan điểm Pru-đông, là người theo phái Pru-đông? Ấy thế mà Muyn-béc-gơ chưa bao giờ lại than phiền chua chát như than phiền về cái tên gọi đó mà tôi đã tặng cho ông ta, vì tôi "đã bắt gặp một vài *câu chữ* đặc biệt của Pru-đông". Nhưng chính là trái lại. Tất cả những "*câu chữ"* đều là của Muyn-béc-gơ cả, còn *nội dung* thì lại là của Pru-đông. Sau đó, khi tôi lấy Pru-đông để bổ sung bản trình bày có tính chất Pru-đông của ông ta, thì Muyn-béc-gơ lại buộc tội tôi là đã gán một cách sai lầm cho ông ta những "tư tưởng kỳ quái" của Pru-đông.

Và bây giờ, tôi lấy gì để đối lập với kế hoạch kiểu Pru-đông đó?

Thứ nhất: chuyển giao địa tô cho nhà nước có nghĩa là xóa bỏ quyền chiếm hữu cá nhân về ruộng đất.

Thứ hai: việc chuộc lại ngôi nhà đang thuê và chuyển quyền sở hữu ngôi nhà đó vào tay người thuê nhà là người đã ở đó từ trước đến nay, việc đó không ảnh hưởng một chút nào đến phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cả.

Thứ ba: trong sự phát triển hiện nay của nền công nghiệp lớn và của những thành phố, đề nghị đó vừa là phi lý vừa là phản động; việc khôi phục lại một cách phổ biến quyền sở hữu cá nhân về nhà ở, sẽ là một bước giật lùi.

Thứ tư: việc cưỡng ép giảm hạ tỷ suất lợi tức tuyệt nhiên không đụng chạm gì đến phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; trái lại, những đạo luật về cho vay lãi chứng minh rằng đề nghị đó vừa cũ vừa không thể thực hiện được.

Thứ năm: việc xóa bỏ lợi tức của tư bản tuyệt nhiên không dẫn đến việc xóa bỏ tiền thuê nhà đối với nhà ở.

Bây giờ, Muyn-béc-gơ đã chịu nhượng bộ tôi về những điểm 2 và 4. Còn những điểm khác thì ông ta không hề đả động đến. Thế mà chính những điểm ấy lại là những điểm trọng yếu của cuộc tranh luận. Vả lại, bài trả lời của Muyn-béc-gơ tuyệt không phải là một lời bác lại; bài đó thận trọng tránh nói đến những điểm thuộc về kinh tế, tức là những điểm có ý nghĩa quyết định; đó chỉ là một bài trình bày những lời ta thán của ông ta thôi, chứ không phải là một cái gì khác cả. Do đó ông ta trách tôi là đã nói trước về cách giải quyết những vấn đề khác mà ông ta tuyên bố là có ý định bàn đến - như công trái, tiền nợ tư nhân, tín dụng, và trách tôi là đã nói rằng bất cứ ở đâu, những giải pháp đó cũng giống hệt những giải pháp về vấn đề nhà ở, rằng những giải pháp đó là xóa bỏ lợi tức, biến việc trả lợi tức thành việc trả góp tổng số tư bản và quyết định tín dụng không có lãi. Ấy thế mà, cho đến cả ngày nay nữa, tôi cũng dám nói chắc rằng nếu có ngày những bài báo của Muyn-béc-gơ ra đời thì nội dung chủ yếu của những bài đó sẽ giống hệt với cuốn "Tư tưởng chung" của Pru-đông (về tín dụng, xem tr.182; về công trái, xem tr.186; về tiền nợ tư nhân, xem tr.196), hoàn toàn như những bài về vấn đề nhà ở đã giống hệt những đoạn văn trích dẫn cũng trong tác phẩm đó.

Nhân cơ hội đó, Muyn-béc-gơ cho tôi biết rằng những vấn đề như vấn đề thuế má, công trái, tiền nợ tư nhân, tín dụng, ngày nay thì có thêm vấn đề tự trị của các công xã, đều là những vấn đề quan trọng nhất đối với nông dân và đối với việc tuyên truyền ở nông thôn. Đồng ý trên phần lớn, nhưng 1) từ trước đến nay, tuyệt nhiên chúng ta không nói đến nông dân, và 2) những "giải pháp" kiểu Pru-đông về tất cả những vấn đề đó, hoàn toàn cũng như giải pháp về vấn đề nhà ở của ông ta, đều là những giải pháp phi lý về mặt kinh tế và căn bản là tư sản. Đối với lời nói bóng gió của Muyn-béc-gơ ám chỉ rằng tôi không nhận thấy sự cần thiết phải lôi kéo nông dân vào phong trào cách mạng, thì về phần tôi, tôi chẳng cần gì phải tự bào chữa. Nhưng quả thật là tôi cho rằng vì mục đích đó mà khuyên nông dân dùng những môn thuốc vạn ứng của nhà ảo thuật Pru-đông thì thật là điên rồ. Ở Đức, hiện vẫn còn chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất. Theo luận thuyết của Pru-đông thì phải chia vụn chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất ấy ra thành những ấp trại nhỏ; trong tình trạng hiện nay của khoa học nông nghiệp và căn cứ theo những kinh nghiệm về chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ đã tiến hành ở Pháp và Đức, thì điều đó hoàn toàn là phản động. Trái lại, chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất hiện còn tồn tại sẽ là cơ sở tốt khiến cho những người lao động liên hợp có thể thực hiện nông nghiệp đại quy mô; chỉ có chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất mới có thể sử dụng tất cả những phương tiện hiện đại, máy móc, v.v., và do đó, chỉ có tiểu nông thấy được lợi ích của việc liên hợp lại để tiến hành kinh doanh đại quy mô. Về mặt này, những người xã hội chủ nghĩa Đan Mạch, tiến trước những người khác rất nhiều, đã hiểu điều đó từ lâu rồi[256].

Tôi cũng không cần gì phải tự bào chữa đối với lời trách móc bảo rằng tôi coi trình trạng nhục nhã về nhà ở của công nhân hiện tại "là một sự việc vụn vặt không đáng kể". Theo như tôi biết thì tôi là người đầu tiên đã dùng tiếng Đức để miêu tả sự phát triển điển hình của tình trạng đó, như ta thấy ở Anh; không phải vì "tình trạng đó trực tiếp làm tổn thương đến *ý thức công lý của tôi",* như Muyn-béc-gơ đã nghĩ - người nào muốn viết thành sách tất cả những cái gì làm tổn thương đều ý thức công lý của mình, thì còn phải tốn nhiều công phu mới làm nổi - mà như tôi đã nói trong lời tựa cuốn sách của tôi[257], chỉ là để đem lại cho chủ nghĩa xã hội Đức, - lúc đó đang ở bước đầu và đang lạc lõng trong một thứ văn chương ba hoa vô ích, - một cơ sở cụ thể, bằng cách miêu tả cho họ thấy hoàn cảnh xã hội do nền công nghiệp lớn hiện đại tạo ra. Còn về việc muốn giải quyết cái gọi là *vấn đề* nhà ở thì tôi ít để ý đến việc đó hơn là quan tâm tỷ mỷ đến *vấn đề lương thực* là vấn đề còn quan trọng hơn nhiều. Tôi sẽ lấy làm thỏa mãn nếu có thể chứng minh rằng trong xã hội hiện đại của chúng ta, có thể sản xuất đủ cho mọi thành viên có ăn, và có thể có nhà để cung cấp tạm thời cho quần chúng lao động một chỗ ở rộng rãi và sạch sẽ. Nhưng suy luận về cải cách mà xã hội tương lai sẽ điều tiết sự phân phối lương thực và nhà ở thì sẽ đi thẳng đến không *tưởng*. Quá lắm thì chúng ta cũng chỉ có thể, căn cứ vào sự hiểu biết của chúng ta về những điều kiện cơ bản của tất cả những phương thức sản xuất đã có từ trước đến nay, mà chứng minh rằng cùng với sự sụp đổ của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, một số hình thức nhất định về quyền chiếm hữu trong xã hội hiện tại sẽ trở thành không thể thực hiện được. Bất cứ ở đâu, bản thân những biện pháp quá độ cũng sẽ phải thích ứng với những điều kiện sẽ có trong thời gian đó; những biện pháp quá độ đó, trong các nước có chế độ chiếm hữu ít ruộng đất, sẽ căn bản khác với những biện pháp quá độ trong các nước có chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất, v.v.. Ngoài chính Muyn-béc-gơ ra thì không còn ai có thể chỉ cho chúng ta thấy rằng người ta sẽ đi đến kết quả nào khi người ta kiếm những giải pháp đơn độc cho những vấn đề gọi là thực tế, như vấn đề nhà ở; trước hết ông ta trình bày, trên 28 trang, cho chúng ta thấy là "toàn bộ cách giải quyết vấn đề nhà ở nằm gọn trong hai tiếng *chuộc lại*" như thế nào; sao đó, nếu người ta ráo riết hỏi dồn ông ta thì ông ta sẽ ấp úng ngượng ngập trả lời rằng thực ra, người ta hoàn toàn không thể biết được rằng khi đã thực tế chiếm hữu nhà ở thì "nhân dân lao động có sẽ tán thành việc chuộc lại" hơn là tán thành mọi hình thức tước đoạt khác không.

Muyn-béc-gơ yêu cầu rằng chúng ta nên *thực tế,* rằng "đứng trước hoàn cảnh hiện thực và thực tiễn" thì không nên thỏa mãn với cái việc chắp nối các công thức chết và trừu tượng, rằng nên "thoát ra khỏi chủ nghĩa xã hội trừu tượng để đề cập đến *những quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội*". Nếu Muyn-béc-gơ đã làm cái điều mà ông ta đòi hỏi đó thì có lẽ ông ta đã rất xứng đáng với phong trào công nhân. Nhưng lẽ nào bước đầu đề cập đến những quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội, lại không phải là làm quen với việc tìm hiểu và phân tích những quan hệ đó trong mối liên hệ kinh tế của chúng hay sao? Song, chúng ta đã thấy Muyn-béc-gơ nói gì về vấn đề đó? Vẻn vẹn có hai câu:

1) "Quan hệ giữa người làm thuê và nhà tư bản là hoàn toàn giống quan hệ giữa người thuê nhà và người sở hữu nhà".

Ở trang 6[1*] của lần xuất bản thành sách riêng, tôi đã chứng minh rằng khẳng định như thế là hoàn toàn sai, và Muyn-béc-gơ không kiếm được một câu nào để trả lời cả...

2) "Nhưng con bò mộng mà" (trong vấn đề cải cách xã hội) "người ta phải nắm lấy sừng, chính là *năng suất của tư bản,* gọi theo danh từ của những nhà kinh tế chính trị theo phái tự do; song năng suất của tư bản *không tồn tại trong thực tế,* nhưng *sự tồn tại tưởng tượng* của nó lại được dùng để che đậy tất cả mọi sự bất bình đẳng đang đè nặng lên xã hội hiện tại".

Do đó, con bò mộng mà người ta phải nắm lấy sừng "*không* tồn tại *trong thực tế*", và do đó, không có "sừng". Tất cả tai họa không phải là do con bò mộng đó, mà chính là do *sự tồn tại tưởng tượng* của nó mà ra. Tuy nhiên, "cái gọi là năng suất (của tư bản) có thể làm mọc lên trên mặt đất một cách thần diệu những nhà ở và thành phố", và sự tồn tại của những nhà ở và thành phố đó tuyệt nhiên không phải "chỉ có trong tưởng tượng" (tr.12). Và con người đó, con người mà bộ "Tư bản" của Mác "cũng rất quen thuộc đối với anh ta", đang nói lúng túng một cách cực kỳ mơ hồ như thế về những quan hệ giữa tư bản và lao động, con người đó lại chủ trương chỉ cho công nhân Đức thấy một con đường mới và tốt hơn, và tự cho mình là "kiến trúc sư thấy được rõ ràng toàn bộ và những nét lớn của kết cấu kiến trúc của xã hội tương lai"!

[1*] Xem tập này, tr.291.

Không có ai đã "đề cập tỉ mỉ đến những quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội hơn" là Mác trong bộ "*Tư bản*". Trong hai mươi lăm năm, ông đã nghiên cứu những quan hệ đó về đủ mọi mặt, và trong mọi trường hợp, những kết quả của sự phân tích của Mác cũng đều bao hàm những mầm mống của cái gọi là những giải pháp, cố nhiên trong chừng mực mà ngày nay những giải pháp đó có khả năng thực thiện được. Nhưng ông bạn Muyn-béc-gơ cho rằng như vậy chưa đủ; tất cả điều đó là chủ nghĩa xã hội trừu tượng, là những công thức chết và trừu tượng. Đáng lẽ nghiên cứu những "quan hệ cụ thể và nhất định của xã hội" thì ông ta lại chỉ đọc một vài pho sách của Pru-đông thôi; có thể nói là những pho sách ấy không cống hiến cho ông ta một chút gì về những quan hệ đó, mà trái lại, dạy cho ông ta những món thuộc vạn ứng cụ thể và nhất định đối với tất cả những tai họa của xã hội; thế rồi ông ta trình bày với công nhân Đức cái phương án về việc cứu vớt xã hội đó, cái *hệ thống* kiểu Pru-đông đã có sẵn rồi đó, lấy cớ là "muốn từ biệt *các hệ thống*", còn tôi, "tôi chọn con đường đối lập"! Muốn hiểu được điều đó thì phải giả định là tôi bị mù và Muyn-béc-gơ bị điếc, đến nỗi là về căn bản chúng tôi không thể hiểu nhau được.

Nhưng về vấn đề này thì nói như thế cũng khá đủ rồi. Nếu cuộc luận chiến này không thể dùng vào việc gì khác, thì ít ra nó cũng có thể dùng để cung cấp bằng cớ nói lên giá trị của cái thực tiễn của những nhà xã hội chủ nghĩa tự xưng là "thực tiễn". Ở khắp mọi nơi và bất cứ lúc nào, những đề nghị thực tế nhằm tiêu trừ tất cả những tai họa xã hội đó, những môn thuộc xã hội vạn ứng đó, cũng hoàn toàn đều là do những nhà sáng lập ra các phái trong thời kỳ mà phong trào vô sản hãy còn trong thời ấu trĩ, tưởng tượng ra. Pru-đông cũng là một trong số người đó. Trong khi phát triển, giai cấp vô sản đã nhanh chóng rũ bỏ được những tã lót của mình và đi đến chỗ thừa nhận rằng không có gì ít thực tế hơn những "giải pháp thực tế" đó, những giải pháp được xây dựng sẵn và có thể áp dụng cho đủ mọi trường hợp, và thừa nhận rằng chủ nghĩa xã hội thực tế là ở chỗ hiểu biết chính xác phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dưới tất cả mọi mặt của nó. Giai cấp vô sản hiểu biết về lĩnh vực đó, sẽ *không bao giờ* bị lúng túng trong việc xét xem, trong một trường hợp nhất định, họ sẽ phải hướng những cuộc tấn công chủ yếu của họ vào những chế độ xã hội nào và bằng cách nào.

những hành động gây chia rẽ của nhóm cải lương trong Liên chi hội Anh. Bức thư đã được ủy viên hội đồng Mít-sen đọc tại phiên họp của Hội đồng liên chi hội Anh ngày 23 tháng Chạp, được hội đồng nhất trí thông qua và được gửi cho các chi hội. – 275.

219 Để chuẩn bị cho Đại hội La Hay, Tổng Hội đồng đã thông qua nghị quyết thảo luận sơ bộ những điều khoản trong Điều lệ chung và Quy chế về tổ chức. Trong khi thảo luận, ngày 23 tháng Bảy 1872, Vai-ăng đã nêu ra đề nghị đưa vào Điều lệ nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn năm 1871 về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân. Đề nghị này được Mác và Ăng-ghen ủng hộ và được nhất trí thông qua. – 278.

220 Đây là nói tới nghị quyết "Về hoạt động chính trị" đã được nhất trí thông qua tại đại hội lần thứ nhất các chi hội Anh thuộc Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp ngày 21-22 tháng Bảy 1872 ở Nốt-tinh-hêm. Nghị quyết thừa nhận việc giai cấp công nhân cần phải tiến hành đấu tranh chính trị nhằm giải phóng họ về mặt xã hội và do đó cần phải thành lập một đảng công nhân độc lập. – 278.

221 Văn bản nghị quyết này được Ăng-ghen đưa ra và thông qua tại phiên họp của Tổng Hội đồng ngày 25 tháng Sáu 1872. – 279.

222 Đây muốn nói đến các điều khoản 6 và 7 phần II ("Tổng Hội đồng") của bản Quy chế về tổ chức (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.589-591): các điều khoản này được hình thành trên cơ sở các nghị quyết của Đại hội Ba-lơ năm 1869: "Về thể thức khai trừ các chi hội ra khỏi Hội liên hiệp" và "Về quy tắc giải quyết những xung đột giữa các chi hội của Hội liên hiệp". – 279.

223 Tác phẩm "Về vấn đề nhà ở" của Ph.Ăng-ghen gồm ba phần, mỗi phần ra đời trong quá trình Ăng-ghen luận chiến gay gắt chống lại các đề án tư sản và tiểu tư sản về việc giải quyết vấn đề nhà ở.

Phần thứ nhất trực tiếp trả lời cho những bài báo nặc danh dưới nhan đề "Vấn đề nhà ở" đăng trên tờ "Volksstaat" (các số 10, 11, 12, 13, 15 và 19 ra ngày 3, 7, 10, 14, 21 tháng Hai và 6 tháng Ba 1872); các bài này được in lại từ tờ báo công nhân Áo "Volkswilte" ("Ý dân"). Về sau mới rõ tác giả của những bài báo trên là tiến sĩ y học A.Muyn-béc-gơ, môn đồ của Pru-đông. Ngày 7 tháng

Năm 1872 Ăng-ghen viết cho Líp-nếch:

"Ngay khi có thời gian, tôi sẽ viết cho anh một bài báo về nạn khan hiếm nhà ở để đập lại những lời bịa đặt phi lý của phái Pru-đông về vấn đề này trong một loạt bài báo trên tờ "Volksstaat". Đến ngày 22 tháng Năm 1872, phần thứ nhất của tác phẩm dưới nhan đề "Pru-đông giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào?" đã được hoàn thành và đăng trên tờ "Volksstaat" các số 51, 52 và 53 ra ngày 26, 29 tháng Sáu và 3 tháng Bảy 1872.

Trong suốt tháng Mười 1872, Ăng-ghen viết phần thứ hai của tác phẩm với nhan đề "Giai cấp tư sản giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào", trong đó ông phê phán những biện pháp bác ái tư sản nhằm giải quyết vấn đề nhà ở được trình bày hết sức đầy đủ trong cuốn sách của E.Dắc-xơ "Những điều kiện cư trú của các giai cấp lao động và việc cải cách những điều kiện đó". Phần này đăng trên tờ "Volksstaat" số 103 và 104 ra ngày 25 và 28 tháng Chạp 1872 và số 2-3 ra ngày 4 và 8 tháng Giêng 1873.

Phần thứ ba tác phẩm của Ăng-ghen ra đời với tính cách là câu trả lời mới đối với Muyn-béc-gơ, người được ban biên tập tờ "Volksstaat" tạo điều kiện bác lại Ăng-ghen trên các trang báo. Ăng-ghen đã viết phần này vào tháng Giêng 1873 và nó được đăng trên tờ "Volksstaat" các số 12, 13, 15 và 16 ra ngày 8 12, 19 và 22 tháng Hai 1873 dưới nhan đề "Bàn thêm về Pru-đông và vấn đề nhà ở".

Ngay sau khi được đăng trên tờ "Volksstaat", cả ba phần tác phẩm của Ăng-ghen được nhà xuất bản "Volksstaat" ở Lai-pxích xuất bản thành tập riêng; hai phần trong số đó - "Zur Wohnungsfrage" ("Về vấn đề nhà ở") và "Zur wohnungsfrage. Zweites Heft: Wie die Bourgeoisie die Wohnungsfrage löst" ("Về vấn đề nhà ở. Tập hai: Giai cấp tư sản giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào") - xuất bản năm 1872, và phần cuối cùng - ""Zur Wohnungsfrage, Drittes Heft: Nachtrag über Proudhon und die Wohnungsfrage" ("Về vấn đề nhà ở. Tập ba: Bàn thêm về Pru-đông và vấn đề nhà ở") - xuất bản năm 1873. Phần thứ hai của tác phẩm của Ăng-ghen cũng được đăng trên tờ "Volkswille" các số tháng Giêng (số 3-9) năm 1873;

Năm 1887, tác phẩm của Ăng-ghen được tái bản dưới nhan đề "Zur Wohnungsfrage". Zweite, durchgensehene Auflage. Hottingen - Zürich, 1887 ("Về vấn đề nhà ở", xuất bản lần thứ hai có duyệt lại, Hốt-tinh-hen - Xuy-rích 1887). Khi tái bản tác phẩm này, Ăng-ghen có sửa đổi và bổ sung một số chỗ, đồng thời viết lời tựa cho tác phẩm.

Bản dịch đầy đủ tác phẩm "Về vấn đề nhà ở" của Ăng-ghen được in bằng tiếng Nga năm 1907 tại Nhà xuất bản "Tri thức". – 283.

224. Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.107 - 256. – 287.

225 C.Mác, "Tư bản", t.1 (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23). – 288.

226 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.132 - 134. – 295.

227 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.317-698, – 297.

228 Ở đây Ăng-ghen dẫn ra một cách mỉa mai đoạn trong Kinh thánh nói về "những nồi thịt của người Ai Cập". Theo truyền thuyết Kinh thánh, trong cuộc chạy trốn của những người Do Thái khỏi vòng tù hãm của người Ai Cập, những kẻ bạc nhược trong số họ, do tác động của những khó khăn trên đường đi và của cái đói, đâm ra nuối tiếc những ngày sống trong cảnh tù hãm, nơi ít ra họ cũng được ăn no. – 297.

229 *Labour Exchange Bazaar* hay *Equitable Labour Exchange Bazaars or Offices* (Chợ trao đổi công bằng các sản phẩm lao động) do các hội hợp tác xã của công nhân thành lập ở nhiều thành phố nước Anh; chợ đầu tiên theo kiểu trên do Rô-bớc Ô-oen lập ra ở Luân Đôn vào tháng Chín 1832 và tồn tại cho đến giữa năm 1834. Ở những chợ này, sản phẩm lao động được trao đổi thông qua những tờ giấy bạc do lao động quy định, mỗi đơn vị trị giá 1 giờ lao động. Những việc làm này thể hiện một ý đồ không tưởng muốn thiết lập một sự trao đổi không thông qua tiền tệ trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa - tư bản chủ nghĩa, nên đã nhanh chóng bị phá sản. – 304.

230 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.248-292. – 311.

231 Trên tờ "Volksstaat" số 53, ngày 3 tháng Bảy 1872 hai đoạn sau cùng được trình bày như sau:

"Trên đây chúng ta đã thấy rằng giá tiền thuê nhà, gọi vulgo là tiền thuê nhà, bao gồm nhiều phần khác nhau:

1) địa tô; 2) lợi nhuận của tư bản bỏ vào việc xây dựng, chứ hoàn toàn không phải là tiền lãi; 3) số tiền dùng để trả những chi phí về sửa chữa, bảo dưỡng và bảo hiểm. Phần tiền lãi của tư bản chỉ nằm trong tiền thuê nhà, khi ngôi nhà bị món nợ cầm cố đè nặng.

Và bây giờ hẳn là phải rõ ràng, ngay cả đối với người mù lòa, rằng, "chính người sở hữu nhà ở sẽ là người đầu tiên đưa tay ra thỏa thuận bán, vì nếu không thì nhà của anh ta sẽ không được sử dụng và tư bản bỏ vào đó sẽ không sinh lợi gì cả". Đương nhiên là như vậy. Nếu người ta xóa bỏ tiền lãi của mọi tư bản ứng trước, thì lúc đó, sẽ không có một người sở hữu nhà ở nào có thể nhận được một xu tiền cho thuê nhà của mình, vì cái lý do rất đơn giản là thay vì nói tiền thuê nhà, người ta cũng có thể nói tiền lãi cho thuê nhà. Một bác sĩ vẫn là một bác sĩ"...

Trong cuốn sách lẻ in phần thứ nhất tác phẩm của Ăng-ghen "Về vấn đề nhà ở" do nhà xuất bản "Volksstaat" xuất bản năm 1872, câu: "phần tiền lãi của tư bản chỉ nằm trong tiền thuê nhà, khi nào ngôi nhà bị món nợ cầm cố đè nặng" được chú thích như sau:

"Đối với nhà tư bản mua nhà có sẵn, phần giá tiền thuê nhà không bao gồm địa tô và những khoản chi phí có thể biểu hiện dưới dạng tiền lãi của tư bản. Song điều đó không hề làm cho bản thân tình hình sự việc thay đổi chút nào, cũng như bản thân người sở hữu ngôi nhà cho thuê ngôi nhà của mình, hay anh ta bán nó cho nhà tư bản khác dùng vào mục đích ấy, điều đó hoàn toàn không quan trọng.

Năm 1887, khi chuẩn bị cho lần xuất bản thứ hai tác phẩm của mình, Ăng-ghen hiệu đính lại một lần nữa cả hai đoạn trên và làm rõ thêm một số chỗ trong đó (xem Ph.Ăng-ghen. Lời tựa cho tác phẩm "Về vấn đề nhà ở", xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị, Mát-xcơ-va, 1961, t.21).

Trong tập này, hai đoạn nói trên được đăng theo lần xuất bản năm 1887. – 312.

232 Có ý nói tới cuốn sách của Pru-đông "Système de contradictions économiques, ou Philosophie de la misère", T.I-II, Paris, 1846 ("Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế hay là Triết học về sự khốn cùng". T.I-II, Pa-ri, 1846). – 315.

233 E.Sax. "Die Wohnungszustande der arbeitenden Klassen und ihre Reform". Wien, 1869. – 317.

234 *"Illustrated London News"* ("Tin họa báo Luân Đôn") - tờ họa báo Anh ra hàng tuần xuất bản từ năm 1842.

"Ueber Land und Meer" ("Qua đất liền và biển cả") - họa báo Đức ra hàng tuần, xuất bản ở Stút-gát từ năm 1858 đến năm 1923.

"Gartenlaube" - tên gọi tắt tờ tạp chí văn học Đức ra hàng ngày theo khuynh hướng tiểu tư sản "Die Gartenlaube, Illustriertes Familienblatt" ("Nhà nghỉ mát. Họa báo gia đình"), xuất bản ở Lai-pxích những năm 1853 - 1903 và ở Béc-lin những năm 1903 - 1943.

"Kladderadatsch" ("Clát-đê-ra-đát") - tạp chí tranh biếm họa ra hàng tuần ở Béc-lin từ năm 1848.

Xạ thủ Ô-guýt-xtơ Cút-scơ - bút danh của nhà thờ Đức Gốt-ghen-phơ Hốp-man, tác giả khúc quân ca mang tư tưởng dân tộc chủ nghĩa trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ 1870 - 1871. – 318.

235 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.606-607. – 319.

236 Trích diễn văn của Han-dơ-man tại phiên họp của Nghị viện bang liên hợp khóa 1 ngày 8 tháng Sáu 1847. "Prefens Erster Reichstag". Th.I, Berlin, 1847, S.55 ("Quốc hội Phổ khóa I". Phần 7, Béc-lin, 1847, tr.55). – 322.

237 *"Le Socialiste"* ("Người xã hội chủ nghĩa") - tờ báo Pháp ra hàng tuần do Gi.Ghết thành lập ở Pa-ri năm 1885; cho đến năm 1902 là cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân, từ năm 1902 đến năm 1905 là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp; từ năm 1905 là cơ quan của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp; trong những năm 80 -90 Ph.Ăng-ghen, P.La-phác-gơ và G.V. Plê-kha-nốp đã cộng tác với tờ báo.

Những bài báo về khu dân cư ở Ghi-dơ đăng trên tờ "Le Socialiste" các số 45 và 48, ngày 3 và 24 tháng Bảy 1886. – 332.

238 *"Harmony Hall"* ("Hác-mô-ni-hôn") - tên một khu dân cư cộng sản chủ nghĩa do các nhà xã hội - không tưởng Anh, đứng đầu là Rô-bớc Ô-oen, lập ra cuối năm 1839 ở tỉnh Hem-psia (Anh). Khu dân cư này tồn tại được đến năm 1845. – 332.

239 Xem V.A. Huber. "Sociale Fragen. IV. Die Latente Association". Nordhausen 1866 (V.A. Hu-bơ. "Những vấn đề xã hội. IV. Liên hợp vô hình". Noóc-hau-den, 1866). – 333.

240 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t,2, tr.555-557 và 561. – 333.

241 C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2. tr.561. – 333.

242 Đây là nói về việc Pháp trả cho Đức 5 tỷ phrăng tiền bồi thường chiến tranh theo điều 7 bản Hòa ước Phran-phuốc ký ngày 10 tháng Năm 1871. – 356.

243 Ăng-ghen ám chỉ những lời tuyên bố của nhà kinh tế tư sản Đức A-đôn-phơ Vắc-ne-rơ trong một loạt cuốn sách và bài phát biểu của ông ta nói rằng sự hồi phục tình hình nước Đức sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và nhất là do được 5 tỉ phrăng tiền bồi thường chiến tranh sẽ làm cho tình cảnh của quần chúng lao động được cải thiện đáng kể. – 356.

244 Đây muốn nói tới cuộc hội đàm giữa các hoàng đế Đức. Áo và thủ tướng của hai bên vào tháng Tám 1871 ở Ga-stanh và tháng Chín 1871 ở Dan-xbuốc. Trong quá trình hội đàm cũng đã thảo luận những vấn đề đấu tranh chống lại Quốc tế. Ăng-ghen gọi đây là những hội nghị Sti-bơ theo tên của người đứng đầu sở cảnh sát chính trị Phổ là Sti-bơ, qua đó nhấn mạnh tính chất phản động theo kiểu cảnh sát của những hội nghị này. – 356.

245 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.401-403 và những trang tiếp theo. – 358.

246 "Internationale et révolution A.propos du congrès de la Haye par des réfugiés de la Commune, ex - membres du Conseil Général de l'Internationale". Londres, 1872 ("Quốc tế và cách mạng. Do các chiến sĩ Công xã sống lưu vong, nguyên

là thành viên của Tổng Hội đồng Quốc tế viết nhân dịp Đại hội La Hay". Luân Đôn, 1872). – 364.

247 Xem G.W. F.Hegel. "Wissenschaft der Logik". Th. I. Abt.2; Werke, Bd.IV, Berlin, 1834, S.15, 75, 145 (G.V.Ph. Hê-ghen. "Khoa học lô-gích", Phần I, chương 2; Toàn tập, t.IV, Béc-lin, 1834, tr.15, 75, 145). – 364.

248 Những bài báo của Muyn-béc-gơ, đăng tháng Hai và đầu tháng Ba 1872 trên tờ "Volksstaat", sau này đã được in thành sách riêng: A.Mülberger. "Die Wohnungsfrage. Eine sociale Skizze". Separat - Abdruck aus dem "Volksstaat". Leipzig. 1872, S.25 (A.Muyn-béc-gơ. "Vấn đề nhà ở. Tùy bút xã hội". Tập bài báo rút từ tờ "Volksstaat". Lai-pxích, 1872, tr.25). – 367.

249 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr.580-581 và 601-602. – 368.

250 P.J. Proudhon, "Idée générale de la Révolution au XIX siècle". Paris, 1868. – 374.

251 Xem chú thích 232. – 374.

252 P-J. Proudhon. "De la justice dans la révolution et dans I'eglise". T.1-3, Paris, 1858.– 375.

253 P.-J. Proudhon. "La guerre et la paix". T.1-2. Paris, 1869.– 376.

254 F. Lassalle. "Das System der erworbenen Rechte. Eine Versöhnung des positiven Rechts und der Rechtsphilosophie". Th. I, Leipzig, 1861 (Ph.Lát-xan. "Hệ thống những quyền đã đạt được. Sự điều hòa giữa pháp quyền nhân định với triết học pháp quyền". Phần 1, Lai-pxích, 1861).– 377.

255 Ở đây Ăng-ghen nói phỏng theo lời của Mê-phi-xtô-phê-le-xơ trong vở bi kịch "Phau-xtơ" của Gơ-tơ, phần 1, cảnh 6 ("Món ăn của mụ phù thủy").– 385.

256 Qua việc trao đổi thư từ với nhà xã hội chủ nghĩa Đan Mạch Lu-i Pi-ô, Ăng-ghen, lúc bấy giờ thực hiện chức trách thư ký thông tấn phụ trách về Đan Mạch, được biết về những thành công to lớn của các nhà xã hội chủ nghĩa Đan Mạch trong việc tuyên truyền các nghị quyết của Quốc tế về vấn đề nông nghiệp. Trong thư gửi Lu-i Pi-ô cuối tháng Tư 1872, Ăng-ghen đánh giá cao bài báo nói về phương thức cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp thông qua hợp tác hóa, bài báo xuất hiện trên tờ "Socialisten" ở Cô-pen-ha-ghen và trên hầu khắp các

báo chí của Quốc tế. Ăng-ghen nhấn mạnh rằng "trong vấn đề cực kỳ hệ trọng là lôi kéo tầng lớp tiểu nông và những người nông dân không có ruộng đất vào phong trào vô sản thì người Đan Mạch hiện đang đi trước mọi dân tộc nhờ có những điều kiện của địa phương mình và năng lực to lớn về chính trị".– 390.

257 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.325-328.– 390.

258 Đây muốn nói tới "Lời kêu gọi của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế gửi các liên chi hội, các chi hội, các ủy ban và các thành viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở Đức" công bố ngày 1 tháng Chạp 1872 và được đăng trên tờ "Volksstaat" số 103, ngày 25 tháng Chạp 1872.– 395.

259 Ở đây nói về cuộc cải cách hành chính diễn ra ở Phổ phù hợp với "Điều khoản về các khu vực thuộc các tỉnh Phổ, Bran-đen-buốc, Pô-mê-ra-ni, Pô-dơ-nan, Xi-lê-di và Dắc-den" được Chính phủ Phổ thông qua ngày 13 tháng Chạp 1872.– 397.

260 Ở đây Ăng-ghen có ý nói tới sắc lệnh của vua Phổ ban hành ngày 24 tháng Mười 1808 về việc xóa bỏ chế độ hạn chế phường hội và thủ tiêu các tổ chức độc quyền và bản chỉ thị ban hành ngày 26 tháng Chạp 1808 - dưới hình thức tuyên ngôn - nêu rõ quyền tự do trong công nghiệp và buôn bán.

Ngày 9 tháng Hai 1849, Chính phủ Phổ đã ban hành hai sắc lệnh về những thay đổi trong điều lệ cũ của ngành kinh doanh - đưa vào điều lệ hệ thống các hội đồng kinh doanh (Gewerberäte) và các tòa án ngành kinh doanh (Gewerbegerichte). Những sắc lệnh này đã khôi phục lại bộ luật về các nghề kinh doanh thời kỳ bán Trung cổ.– 398.

261 Ở đây nói về giám đốc nha cảnh sát Phổ Hin-ken-đây, người đã bị nam tước Rô-khơ-vư, một trong những đại diện có tiếng tăm của đảng Stan - Ghéc-la-khơ phản động (xem chú thích 268), giết chết năm 1856 trong cuộc đấu súng tay đôi nhân việc cảnh sát đóng cửa sòng bạc, mà bè lũ trong đảng Stan - Ghéc-la-khơ quan tâm đến công việc của sòng bạc này.– 399.

262 Đây muốn nói đến đường lối "tự do" mà hoàng tử Phổ Vin-hem (từ năm 1861 là vua Phổ) đã tuyên bố khi ông ta lên nắm quyền nhiếp chính vào tháng Mười 1858. Năm 1858 hoàng tử nhiếp chính này đã cách chức nội các Man-toi-phen